

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Nghĩ về
quốc hoa**

Tr. 9

**Chùa làng
thơm ngát hương sen**

Tr. 57

Sen



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

THÔNG TIN ĐỊA CHỈ XIN LIÊN HỆ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CŨ CỦA HSG: 215 - 216 LÝ TỰ TRỌNG, Q.1, TP. HCM

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MỚI CỦA HSG: 94 - 96 NGUYỄN DU, P. BẾN NGHÉ, Q.1, TP. HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cơ Hồ Thị Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cơ Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Hãy biết hổ thẹn (<i>Nguyễn Căn</i>)	3
Sương mai	6
Sen (<i>Lê Thị Chân Tú</i>)	7
Nghĩ về quốc hoa (<i>Lâm Hạnh Nhiên</i>)	9
Kệ thị tịch của Hòa thượng Bích Liên và tình nghĩa thầy trò (<i>Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch</i>)	11
Phát hiện một số tư liệu có liên quan đến Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh (<i>Đổng Dưỡng</i>)	14
Lời xưa đã nhạt... (<i>Trần Văn Chánh</i>)	17
Lắng nghe lòng mình (<i>Nguyễn Khánh</i>)	20
Thực hành duy thức (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	23
Giá trị của giáo lý nghiệp (<i>Phan Minh Đức</i>)	26
Phật giáo và vũ trụ (<i>Đại sư Tinh Vân, Nguyễn Phước Tâm dịch</i>)	29
Suy nghĩ về đời sống hôn nhân (<i>Chagdud Tulku Rinpoche, Đỗ Hoàng Tùng dịch</i>)	31
Viếng chùa Thập Tháp, ngôi cổ tự ngát hương thiền (<i>Thục Quyên</i>)	35
Rắc rối chuyện đời (<i>Hoàng Tá Thích</i>)	38
Cánh cửa và chân mây (<i>Cao Huy Hóa</i>)	41
Chung góp nghĩa tình (<i>Nguyễn Đình Niềm</i>)	44
Chuẩn bị tốt cuộc nghỉ mát (<i>Nguyễn Hữu Đức</i>)	46
Vô thường (<i>Tiểu Trúc</i>)	48
Trên toa tàu số 6 (<i>Đoàn Đại Trí</i>)	50
Thơ	52
Sự trở về (<i>Fernando Sorrentino, Khánh Uyên dịch</i>)	54
Chùa làng thơm ngát hương sen (<i>Hoàng Thị Giang</i>)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	59
Món chay: Canh rong tóc tiên (<i>Hoàng Anh - Phú Xuân</i>)	62

Bìa 1: Sen. Ảnh: Ngô Văn Thông

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong những ngày qua đã có nhiều độc giả gửi thư đến tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo để bày tỏ sự xúc động khi tham gia và chứng kiến các hoạt động tình nguyện trong chương trình giúp đỡ các em học sinh ở các tỉnh tập trung về thành phố dự kỳ thi tuyển vào đại học. Chúng tôi xin chân thành chia sẻ niềm xúc động ấy của quý vị. Việc tạo điều kiện cho những người đi thi được an lạc và thanh thản khi bước chân vào phòng thi, mang sức học của chính mình ra giành lấy một chỗ ngồi xứng đáng trong giảng đường đại học, là một việc làm hết sức nhân ái, thể hiện sự quan tâm của mọi người đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước.

Trong vài năm qua, những chương trình tiếp sức cho người đi thi đã đều đặn diễn ra ở nhiều nơi mỗi lần đất nước vào mùa thi. Riêng tại TP.HCM năm nay đã có tới 9.000 chỗ trọ miễn phí đón tiếp những em học sinh từ nơi xa về thành phố, cho thấy nguồn lực của chương trình này không nhỏ. Mong sao những chương trình này ngày một mở rộng, tiến tới việc không chỉ tiếp sức cho người đi thi trong mùa thi, mà trở thành những quỹ học bổng thực sự có tác dụng giúp đỡ tất cả những người đi học có khó khăn trong quá trình học tập. Đành rằng những quỹ khuyến học vẫn có đó, nhưng có lẽ việc hướng dòng chảy của nguồn lực tiếp sức người đi học chỉ trong mùa thi thành một nguồn lực ổn định hơn, nhằm tiếp sức người đi học, cũng là một việc đáng lưu tâm.

Gần đây cũng có một số độc giả gửi thư hoặc gọi điện thoại đến tòa soạn chia sẻ về mối quan tâm rằng con số những tờ báo được các nhà hảo tâm gửi tặng các chùa, các trường Phật học và các trung tâm xã hội tăng rất chậm, và có ý lo lắng rằng sự phát triển của VHPG như vậy là quá chậm. Chúng tôi xin trả lời chung rằng việc tặng báo là sự tự nguyện chia sẻ của những vị có tâm nguyện muốn phổ biến rộng rãi hơn tiếng nói của người con Phật đến mọi người; và thường thì các vị hảo tâm luôn đăng ký tặng báo vào đầu năm. Nay chúng ta đang ở thời điểm giữa năm, con số đã có thực ra là con số cố định. Sự thay đổi tăng tiệm tiến chúng tỏ rằng có nhiều người mới biết chương trình này liền tham gia chương trình, đó vẫn là dấu hiệu đáng mừng. Nhìn chung, như chúng tôi đã thưa, VHPG vẫn có những phát triển thật chậm về số lượng phát hành nhưng không hề bị khựng lại, điều đó cho thấy VHPG vẫn đáp ứng được lòng tin yêu của quý độc giả.

Bây giờ đang là mùa hạ. Sen đang nở trên khắp cả nước. Mong sao, mỗi khi đứng trước những đóa sen tươi thắm, mọi người con Phật - và tất cả chúng ta - đều tưởng nghĩ đến Đức Thế Tôn và đạt được sự tinh tấn cùng niềm an lạc tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Hãy biết hổ thẹn

NGUYỄN CÁN

Lời người viết:

Có một tác phẩm đã được dịch ra 18 thứ tiếng là Petit traité des grandes vertus (tạm dịch: Tiểu luận về Đại hạnh) trong đó tác giả André Comte-Sponville, một triết gia người Pháp, đã đề cập đến 18 khái niệm triết học, hay đúng hơn, 18 phẩm chất hình thành nên nhân cách người phương Tây, từ tình yêu cho đến phong cách lịch sự, từ lòng khoan dung cho đến sự nhẫn nại... Nhìn lại cuộc sống và xã hội chúng ta hôm nay, người ta cũng thấy rất cần phải xây dựng hay khôi phục lại những phẩm chất đã làm nên người Việt hôm qua và sẽ phải là căn tính Việt ngày mai. Trong bài viết này, chúng tôi nói về một phẩm chất đang phai pha, hay nguy hiểm hơn, đang dần vắng bóng, trong cách ứng xử của con người Việt hiện tại: lòng hổ thẹn.

Phải chăng người dân vô cảm?

Trong bài viết *Sự nhẫn tâm, vô cảm, và trách nhiệm* đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 132 phát hành ngày 1-7-2011, tác giả đã nhân sự kiện có vụ xúm vào hôi của thay vì cứu giúp người đi đường bị giật tiền trên đường phố xảy ra giữa ban ngày tại TP.HCM để nói đến sự nhẫn tâm, thói vô cảm và đặt vấn đề về tinh thần trách nhiệm. Tác giả bình luận "... họ hoàn toàn không xấu hổ, hoàn toàn không sợ hãi bất kỳ một hậu quả nào mà hành vi đó có thể gây ra, họ ngang nhiên nhúng tay vào việc ác.

Họ không vô cảm mà là những kẻ không có một chút tình thương nào, quá tham lam, không biết xấu hổ, không hiểu luật nhân quả, không sợ hãi sự trừng trị của luật pháp, coi thường luật pháp, coi thường mọi biện pháp quản lý trị an của chính quyền sở tại, coi thường đồng loại đang chúng





kiến hành vi của họ. Đó chính là tính cách tâm lý của kẻ cướp". Tác giả cũng phê phán: "Trong khi đó, thái độ của những người có trách nhiệm là vô cảm. Thật vậy, khi nhiều ngày đã trôi qua mà không hề có một tiếng nói có trách nhiệm nào giải thích về vụ việc nói trên..." Và tác giả đã kết luận bài báo như một tiếng chuông báo động: "Hơn lúc nào hết, sự vô cảm cần được nhận diện đúng nơi, đúng chỗ. Nếu không, từ những chuyện nhỏ như sự kiện trong mẫu tin trên, nếu không được xử lý đến nơi đến chốn, nó có thể gây thành những trận cuồng phong vô cảm cuốn phăng dân tộc này!".

Liệu sự vô cảm đã đến mức ghê gớm vậy chăng? Người ta vẫn thấy trên mặt báo ngày nào cũng có tin tức về những vụ người dân bị tai nạn, đến mức thương vong, vì sự tắc trách của những nhà thầu công trình, hay do sự bê trễ, thờ ơ của những người có trách nhiệm. Gần đây, đã xảy ra vụ một thiếu nữ ở Cà Mau chết vì bị các cán bộ bệnh viện bỏ mặc sau khi chẩn đoán sai khiến công chúng phẫn nộ đập phá bệnh viện và cả nhà riêng của vị bác sĩ trực. Hành vi ấy tất nhiên là không đúng nhưng đó chính là lời cảnh báo rằng đã đến lúc không thể làm ăn tắc trách như vậy được nữa.

Thế còn những vụ việc không biết gọi tên ai thì sao? Chẳng hạn mẫu tin được truyền đi bởi Thông tấn xã Việt Nam như sau đây: "Tối 19/3, tại thôn Cầu, xã Lạc

Đạo, Văn Lâm, Hưng Yên xảy ra vụ tai nạn thương tâm. Bà Nguyễn Thị Phải, 76 tuổi, khi đi rửa rau trên bờ mương gần nhà đã chạm phải đường dây điện hạ thế bị đứt. Điện giật làm bà Phải chết tại chỗ. Tại hiện trường, đoạn dây điện sinh hoạt dẫn vào nhà các hộ dân vẫn lơ lửng bên xác nạn nhân.... Người dân thôn Cầu cho rằng đường dây điện hạ thế đã xuống cấp nghiêm trọng là thủ phạm chính gây ra cái chết của bà Phải. Mặc dù người dân đã nhiều lần kiến nghị với chính quyền địa phương, ngành điện, cảnh báo tình trạng nguy hiểm của lưới điện đe dọa cuộc sống của hàng trăm con người, song đã qua nhiều năm chưa hề có chuyển biến. Sau khi lưới điện được bàn giao cho Điện lực Văn Lâm từ một năm qua, tình trạng trên vẫn chưa được khắc phục".

Trong những vụ tai nạn lao động ở khắp nơi trên cả nước, có ai thống kê bao nhiêu phần trăm nguyên nhân là do thái độ vô trách nhiệm của chủ thầu, chủ đầu tư...

Trông người mà nghĩ đến ta

Hẳn là con người ở đâu cũng giống nhau về mặt tâm sinh lý. Trong lúc ở ta chưa có dữ liệu thì cũng có thể nhìn qua nước bạn mà nghĩ về mình khi những hiện tượng xã hội có nhiều sự đồng nhất. Nếu người dân vì không biết hổ thẹn mà "hôi của" rồi bỏ chạy thì các quan tham cũng vậy. Một bài viết được đăng trên *The Economic Observer Online* (Quan sát Kinh tế Trực tuyến báo) dẫn những thống kê chính thức của Nhà nước Trung Quốc gần đây, cho biết kể từ thập niên 1990, con số quan chức và nhân viên cao cấp thuộc các cơ quan Nhà nước Trung Quốc bỏ trốn ra nước ngoài đã lên tới gần 18.000 người; theo chân họ là khoản tiền trị giá 800 tỉ NDT (hơn 120 tỉ USD). Đưa ra thống kê này, Ngân hàng Trung Quốc nhấn mạnh tới thực tế là đến nay vẫn không ai có thể nói chính xác bao nhiêu tiền đã bị lấy đi và con số 120 tỉ USD kể trên chỉ là ước đoán. Số tiền đó tương đương với tổng ngân sách dành cho hoạt động giáo dục từ năm 1978 tới năm 1998 ở Trung Quốc; và như vậy, ước tính mỗi quan chức Trung Quốc bỏ trốn đã bòn rút của nhà nước và nhân dân Trung Quốc xấp xỉ bảy triệu đô la Mỹ; tất nhiên, con số thực có thể còn lớn hơn như vậy rất nhiều. Người dân Trung Quốc rất phẫn nộ khi biết chỉ riêng bà vợ của viên phụ tá kỹ sư trưởng thuộc Bộ Đường sắt của xứ này cũng đã sở hữu ba tòa nhà sang trọng ở Los Angeles Hoa Kỳ, lại có tài khoản tiết kiệm ở các ngân hàng của Mỹ và Thụy Sĩ với số tiền lên tới gần ba triệu đô la Mỹ. Các nhà báo Trung Quốc cho rằng trường hợp này chỉ thể hiện một góc rất nhỏ của bức tranh toàn cảnh. Tình trạng nghiêm trọng đến mức vị Chủ tịch nước Trung Quốc là ngài Hồ Cẩm Đào phải nhìn nhận tham nhũng là nguy cơ lớn nhất đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc; trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng CSTQ, ông ấy đã cảnh báo rằng dân Trung Quốc sẽ không ủng hộ Đảng

CSTQ nữa nếu các đảng viên cộng sản tiếp tục tham nhũng và xa cách dân chúng như hiện nay.

Cũng bài viết trên đã nói đến điều được gọi là bảy nỗi hổ thẹn trong chiến dịch chống tham nhũng ở Trung Quốc, được liệt kê như sau:

Thứ nhất, hoạt động chuyển một lượng tiền lớn từ Trung Quốc ra nước ngoài là mất rất nhiều thời gian, vậy mà các vị tham quan vẫn qua mặt được hệ thống phòng chống tham nhũng của Trung Quốc.

Thứ hai, hầu hết các quan chức chuẩn bị trốn chạy đều gửi gia đình ra nước ngoài trước, chỉ tiếp tục ở lại một mình “đoạn hậu”, vậy mà hệ thống chống tham nhũng của Trung Quốc chẳng thấy gì.

Thứ ba, trong lúc hệ thống tài chính Trung Quốc nổi tiếng nghiêm ngặt trong việc chuyển ngân mà việc đưa ra nước ngoài hàng tỷ đô la như vậy lại trót lọt.

Thứ tư, các vị quan chức chuẩn bị trốn chạy này mang nhiều tên khác nhau, có nhiều hộ chiếu khác nhau; trong khi mạng lưới an ninh Trung Quốc là chặt chẽ.

Thứ năm, kể cả khi phát hiện được những tham quan này ở nước ngoài, Trung Quốc cũng không thể trừng phạt họ được; vì Trung Quốc không có hiệp ước dẫn độ với những nơi những viên chức này hạ cánh.

Thứ sáu, ngay cả trường hợp gài bẫy để bắt được các viên chức này thì Nhà nước Trung Quốc cũng không có cơ sở thu hồi số tiền mà họ đã biển thủ; hoặc nếu thu hồi được bằng các biện pháp quốc tế thì cuối cùng con số thực thu của ngân quỹ nhà nước cũng bằng không sau khi chi trả phí thu hồi.

Cuối cùng và là nỗi hổ thẹn thứ bảy của hệ thống phòng chống tham nhũng Trung Quốc nằm ở chỗ tất cả những vụ trốn thoát thành công của những con sâu bự lại trở thành những tấm gương lớn cho những con sâu hậu duệ của chúng học tập.

So với Trung Quốc, chẳng biết Việt Nam ta có được mấy nỗi hổ thẹn, hay cũng tập trung đủ những “tính cách” như ông hàng xóm vĩ đại nhưng cũng “đồng bệnh tương liên”?

Làm sao để con người Việt hôm nay từ quan đến dân đều biết hổ thẹn. Nói như một hiền triết phương Đông “*Làm sao trông lên không thẹn với trời, cúi xuống không thẹn với lòng mình, nhìn quanh không thẹn với người, thế mới là bậc đại trượng phu...*”

Cần phải phục hoạt tâm tâm quý

Kinh A Hàm nói, “*Lấy cái thế gian có tâm quý, hai pháp không giống với các chúng sinh khác*”.

Thanh tịnh đạo luận nói, “*Giới được hiện rõ, được nhận chân qua sự thanh tịnh. Nhưng tâm và quý là cái nhân gần của giới, vì khi tâm quý có mặt, thì giới phát sinh và tồn tại; còn khi tâm quý vắng mặt, thì giới không phát sinh, cũng không tồn tại*”.

Trên phương diện ngữ nghĩa, tâm và quý đều là hổ thẹn, nhưng tự soi xét lòng mình không hổ thẹn thì là

“tâm”, còn nhìn người chung quanh không hổ thẹn thì là “quý”. Chỉ vì biết hổ thẹn mà con người là con người. Chỉ có con người mới biết giới hạn của những mối quan hệ, nhân luân, tình nghĩa gia đình, chòm xóm, quê hương... để suy nghĩ và hành động. Nếu không phân biệt, không còn biết hổ thẹn, sống dâm loạn bầy đàn, lừa dối, tàn sát lẫn nhau thì xã hội sẽ chẳng khác nào rừng hoang, gia đình, tổ chức, hay lớn hơn, đất nước đều không còn tôn ty, giềng mối gì! Người ta cũng không khỏi ngạc nhiên khi nhiều người phóng sanh chim, cá, không dám giết dù là một con chuột; nhưng lại so đo tính toán thiệt hơn với cha mẹ anh chị em, thiếu trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ già, quyết liệt tranh đoạt chứ không biết nhường nhịn anh chị em; trong công việc thì dối trá, tham nhũng, xén bớt vật tư... như thế thì cũng là người “không biết hổ thẹn”.

Vi diệu pháp giải thích rằng người có tâm tâm sẽ chùn bước, thối lui trước hành động bất thiện giống như lông gà co rút lại trước ngọn lửa. Người không có tâm tâm có thể làm bất kỳ điều bất thiện nào mà không rụt rè. Người có tâm quý biết ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện; ngược lại, người không có tâm quý được ví như con thiêu thân bị cháy sém trên ngọn lửa. Cũng vậy, người không có tâm quý không biết sợ hậu quả của hành động bất thiện nên sẵn sàng làm bất kỳ điều ác nào và phải chịu khổ cùng trong khổ cảnh.

Tâm và quý là hai yếu tố chi phối thế gian rất mạnh mẽ. Thiếu hai yếu tố này thì không xã hội văn minh nào có thể tồn tại. Thiếu tâm và quý, con người sẽ sống hoàn toàn theo bản năng, không điều xấu xa dù ghê tởm đến mức nào không dám làm.

Việc trường dưỡng tâm tâm quý luôn luôn đòi hỏi sự tự giác. Con người có ý thức về tư cách của mình trong xã hội, e dè trước những điều có thể đánh mất phẩm giá của mình, sợ hãi trước những điều khiến người khác coi thường mình, ý thức về hậu quả của hành động của mình, sẽ phải dẫn đạo trước mọi hành động. Một nhà sản xuất hàng hóa nếu biết hổ thẹn sẽ không dám bắt chắp sức khỏe người tiêu dùng mà sản xuất hàng gian hàng giả. Tính đạo đức trong kinh doanh chính là nhân tính. Suy rộng ra từ các ngành nghề khác cũng vậy. Nếu biết xấu hổ, ông giáo sư sẽ không dám đạo văn, ông nhạc sĩ không dám đạo nhạc, vị quan chức sẽ ăn bớt lại, hoặc lý tưởng nhất là không tham nhũng, nhận hối lộ (!). Lương tâm sẽ gắn gụi hơn, nghiêm khắc hơn chứ không đến mức con người thời nay đều bị “đứt dây thần kinh mắc cỡ” như chúng ta vẫn than thở bấy lâu.

Bắt đầu với tâm tâm quý, mọi người sẽ tự vấn lòng mình và suy xét hậu quả trước sau. Hạnh phúc của mỗi người và cả cộng đồng sẽ nhân lên bội phần nếu ai cũng muốn hình ảnh mình “đẹp” hơn, lương thiện hơn trong mắt và trong lòng người khác và nhất là luôn đi ngủ với một lương tâm thanh thản. ■

Bất kể Như Lai có xuất hiện hay không, pháp giới vẫn thường trụ, thực tính của tất cả các sự vật vẫn thường trụ.

Kinh Lăng Già



Ảnh: Văn Thông

Sen

LÊ THỊ CHÂN TỬ

Mùa sen đến muộn... Mưa dầm và cái lạnh tê tái kéo dài từ cuối mùa đông sang cả hai tháng Giêng, Hai làm biến đổi chu kỳ sinh trưởng của cây cỏ. Mọi năm, rằm tháng Tư là gần nửa mùa. Nhưng năm nay, đến ngày Phật đản, trong các hồ, hoa chỉ lác đác, không đủ để dâng lên cúng Phật. Mãi đến giữa tháng Năm, sen bắt đầu nở. Sen đầu mùa trong năm mất mùa, giá cứ ngất ngưỡng. Nhưng không sao, cái gì

hiếm thì quý. Tôi mua liền hai chục. Một trên bàn Phật, một trong phòng khách. Lọ thủy tinh cao, trong suốt, đặt trên tấm lá sen non, rất hợp với dáng thanh thoát của cành và màu trắng tinh khiết của hoa. Mua về, hoa đã chúm chím. Nhưng hình như muốn thử thách sự kiên nhẫn của người yêu hoa nên nó chưa vội nở.

Sáng hôm sau, thức dậy, háo hức, đợi chờ... Căn phòng bừng sáng và sự rực rỡ hương... Tôi tự bảo mình cố kìm nén cảm xúc, đừng vội vã, hãy từ từ để tận

hưởng. Không nghiện nhưng tôi cũng pha cho mình một bình trà ngon, thêm vào đó vài bông sồi. Có hoa đẹp, không rượu, ít ra phải có trà cho đủ lệ bộ. Ban mai trong trẻo... Căn nhà nhỏ tĩnh lặng. Chỉ có người và hoa... Thêm mấy sê nhỏ chút tranh mỗi ở một góc sân. Tôi nuôi lũ chim trời này để nghe tiếng hót. Nhìn chăm chăm vào một bông hoa, tôi bị hấp dẫn bởi cái màu trắng lạ lùng của nó. Công nghệ của con người dù có hiện đại vẫn kém xa bàn tay của tạo hóa khi tạo ra màu trắng huyền hoặc, nõn, mịn, non tơ...



Cái màu trắng nâng hồn ta lên, chơi vơi, chơi vơi... Tua nhị vàng óng, xếp lớp đều đặn, mảnh mai, đầu lấm tấm trắng ồm lấy gương sen... Hương sen thơm mê đắm lòng người. Điều đó tất nhiên, chẳng có gì phải bàn cãi. Nhưng cái mùi ngai ngái của lá sen cũng có sức hấp dẫn đặc biệt khiến ta cứ muốn vùi mặt vào đó như trẻ con vùi đầu vào áo mẹ. Ngày nhỏ, trẻ con chúng tôi thường thích lấy lá sen đội đầu đi giữa trời nắng chang chang. Hương thơm ấy còn phảng phất mãi cho đến bây giờ... Sen đẹp và biết mình đẹp nên đồng đánh. Chưa đến mười hai giờ trưa nó từ từ khép lại. Có lẽ cũng như sừng, nó sẽ nở lại một hoặc hai lần nữa... Rồi thôi. Thế cũng là quá đủ.

Sáng hôm sau thức dậy, không háo hức như buổi đầu nhưng cũng có ý chờ đợi... Chao ôi! Không tin được...! Hoa như cô gái thanh xuân, đầy sức sống bỗng chốc bị rút hết sinh lực... Cành rũ xuống, cánh hoa rụng tơi tả trên mặt bàn để lộ nhị hoa xơ xác. Cái màu trắng nõn nà, tinh khôi, huyền hoặc không còn nữa. Cánh khô, màu xỉn lại, nhăn nheo chùng xuống, lác đác những vết thâm như da người có tuổi... Sao lại nhanh thế nhỉ? Chỉ mới sáng hôm qua... Thiếu nước? Không. Hay vì thời tiết? Tháng Năm nào chả thế. Từ đỉnh cao của nhan sắc, chỉ qua một đêm, một đêm thôi, hoa đã úa tàn. Vẫn biết đời hoa ngắn ngủi nhưng vẫn có những thứ hoa khác đẹp được vài ngày, một tuần, thậm chí vài tháng như một vài loài lan quý... Tuổi thọ của sen có lẽ chỉ hơn được hoa quỳnh. Hai buổi sáng, trước một bình hoa, tôi trải qua những cảm xúc trái ngược...

Ngắm một hồ sen... Có lá sen non trải dài trên mặt nước. Những lá già hơn, khỏe khoắn vươn quá mặt hồ. Những nụ còn non tơ... Những hoa chúm chím... Hoa mãn khai vươn cao, ngửa mặt kiêu kỳ phô bày nhan sắc rực rỡ của nó. Có cả những cánh đã tàn, nhị rã, còn trơ gương sen như người đã trải đời, lụi lại, ẩn mình sau đám lá xanh. ... Tất cả, tạo thành một tổng thể, không phân biệt. Chúng liên hệ, nối tiếp, nâng đỡ nhau tạo nên vẻ đẹp của hoa sen trong hồ. Còn có thêm vẻ đẹp của mặt nước và bầu trời soi bóng. Hình như khi ta nhìn mọi vật một cách tổng thể, qui luật biến hoại của cuộc đời trở nên bớt trần trụi và khắc nghiệt. Tương lai của cây cổ thụ già, cằn cỗi là những chồi non. Ông bà, cha mẹ soi mình trong đàn con cháu. Người thầy gửi lại tâm huyết của mình qua đám học trò. Chẳng có gì thực sự mất đi, chúng chuyển hóa và tồn tại dưới một dạng nào đó bởi sự sắp xếp diệu kỳ của bàn tay tạo hóa. Hết mùa, sen sẽ tàn... Nhưng rễ và củ còn đấy... Rồi lại có một mùa sen mới ở năm sau...

Để thưởng thức vẻ đẹp của sen, có hai cách. Nếu đủ can đảm, hãy đối diện với hoa, sát-na nở, sát-na tàn để thấy vẻ đẹp mong manh mà tuyệt vời của nó. Còn không, hãy ngắm nó từ xa trong hồ cho đến hết mùa sen. Cách nào cũng được. Vì, cái Đẹp, Đẹp đích thực, dù ngắn ngủi vẫn có tác dụng thanh lọc và cứu rỗi tâm hồn. ■



Nghĩ về quốc hoa

LÂM HẠNH NHIÊN

1. Có thể hiểu quốc hoa là một loài hoa được coi như biểu tượng của một dân tộc, một đất nước; hoặc được công nhận bởi một văn bản pháp lý, hoặc được nhìn nhận một cách mặc nhiên. Thực ra, để làm biểu tượng cho một cộng đồng thì có nhiều thứ chứ không riêng gì hoa; chẳng hạn, nói tới Tây Ban Nha thì người ta nghĩ ngay đến đấu bò, nói tới Anh người ta nghĩ tới bóng đá, và nói tới Mỹ thì đó là bóng bầu dục hay khúc côn cầu. Tuy nhiên, hoa được loài người thích sử dụng làm biểu tượng vì hoa tượng trưng cho cái đẹp; hoa vừa có sắc vừa có hương, nó thỏa mãn được cả thị giác và khứu giác. Con người gắn bó với hoa vì hoa là một bộ phận cấu tạo của thực vật, một phần không thể tách rời của hệ sinh thái nơi đó con người sinh sống. Hoa còn là cơ quan sinh dục của thực vật, tượng trưng cho sự dồi dào, phồn thịnh. Hoa có sự hấp dẫn riêng, đặc biệt có tác dụng mời gọi, quyến rũ, nhắc nhở con người về những kỷ niệm đẹp liên quan đến nó.

2. Tính biểu tượng của hoa đối với một số quốc gia là một thực tế. Từ lâu, hễ nhắc tới hoa anh đào, người ta nghĩ ngay đến Nhật Bản; nhìn thấy cành uất kim hương (hoa tulip), người ta liền tưởng đất nước Hà Lan; hoặc khi thấy hoa sen, người ta nghĩ về vùng đất thiêng Ấn Độ. Vì lẽ những dân tộc này đã dành hết những tình cảm của họ cho các loài hoa vừa được nói đến, đã có những hoạt động cộng đồng gắn kết với chúng, đã hành diện về chúng, đã tôn thờ chúng, mà điều đó được nhiều người trên thế giới biết đến một cách tự nhiên.

3. Mặc dù vậy, khái niệm quốc hoa lại là một khái niệm rất mới; nhất là việc tôn vinh một loài hoa nào đó là quốc hoa bằng một văn bản pháp lý. Có thể nói, chỉ từ khi hoạt động du lịch được nâng lên thành công nghệ không khói, có những quốc gia thấy nhiều nơi có sẵn loài hoa làm biểu tượng, mới vội vàng tìm cách tạo cho mình một biểu tượng bằng một loài hoa và gọi đó là quốc hoa; về thực chất cái gọi là quốc hoa cũng chỉ là một công cụ nhằm quảng bá ngành công nghệ du lịch của xứ đó. Việc viện dẫn những mỹ từ để tôn xưng loài hoa làm biểu tượng, rằng đó là loài hoa cao đẹp, thiêng liêng, tượng trưng hồn dân tộc, thể hiện bản sắc văn hóa... chẳng qua chỉ là những lối nói bóng bẩy và cường điệu. Nếu hiểu được thực chất vai trò của cái gọi là quốc hoa, cũng chỉ là một thương hiệu quảng bá ngành du lịch, có lẽ việc chọn quốc hoa đã không quá rườm rà như vừa diễn ra ở Việt Nam ta trong thời gian vừa rồi.

4. Thật vậy, theo những thông tin từ các cơ quan tổ chức chọn quốc hoa thì đó là một nhu cầu có thật, nhưng đáng tiếc, người ta biết rằng kết luận đó chỉ dựa trên việc tham khảo ý kiến một số sinh viên và chuyên gia các ngành mỹ thuật, du lịch và cây cảnh; về sau, khi tổ chức hội thảo thì có mở rộng tới một số người hoạt động về ngoại giao văn hóa; để rồi từ đó, một đề án nghiên cứu việc tổ chức chọn quốc hoa ra đời. Tìm hiểu thêm, người ta được biết các nhà tổ chức cũng đã nghiên cứu về việc chọn hoa làm biểu tượng cho đất nước của các quốc gia khác trên khắp thế

giới. Và dựa trên những điều mà các nhà tổ chức đã phát biểu, người ta cũng có thể nhận ra rằng, lại thật đáng tiếc, kết quả nghiên cứu của quý vị ấy vẫn chưa vượt qua nổi những kiến thức phổ thông được cung cấp miễn phí trên các trang mạng internet mà bất kỳ một em học sinh cấp hai nào cũng có thể truy cập và trình bày có khi còn mạch lạc hơn. Kiến thức đó cho biết, rằng trong khi cả thế giới có 202 quốc gia thì hiện chỉ có khoảng trên 100 quốc gia đã chọn cho mình những loài hoa làm biểu tượng; rằng trong số đó, có tới cả chục quốc gia cùng chọn biểu tượng của họ là hoa hồng, gồm Ả Rập Saudi, Anh, Bồ Đào Nha, Bulgaria, Hoa Kỳ, Iran, Iraq, Luxembourg, Morocco, và Romania; rằng hoa sen đã được cả Ấn Độ, Ai Cập, và Ma Cao chọn làm biểu tượng; rằng nhiều nước chọn vài loài hoa làm biểu tượng chứ không chỉ có một; rằng có những nước có loài hoa được nhìn nhận là quốc hoa nhưng họ chẳng hề quan tâm tới việc cấp cho loài hoa ấy một chứng chỉ pháp lý, một trong những trường hợp đó là nước Nhật; rằng người Trung Quốc ưa thích mẫu đơn biết mấy nhưng chỉ đến năm 1903, triều đình nhà Thanh mới chọn mẫu đơn làm biểu tượng cho hoàng gia, cách mạng dân quốc nổi lên xóa bỏ biểu tượng mẫu đơn nên phải chọn biểu tượng khác là hoa mai (plum blossom), rồi đến khi dân quốc bị đẩy ra Đài Loan thì chính quyền nhân dân không cần quan tâm đến việc chọn hoa làm biểu tượng nữa; rằng ở nhiều nước như Anh, Mỹ, Thụy Điển... , mỗi hạt, mỗi bang, mỗi tỉnh... đều có các loài hoa làm biểu tượng mà cả nước thì không, riêng ở Mỹ, vào năm 1986, Tổng thống Ronald Reagan mới ký một văn bản pháp lý công nhận hoa hồng làm biểu tượng cho Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ, và ở Anh thì mãi năm 2002, khái niệm dùng hoa làm biểu tượng cho các hạt mới được phổ biến khắp Liên hiệp Vương quốc Anh; rằng Lào chọn hoa sứ làm biểu tượng nhưng ngày nay trên khắp nước Lào tìm được một cây hoa sứ cũng là một việc hết sức khó...

5. Lẽ ra, với những kết quả nghiên cứu như thế, các nhà tổ chức cần phải thu hẹp công việc của mình lại. Đằng này, họ vẫn quyết tâm dùng những lời lẽ khoa trương, rằng đề án của họ có ý nghĩa chính trị văn hóa và kinh tế lớn, rằng đề án có quy mô triển khai rộng khắp cả nước, rằng đề án đòi hỏi nỗ lực của các bộ, ban, ngành và trách nhiệm của toàn dân. Đáng lưu ý là họ dự kiến tổ chức lễ hội tôn vinh loài hoa được chọn làm biểu tượng theo định kỳ và sẽ quy hoạch, bảo tồn và phát triển chúng. Đã có lời tuyên bố rất ấn tượng từ một vị quan chức nào đó: *Quốc hoa chính là một biểu tượng văn hóa cần có để Việt Nam "khoe" nhiều hơn về nền văn hóa giàu bản sắc của mình với năm châu bốn biển.* Dẫn xuất từ những ý kiến lãng mạn mang tính cường điệu không cần thiết như thế, việc chọn quốc hoa đã được tổ chức rầm rộ trên cả nước mà thực chất cũng chỉ thu hút những người quan tâm đến các lĩnh vực mỹ thuật, du lịch và cây cảnh là chính. Thực tế cho thấy những cuộc bầu chọn ở ba thành phố lớn chỉ lấy được ý kiến của vài chục ngàn người, còn ý kiến trình bày trên mạng thì có thể

có tới gần hai trăm ngàn người, nhưng con số trên mạng có thể là con số ảo vì một người có thể có vài ba ý kiến là chuyện thường. Như vậy, dùng con số tối đa có thể có và chưa chắc chính xác là gần ba trăm ngàn người để đại diện cho quan điểm và nhận thức của hơn tám chục triệu người Việt là điều vu viễn.

6. Nếu các cơ quan tổ chức chọn hoa làm biểu tượng xác định đúng tầm vóc công việc của mình, rằng đây chỉ là một công việc cấp Bộ, cấp Vụ hay cấp Tổng cục, đừng đẩy lên thành hoạt động cấp Chính phủ, cấp Nhà nước, thì việc chọn một loài hoa biểu tượng cho ngành du lịch Việt Nam không lùm xùm như thực tế đã diễn ra. Và nếu việc tổ chức được thu hẹp trong phạm vi ngành thì không đến nỗi có những lời bình luận hằn học của người dân, rằng Nhà nước rồi hơi làm chuyện phù phiếm trong lúc vô số những khó khăn khác của đất nước chưa giải quyết. Quả thật, nếu chỉ thu hẹp trong phạm vi ngành, công việc chọn hoa làm biểu tượng có thể tiến hành bất cứ lúc nào, không phải vì dân đói hay có thiên tai mà không làm; vì việc làm đó có một mục đích rõ rệt, là tạo một công cụ sắc bén cho việc quảng bá ngành du lịch của nước nhà. Trong trường hợp đó, việc mỗi miền chọn một loài hoa, hoặc mỗi vùng chọn một loài hoa là điều hoàn toàn có thể chấp nhận được; và có gọi tất cả những loài hoa được nhiều người ưa thích đều là quốc hoa thì cũng có sao đâu? Khi đó, thành viên tham gia bình chọn có thể chỉ là bất kỳ ai có quan tâm chứ không cần phải là đại diện cho ý thích của toàn dân.

7. Dẫu sao thì sự việc cũng đã diễn ra theo đúng ý đồ của các nhà tổ chức. Và theo kết quả được công bố thì hoa sen chiếm ưu thế. Đối với người Phật tử Việt Nam, từ lâu hoa sen vẫn là một biểu tượng thuần khiết. Hoa sen đã được dùng trên lá hiệu kỳ của đoàn thể Gia đình Phật tử, một hình thức giáo dục thanh thiếu niên mà hiệu quả đạo đức của nó đã được nhìn nhận. Hoa sen cũng là loài hoa đầu tiên mà người Phật tử nghĩ đến mỗi khi chọn hoa cúng Phật. Việc hoa sen được chọn làm biểu tượng chung của cả nước cũng là niềm vui của người Phật tử Việt Nam. Nhưng với những ai luôn nhớ lời dạy không để bị "bát phong xuy động" của nhà Phật thì việc tôn vinh hoa sen cũng không làm cho họ động tâm. Nhất là khi họ biết rằng thực chất của việc chọn hoa làm biểu tượng chỉ là tạo một thương hiệu du lịch. Trong khi đó, một mặt, họ e ngại việc hoa sen được ca ngợi quá mức có thể làm buồn lòng những nhóm người không thích hoa sen, khiến có những phản ứng không thích đáng; mặt khác, việc lấy ý kiến thiếu số để tôn vinh hoa sen làm biểu tượng không phải là điều đáng mừng đối với họ.

Mong sao trong hoạt động công quyền, công việc của ai người ấy làm, theo kiểu "các tư kỳ phận". Đừng lấy dao mổ trâu mà giết gà, khiến chỉ làm trò cười và tổn kém vô ích. ■



Kệ thị tịch của Hòa thượng Bích Liên và tình nghĩa thầy trò

LỘC XUYỀN ĐĂNG QUÝ DỊCH

Sinh thời, Hòa thượng Kế Châu chùa Thập Tháp có kể về một giai thoại liên quan đến bài kệ thị tịch của ngài Bích Liên.

Hòa thượng Bích Liên tịch ngày 3 tháng Sáu năm Canh Dần (1950), thọ 74 tuổi. Trước đó một tháng, Hòa thượng viết trên vách phòng nơi ngài đang nằm – phương trượng chùa Bích Liên tại thôn Háo Đức xã Nhơn An huyện An Nhơn tỉnh Bình định – bốn câu kệ, mà ngay hôm ngài tịch, Hòa thượng Kế Châu đến làm lễ trước nhục thân của ngài đã thấy đã đọc và nhớ mãi. Bài kệ ấy như sau:

雌 無 佳 匹
法 無 水 力
詠 而 無 言
捌 相 手 出

Phiên âm:

Thư vô giai thất
Pháp vô thủy lực
Vịnh nhi vô ngôn
Bát tương thủ xuất

Bốn câu bốn chữ này cũng có vần thông (thất-lục-xuất) nên đúng là một bài thơ, là thi kệ, nhưng lại là thơ bí hiểm bởi cái nghĩa chính không nằm ở từng chữ từng câu, mà ở nghĩa của chữ còn lại trong bốn chữ đầu bốn câu sau khi đã tách chữ không ăn ý ra khỏi chữ đó. Thủ thuật này gọi là chiết tự (bẻ chữ). Cho nên, mặc dù nghĩa của bài thơ rất rõ, có thể dịch được, nhưng Hòa thượng Kế Châu không dịch, vì đó không phải là ý của ngài Bích Liên, mà phải tìm hiểu bài thơ theo kiểu bẻ chữ dựa vào hướng dẫn của tác giả. Ở câu đầu, Thu vô giai nghĩa là chữ thư (雌) mà không có chữ giai (佳), chính là chữ thử (此). Câu thứ hai, Pháp vô thủy nghĩa là chữ pháp (法) đã bỏ bộ thủy (水) đi, đó là chữ khứ (去). Câu thứ ba, Vịnh vô ngôn chỉ chữ vịnh (詠) thiếu bộ ngôn (言) chính là chữ vĩnh (永). Và câu thứ tư, cuối cùng, Bát thủ xuất là Bát (捌) bỏ chữ thủ (手) ra thì còn lại chữ biệt (別). Ghép bốn chữ còn lại là 此 去 永 別 *thử khứ vĩnh biệt*, có nghĩa, “*Đi lần này là đi luôn, không gặp lại!*”

Khi tiến hành tang lễ, rất nhiều liễnướng văn điếu được gửi đến, từ nhà Phật có mà từ các nhà Nho cũng có. Trong số đó, Hòa thượng Kế Châu thấy câu liễn của Pháp sư Liên Tôn rất hay khiến ngài nhớ mãi. Lúc sư thuật lại câu chuyện này rồi đọc lên nội dung câu liễn ấy là năm 1980, đã ba mươi năm trôi qua.

Nội dung câu liễn của Pháp sư Liên Tôn được Hòa thượng Kế Châu đọc lại rồi viết lại như sau:

讀師雌無佳法無水詠無言捌無手
之璧文足徵正念有靈知時至分明玄
記在

治此國不安民不寧寺不穩僧不定
等情狀活慮頹年無挽力西歸圖轉少
身來

Phiên âm:

Độc sư: Thu vô giai, Pháp vô thủy, Vịnh vô ngôn, bát vô thủ chi Bích văn. Túc trung chánh niệm hữu linh tri, thời chí phân minh huyền ký tại.

Trị thử: Quốc bất an, Dân bất ninh, Tự bất ổn, Tăng bất định đẳng tình trạng. Hoạt lự đôi niên vô vãn lực, Tây quy đồ chuyển thiếu thân lai.

Tạm dịch nghĩa:

Độc văn thầy trên vách: Thu vô giai, Pháp vô thủy, Vịnh vô ngôn, bát vô thủ. Đủ nói lên trong ý niệm chính đáng có ẩn điều biết trước linh diệu; đã tới lúc bày tỏ lẽ sâu kín tại vách này.

Như tình trạng hiện nay: Nước chẳng an, Dân chẳng ninh, Chùa chẳng ổn, Tăng chẳng định. (Thầy) lo lắng để cứu vãn thì tuổi già không còn sức, (nên Thầy) về Tây phương toan tính chuyển sanh lại (cõi đời này) với thân thể trẻ trung (để đem sức vực đạo, cứu đời).

Đôi liễn đối trên được Pháp sư Liên Tôn viết vào năm 1950. Pháp sư Liên Tôn là ai? Ngài chính là một trong

hai vị cao đồ đặc pháp nơi ngài Bích Liên, tức Đại lão hòa thượng Thích Trí Hải, người khai sơn và trụ trì chùa Bích Liên ở Bình Định. (Vị kia là Giảng sư Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội Phật giáo Việt Nam ở miền Bắc thời qua phân [1945-1975]).

Về hai thầy trò Bích Liên và Liên Tôn có những điều lạ ít người được biết nếu không được nghe người con gái của Sư Liên Tôn kể lại vào năm 1999. Trước hết, nên biết Sư Liên Tôn là vị bán thế xuất gia; sau khi đã có gia đình ngài mới xuất gia tại chùa Bích Liên, thờ ngài Thích Trí Hải làm thầy. Người con gái của ngài Liên Tôn chính là Sư bà Tịnh Viên, tọa chủ Hương Quang Ni tự ở Tuy Phước. Sư bà Tịnh Viên cho biết ngài Bích Liên không biết chữ Quốc ngữ. Thân phụ ngài Bích Liên là một nhà Nho từng tham gia phong trào Cần vương do Nguyễn soái Mai Xuân Thuởng lãnh đạo. Cụ ghét giặc Pháp nên cũng ghét cả chữ Quốc ngữ vì cụ cho nó là công cụ đồng hóa của các nhà truyền giáo phương Tây, và cụ nghiêm cấm con cái trong nhà, không cho phép bất kỳ ai được học chữ Quốc ngữ. Cho nên, ông Tú kếp Nguyễn Trọng Khải, sau này đi tu là Hòa thượng Thích Trí Hải khai sơn chùa Bích Liên nên được người đời gọi là Hòa thượng Bích Liên, hoàn toàn không biết chữ Quốc ngữ. Lúc Hòa thượng làm báo *Từ Bi Âm*, dịch kinh Phật từ chữ Hán, viết văn, hay làm thơ, đều dùng chữ Nôm. Phó Chủ bút của *Từ Bi Âm* là Pháp sư Liên Tôn có nhiệm vụ chuyển từ chữ Nôm sang chữ Quốc ngữ rồi mới cho đăng báo. Sư bà kết luận, “Cho nên suốt mấy mươi năm hành đạo, hai thầy trò Bích Liên – Liên Tôn như hình với bóng! Nếu không có thầy Bích Liên thì không có trò Liên Tôn; ngược lại, nếu không có Phó Chủ bút *Từ Bi Âm* là Liên Tôn thì cũng không có Chánh Chủ bút *Từ Bi Âm* là Bích Liên. Thầy trò họ tương thân tương trợ với nhau”.

Nghiên cứu câu liễn viếng thầy của Pháp sư Liên Tôn, có thể thấy được nhận xét của sư bà Tịnh Viên có lý.

Theo ý về sau của câu liễn thì Pháp sư Liên Tôn cho rằng Hòa thượng Bích Liên sẽ chuyển sanh để đem sức trai trẻ mà vực đạo cứu đời; vậy, bản thân pháp sư có muốn theo thầy để chuyển sanh chăng? Ba chữ “Huyền ký tại” có thể đảo thành “Ký tại Huyền Ý” mà Huyền Ý chính là pháp hiệu của sư Liên Tôn. Như vậy, có thể thấy sư tự nhận rằng thầy đã gửi gắm lẽ sâu kín nơi mình. Lẽ ấy là ý nguyện chuyển sanh. Lưu ý rằng chỉ bảy tháng hai mươi ba ngày sau ngày Hòa thượng Bích Liên tịch thì Pháp sư Liên Tôn cũng tịch (vào ngày 27 tháng Giêng năm Tân Mão 1951), khi ấy ngài mới 60 tuổi, thọ kém thầy tới 14 năm; như vậy, chưa hẳn sư tịch vì tuổi tác làm suy giảm tinh lực.

Câu chuyện về tình nghĩa thầy trò của Bích Liên và Liên Tôn làm người ta liên tưởng mẫu chuyện về Thiển sư Thiện Chiêu đời Tống. Thiện Chiêu là một thiển sư lỗi lạc từng nổi danh là sư tử ở đất Phần Dương. Ngài được một vương tước tại triều cho sứ tới thỉnh về trụ trì một

ngôi chùa do ông ta lập tại kinh đô. Ngài không muốn đi, bèn từ chối. Viên sứ không dám về phục mệnh. Ngài Thiện Chiếu liền có cách giải quyết riêng. Ngài cho họp đồ chúng và bảo rằng ngài phải làm một chuyến đi xa, trong chúng ai có muốn đi theo thì nói. Đồ chúng nghe thể tướng ngài đã chịu về kinh ví đã phong thanh cái vẻ quyến rũ của chốn phồn hoa đô hội. Ngài bèn hỏi từng người xem mỗi ngày đi được bao nhiêu dặm. Người nói được 50 dặm, kẻ bảo được 70 dặm. Cuối cùng vị thị giả cũng bước ra xin đi theo. Ngài hỏi, "Người đi mỗi ngày được bao nhiêu dặm?" Thị giả thưa, "Thấy tới đâu thì con tới đó". Ngài bảo, "Được!", rồi ngồi kiết già mà nói với đồ chúng, "Ta đi đây!" Nói xong liền tịch. Thị giả đứng hầu, khoan tay mà tịch theo thầy.

Phải chăng giữa hai ngài Bích Liên và Liên Tôn đã có giao ước làm thầy trò đời này sang đời nọ để cùng hành Bồ-tát đạo? Trên bước đường hành đạo, bởi tương đắc mà thầy trò họp tương thân tương trợ với nhau, thì cái nguyện đồng tịch, đồng chuyển sanh cũng có thể có lắm chứ? Có điều, sau khi hai

ngài tịch rồi, dưới chế độ cũ Phật giáo bị kỳ thị, hai ngài đã chuyển sanh chưa? Rồi từ ấy đến nay, hai ngài đã chuyển sanh bao nhiêu lần? Thiết tưởng, không nên tò mò tìm hiểu làm gì, không khéo rơi vào vọng tưởng. Đây chính là chỗ mà có người bị ngài Kế Châu quở!

Tưởng cũng nên nói thêm rằng câu liễn của ngài Liên Tôn hay quá! Liễn điệu mà không lộ vẻ bi thương, lại có giọng bi tráng, rõ ràng là lời lẽ của một thiền sư đạt đạo, không còn mắc trong vòng sinh tử. Có lẽ tác phẩm của ngài Liên Tôn không chỉ là những gì đã đăng tải trên tờ *Từ Bi Âm* hoặc một vài tờ báo khác, vài câu liễn để ở chùa Liên Tôn, cùng với câu liễn điệu thầy nói trên và vài bài thơ chữ Hán mà sư bà Tịnh Viên còn thuộc lòng. Ước gì tất cả những sáng tác của ngài Liên Tôn được sưu tập và được công bố để hậu thế biết được về tài đức và tấm lòng của một bậc danh tăng thời chấn hưng Phật học trong lịch sử nước nhà. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ
Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc,
 NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 32 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
BBT www.bariavungtau.com : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tụ Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Nguyễn Thị Hoa,
 CT Văn Lang G : 2 cuốn/kỳ

Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyễn Phương : 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện: 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiện Tâm : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ
Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **606 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Phát hiện một số tư liệu có liên quan đến **Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh**

Bài & Ảnh: ĐỒNG DUÔNG

Trong một lần tìm đọc các kinh sách chữ Hán, chúng tôi vô tình phát hiện hai bản in *Vu Lan Bốn kinh tân số* và *Qui sơn cảnh sách cú thích*. Cả hai bản in đều khá xưa, được khắc in dưới thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, có niên đại gần 300 năm. Các tờ đầu và phần nội dung chỉ in lại theo nguyên văn theo tư liệu Trung Quốc; đầu đó ở một số tờ, khi có khoảng trống, người ta mới in chen một vài dòng ghi tên công đức, hoặc cho biết nơi tồn ván khắc. Bỏ qua các phần đó, lật tìm các tờ cuối mới biết rõ lai lịch bản in. Thường thì phía sau sách có bài bạt, ghi niên đại, và phần chiếm số tờ nhiều nhất là danh sách thập phương tín cúng. Cả ba phần này cung cấp nhiều sử liệu có liên quan đến các vị thiền sư. Và trong hai bản in này, sách cung cấp một số chi tiết về lai lịch của Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh¹.

Theo các tư liệu đã công bố, Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh là đệ tử của Tổ Minh Hoàng Tử Dung, chùa Ấn Tông (nay là chùa Từ Đàm-Huế) và là huynh đệ với ngài Thiệt Diệu Liễu Quán (chùa Thiền Tôn-Huế), hiện nay, tại chùa Từ Đàm ở Huế và chùa Vạn Thiện ở Khánh Hòa đều có long vị thờ. Riêng bảo tháp của ngài, xưa được an lập trong khuôn viên chùa Từ Đàm, khi người Pháp mở đường Nam Giao, tháp được chuyển vào trong vườn chùa Báo Quốc. Tấm bia tháp khá xưa được làm bằng đá sa thạch đề: “*Sắc tứ Viên Tịnh Bảo lão Hòa thượng chi tháp 敕賜圓淨寶和尚之塔*”. Mới đọc qua văn bia, khó mà biết được đích xác danh tính của ngài. Việc dùng tên chùa liên kết với chữ đầu trong pháp danh của người được thờ trong tháp là một hiện tượng xuất hiện khá nhiều trong văn bia tháp tổ có niên đại thời

chúa Nguyễn. Lần hồi có thể truy cứu được rõ là nhờ long vị đặt tại chùa Từ Đàm có đề rõ như sau: “Sắc tứ Viên Tịnh Lâm Tế chính tông tam thập ngũ thế thượng Bảo hạ Hạnh húy Thiệt Vinh lão hòa thượng nghệ tòa 敕賜圓淨臨濟正宗三十五世上寶下行諱實榮老和尚猊座”. Như thế, ngài Thiệt Vinh Bảo Hạnh thuộc đời 35 phái Lâm Tế, từng trụ trì chùa sắc tứ Viên Tịnh. Một câu hỏi đặt ra, chùa Viên Tịnh thuộc về địa phương nào, hay nó nằm gần ở Huế.

Phần trên, chúng tôi có nói bản in *Vu Lan Bốn kinh tân số* được khắc in vào thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Theo một tờ gán cuối cho biết bản in do Tỳ-kheo Tâm Châu Vinh Hưng khắc ván vào năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) và bản gỗ được lưu trữ tại chùa Hội Tông. Tờ cuối ghi danh sách công đức gồm 5 dòng, mỗi dòng 15 chữ. Còn mặt sau thì bỏ trống. Do bỏ trống như thế nên một vị nào đó đã có chép 6 dòng chữ Hán vào đây; chữ thực ra phần chép này không có liên quan gì đến bản kinh mà ta nói trước. Phần này có ba chữ là *tông*, *Thiệt*, và *thời* đều không tuân thủ lệnh kiêng húy thời nhà Nguyễn; cho thấy người viết vào bản kinh phải thực hiện điều đó trước lúc lệnh kiêng húy ban ra. Ở dòng thứ năm, có mất bốn chữ của một bài kệ nên bài kệ không còn được nguyên vẹn.

Chúng tôi xin cung lục như sau: Dòng thứ nhất đề: “*Tự Lâm Tế chính tông tam thập ngũ thế, Phụng Thùy sơn thượng Bảo hạ Hạnh húy Thiệt Vinh lão hòa thượng nghệ tọa* 嗣臨濟正宗三十五世鳳垂山上寶下行諱實榮老和尚猊座”; dòng thứ hai ghi: “*Nguyên sinh Đĩnh Mùi niên thất nguyệt nhị thập thất nhật tuất thời lai* 元生丁未年七月二十七日戌時來”; và dòng tiếp ghép: “*Mậu Thìn niên lục nguyệt sơ thất nhật Sửu thời khứ* 戊辰年六月初七日丑時去”; nghĩa là, sinh giờ Tuất ngày 27 tháng 7 năm Đĩnh Mùi, mất giờ Sửu ngày mồng 7 tháng 6 năm Nhâm Thìn. Đây chính là bản chép lại một long vị của một ngôi chùa nào đó có thờ Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh. Phải chăng người chép lại những dòng chữ này thuộc về pháp phái hoặc do tinh thần giữ gìn tư liệu? Dòng đầu chỉ nói đến “Phụng Thùy sơn” mà không ghi tên chùa như long vị đề “Sắc tứ Viên Tịnh tự”. Đối chiếu với niên đại ngài Liễu Quán, chúng ta xác định được năm sinh, năm mất của ngài Bảo Hạnh. Tổ Liễu Quán sinh năm Đĩnh Mùi (1667) mất năm Nhâm Tuất (1742). Theo bản chép nói trên tổ Bảo Hạnh cũng sinh năm Đĩnh Mùi, như vậy suy ra cũng là năm 1667, cùng năm với ngài Liễu Quán; nhưng ngài mất năm Mậu Thìn; như vậy phải là năm 1748; điều đó cho thấy ngài Bảo Hạnh thọ hơn ngài Liễu Quán 6 tuổi và ngài mất năm 82 tuổi.

Ba dòng tiếp theo ghi chép một bài kệ như sau: “*Xuất phái kệ:*

*Minh thiệt tế an thiền
Tâm đoan tính lãng nhiên
Hải trùng châu tự hiện*

Vân...

*Nhất cự đàng quang viễn
Vạn đấng tục diệm liên
Thánh hiển hưng thiệu thuật
Đại pháp vinh di truyền”.*

Ba chữ “xuất phái kệ” đây được hiểu là xuất kệ truyền thừa pháp phái tức bài kệ truyền thừa. Xưa nay, chúng ta chỉ biết có mấy vị xuất kệ hoặc tục kệ như ngài Minh Hải Pháp Bảo, ngài Thiệt Diệu Liễu Quán. Qua tư liệu này, chúng ta được biết thêm một bài kệ truyền thừa nữa do ngài Thiệt Vinh Bảo Hạnh viết. Tuy bài kệ không còn nguyên vẹn nhưng nó cung cấp một tư liệu quý hiếm. Trong các vị đệ tử của ngài Minh Hoàng Tử Dung, đã biết được hai ngài Bảo Hạnh và Liễu Quán có xuất kệ truyền thừa. Vì thế, pháp phái này có xu hướng phân tông lập phái khá mạnh. Tiếc rằng sự truyền thừa pháp phái do ngài Bảo Hạnh truyền xuống không còn kế đăng nên các tư liệu đi dần vào quên lãng.

Trong *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nguyễn Hiền Đức cho biết, ở cuối văn bản của bản Chính Pháp Nhân Tạng³ (có nơi gọi là Pháp Quyển) mà ngài Bảo Hạnh ban cho đệ tử là Linh Phù Tế Cẩm có nêu niên đại là giữa hạ năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748), nhờ vậy nên xác định được là Thiền sư Bảo Hạnh thị tịch sau khi phú pháp cho ngài Tế Cẩm không bao lâu.

Cuộc đời Thiền sư Bảo Hạnh gắn bó với hai nơi là Thuận Đô và Diên Ninh. Theo ông Nguyễn Hiền Đức, chùa Viên Tịnh nằm về núi Phụng Thùy. Núi Phụng Thùy vào thời chúa Nguyễn thuộc phủ Diên Ninh. Theo *Đại Nam nhất thống chí* phần nói về tỉnh Khánh Hòa, ta biết phủ Diên Ninh sau được đổi tên là Diên Khánh, lệ vào dinh Bình Khang, kiêm lý ba huyện: Hoa Châu, Phước Điền và Vĩnh Xương. Do địa giới vùng này rộng lớn và chưa có điều kiện nghiên cứu về mặt điền dã nên chưa xác định núi Phụng Thùy nằm về thôn, xã, huyện nào bây giờ.

Một tư liệu nữa có ghi chép một Phật sự của Thiền sư Bảo Hạnh. Đó là bản in *Qui sơn cảnh sách cú thích ký*. Ở cuối quyển hạ cho biết: “*Diên Ninh phủ Thiên Hỷ sơn Quảng Phước tự Tỳ-kheo Thiệt Vinh, đệ tử Tạng Châu, Phụng Tiên, Lập Kiệt, Văn Cử, Thiên Giáng, Đạo Tuyết, Đạo Kiểu đồng trữ Cảnh sách cú thích thượng hạ nhị quyển bản tàng lưu thông. Dĩ tư công đức, tứ ân tổng báo, tam hữu câu tư, phúc tuệ viên minh, tảo đặng giác địa. Vinh Hựu Kỷ Mùi xuân nhật, Tỳ-kheo Bảo Hạnh Vinh huân một hòa nam cẩn thức”.*

Tạm dịch:

Tỳ-kheo Thiệt Vinh chùa Quảng Phước, núi Thiên Hỷ, phủ Diên Ninh cùng các đệ tử Tạng Châu, Phụng Tiên, Lập Kiệt, Văn Cử, Thiên Giáng, Đạo Tuyết, Đạo Kiểu khắc Cảnh sách cú thích gồm hai quyển thượng hạ để lưu thông. Lấy công đức này đền đáp bốn ơn, cứu giúp ba cõi, phúc tuệ tròn đầy, sớm lên bờ giác. Tỳ-kheo Bảo Hạnh Vinh tảo mộ, cúi đầu kính cẩn cho biết vào ngày xuân năm Kỷ Mùi niên hiệu Vinh Hựu (1739).

Dựa vào thông tin trên, xác định, ngoài công tác trụ trì chùa Viên Tịnh trên núi Phụng Thù, Thiền sư Bảo Hạnh còn trụ tại chùa Quảng Phước trên núi Thiên Hỷ. Cả hai địa danh này cùng thuộc phủ Diên Ninh mà ta nói ở trước. Bản in được sự giúp đỡ đặc biệt của hàng môn đồ thiền sư, các vị sư này đều chỉ biết tên mà chưa xác định rõ lai lịch từng vị. Không biết họ sau này hành đạo ở đâu? Bản in được thực hiện vào năm Kỷ Mùi (1739) niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 5, lúc đó ngài cũng đã lớn tuổi.

Một nghi vấn đặt ra cho chúng ta là tại sao sư được lập tháp và thờ tại chùa Từ Đàm (nguyên là Ấn Tông tự). Không lẽ sau khi Tổ Minh Hoàng Tử Dung viên tịch, sư kế đăng trụ trì mà sao không phải là ngài Liễu Quán. Bởi vì, lúc đó, sư Liễu Quán đang hành đạo tại Thuận Đô nên việc trông nom chùa chiến dễ hơn ngài nhiều. Văn bia tháp, long vị đều ghi ngài gắn liền với ngôi chùa Sắc tứ Viên Tịnh mà không đề "trụ trì Ấn Tông tự" để dễ xác định chức danh. Trước khi viên tịch, sư đã phó chúc trao truyền pháp quyến cho ngài Linh Phù Tế Cầm. Có thể sư viên tịch tại núi Phụng Thù, theo di chúc của ngài, một phần được đưa về chùa tổ lập tháp phụng thờ, một phần được an táng trong khuôn viên bổn tự. Điều này cũng có thể xảy ra đối với các vị thiền sư sống thời chúa Nguyễn. Các ngài sau khi viên tịch, môn đồ hỏa táng là chính, chứ không địa táng như bấy giờ.

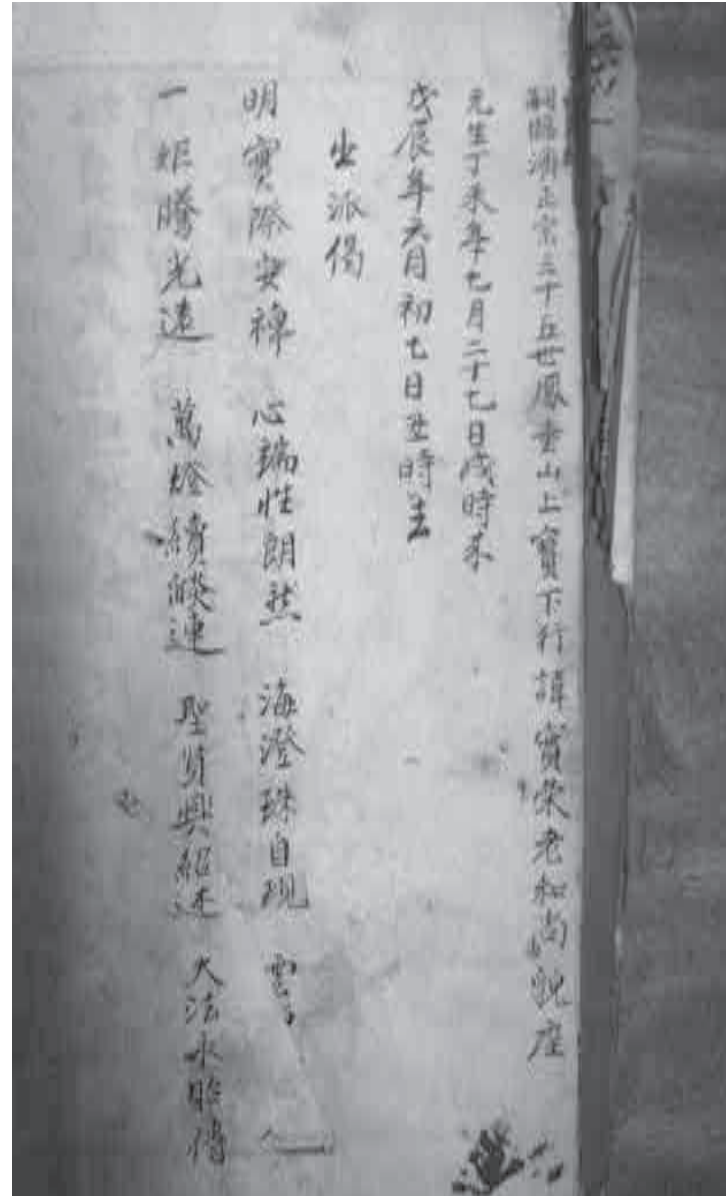
Tóm lại, qua phát hiện một số bản khắc in kinh thời các chúa Nguyễn, chúng ta đã từng phần công bố một số tư liệu có liên quan đến Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh. Đầu tiên xác định được niên đại hành đạo, các ngôi chùa có liên quan, một số Phật sự do sư đứng ra khắc ván in kinh. Chúng ta còn chưa xác định thiền sư quê quán ở đâu, và các ngôi chùa Viên Tịnh, Quảng Phước hiện còn hay mất. Đành phải bỏ dấu hỏi vì chưa có điều kiện khảo sát kỹ vùng đất Khánh Hòa, chờ một dịp khác, chúng ta sẽ tiếp nghiên cứu về ngài nhiều hơn.

Chú thích:

1. Ông Nguyễn Hiền Đức là người đầu tiên phát hiện về Thiền sư Thiệt Vinh Bảo Hạnh. Còn sách *Chư Tôn thiền đức Phật Giáo Thuận Hóa* kế thừa tư liệu của Nguyễn Hiền Đức và có ý kiến cho ngài Bảo Hạnh khai sơn chùa Vạn Thiện ở núi Phụng Thù sơn. Trên thực tế, tại chùa Vạn Thiện có long vị thờ ngài đều đề "Sắc tứ Viên Tịnh truyền Lâm Tế chính tông tam thập ngũ thế, thượng Bảo hạ Hạnh hựu Thiệt Vinh lão hòa thượng giác linh" mà không đề "khai sơn Vạn Thiện tự". Thực ra, khai sơn chùa Vạn Thiện là ngài Ân Tùy mà long vị có ghi chép và chùa Vạn Thiện ở trên núi Hoàng Ngưu. Hai tác giả nhằm cho chùa Vạn Thiện ở núi Phụng Thù, thực ra chùa sắc tứ Viên Tịnh mới nằm về núi này. Cần phải đính chính sự sai lầm này.

2. Dựa theo tư liệu trong sách *Chư Tôn thiền đức Phật Giáo Thuận Hóa*, tr. 92.

3. Bản Chính pháp nhân tặng cho biết thầy của ngài



Minh Hoàng Tử Dung là Đại Sa Như Trường chứ không phải ngài Nguyên Thiệu Siêu Bạch.

Tài liệu tham khảo:

1. *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb KHXH, H. 1971.

2. Quách Tấn, *Xứ Trâm Hương*, Nxb Lá Bối, S. 1970.

3. Nguyễn Hiền Đức, *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb TP.HCM.

4. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn, *Chư Tôn thiền đức Phật Giáo Thuận Hóa*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, 2010.

5. *Vu lan bốn kinh tâm số*, bản in năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750), thư viện chùa Viên Giác-Hội An.

6. *Qui sơn cảnh sách cú thích*, bản in năm Vĩnh Hựu Kỷ Mùi (1739). ■

Lời xưa đã nhạt...

TRẦN VĂN CHÁNH

Từ nhiều năm nay, nhất là từ sau sự kiện Quốc vụ viện Trung Quốc thân nhiên phê chuẩn thành lập thành phố hành chính cấp huyện Tam Sa gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, cho nhập chúng vào tỉnh Hải Nam của Trung Quốc (đầu tháng 12 năm 2008), Trung Quốc liên tục có những động thái gây bất ổn gia tăng tại biển Đông, nơi có nhiều nguồn lợi hấp dẫn về hải sản, dầu mỏ và cũng là vị trí chiến lược quan trọng trong việc giao thương hàng hải của nhiều nước trên thế giới.

Riêng vụ tranh chấp kéo dài hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam, gần một tháng trước đây Trung Quốc đã tăng cường áp lực đe dọa đến một mức cao hơn, trong một loạt các sự việc một số tàu cá (nguy trang), tàu ngư chính, tàu hải giám của Trung Quốc đã liên tục cố tình ngăn cản hoạt động thăm dò dầu khí hợp pháp của tàu nghiệp vụ Việt Nam đang hoạt động trong vùng lãnh hải thuộc chủ quyền Việt Nam.

Người dân Việt Nam lâu nay không khỏi rất bức mình về một số hành động của Trung Quốc, nhưng cũng tự kiểm chế chờ “cấp cao” giải quyết, đồng thời cũng có phần e ngại người bạn láng giềng lớn mạnh này ở chỗ chẳng rõ họ có chịu dừng lại ở mức chỉ chiếm đóng hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thôi hay sẽ còn tiếp tục thi triển những nghệ thuật chính trị cao siêu gì khác?

Dân Việt Nam lo ngại cũng có phần phải, vì hiện nay trong con mắt của một số dân tộc ở Đông Nam Á, Trung Quốc vẫn thường được coi là một nước mạnh cả về tiềm lực quân sự lẫn kinh tế; trong suốt 30 năm Trung Quốc liên tục dẫn đầu về một số chỉ tiêu phát triển ở nhiều mặt.

Thật ra, Trung Quốc cũng có dùng “cái lý của kẻ mạnh” đối với nhân dân Việt Nam trong cách họ tranh luận về một số vấn đề liên quan đến chủ quyền trong vài chục

năm trở lại đây. Là một nước “đồng bang”, xưa kia từng học chữ Hán và chịu nhiều ảnh hưởng tốt cũng như xấu của Trung Quốc về phương diện văn hóa, phong tục, nhiều người Việt Nam không khỏi ngạc nhiên về một số việc làm của Trung Quốc, có vẻ như đều trái hẳn với những gì mà các bậc tôn sư Khổng Tử, Mạnh Tử, Tôn Tử... hơn hai ngàn năm trước đã dạy chung cho cả hai dân tộc Trung Quốc-Việt Nam, nếu không muốn kể thêm hai người “học trò” giỏi khác nữa mà ngày nay đã lớn mạnh là Hàn Quốc và Nhật Bản. Điều này trên thực tế không lạ, vì giữa lý thuyết với hành động thường vẫn có một khoảng cách biệt nhất định. Hồi mấy chục năm trước, cụ Trần Trọng Kim là tác giả công trình biên khảo *Nho giáo* nổi tiếng (đến nay vẫn chưa có công trình nào ở Việt Nam viết hơn được), khi gặp quốc biến phải lưu vong qua đất nước Trung Quốc một thời gian, đã tỏ ra hết sức kinh ngạc về một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống của người Tàu ở những nơi cụ được dịp tiếp xúc, nó không giống tí nào với những gì cụ đã được biết hoặc tưởng tượng sẵn trong đầu óc, và cụ đã ghi lại những điều cảm nhận như thế trong tập hồi ký *Một cơn gió bụi...* (NXB Vinh Sơn, 1969).

Nếu chỉ tính riêng về quân sự, xét trong suốt quá trình lịch sử các triều đại phong kiến, Việt Nam chưa từng bị lép vế đối với Trung Quốc, mà những trận đánh bất đắc dĩ vì lý do tự vệ như trận Bạch Đằng giang thời nhà Trần, cuộc kháng chiến chống quân Minh với *Bình Ngô đại cáo* thế kỷ 15, và nhất là trận Đống Đa 1789 thời Quang Trung Nguyễn Huệ, chỉ nhằm mục đích tự vệ, là những thí dụ hùng hồn chứng tỏ được. Tuy nhiên, quân sự vốn không phải là yếu tố đáng nói trước tiên khi muốn chứng minh về thực chất sức mạnh và sự bền vững của mình. Ngay như ông thầy của chiến tranh là Tôn Tử mà vẫn còn dặn dò “Nếu không nguy thì đừng đánh” (Phi nguy bất chiến), với hàm ý rằng chỉ ủng hộ chiến tranh tự vệ và không xâm lăng mà thôi.

là vì cái thế bế tắc “vật cùng tắc biến” buộc họ phải hành động như vậy. Xét riêng về mặt này, các dân tộc khác có lẽ cũng nên cảm thông chia sẻ với nhân dân Trung Quốc về những khó khăn thực sự ngàn năm của họ, và nếu làm được điều gì để giúp được thì cũng nên làm. “Người Trung Hoa lưu lạc”, đó gần như một thành ngữ nói lên hình ảnh rất đáng chia sẻ của những kẻ tha phương cầu thực, từng được cứu mang ở nhiều nước trong quá khứ. Giờ đây, giả định ở Việt Nam hay nước Đông Nam Á nào khác có nhiều tiềm năng về công ăn việc làm để có thể thu dụng ở mức cho phép một số công nhân Trung Quốc vào làm việc hợp pháp trong những công trình hoàn toàn do mình làm chủ và kiểm soát, thì cũng là một việc đáng được khích lệ, trong tinh thần nhân bản các dân tộc giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển. Bởi vì, bao lâu còn có những dân tộc phải sống trong cảnh khó khăn vất vả, nhất là những nước có số dân đông như Trung Quốc hay Ấn Độ, thì chừng đó thế giới vẫn còn tồn tại những mầm mống bất ổn định và nhân loại vẫn sẽ phải tiếp tục đối đầu với một tình trạng bất an thường trực. Trong tinh thần đó, ý kiến của Hòa thượng Nhất Hạnh về một “giấc mơ Việt Nam” là rất đáng tham khảo: “Giấc mơ Việt Nam là các quốc gia lân cận biết thương mến và thường thức cái đẹp và cái dễ thương của đất nước, văn hóa và con người Việt Nam mà không còn có ý muốn xâm hại nhau, tại vì người Việt đã học được cách bảo vệ sông núi, văn hóa và con người của mình bằng nếp chung sống hòa bình, bằng tình huynh đệ, bằng tài ngoại giao, bằng nếp sống tương trợ với các nước chung quanh mà không tin rằng chỉ có vũ khí và quân sự mới làm được chuyện ấy”.

Đáng tiếc, Trung Quốc hiện nay đối xử với Việt Nam không đẹp và không được nhân bản như các thầy tổ của họ đã dạy về chính sách ngoại giao-ứng xử theo cách “nhu viễn” (mềm mỏng vỗ về đối với nước ở xa) giữa nước lớn với nước nhỏ, biểu hiện nổi bật trong vụ tranh chấp kéo dài ngày càng tăng lên ở biển Đông, nhất là việc bắt bớ, hành hạ những ngư dân Việt Nam nghèo khổ vì chén cơm manh áo phải ra khơi kiếm sống. Đó không phải là cách hành động của người quân tử.

Từ hơn 20 năm nay, Trung Quốc cho in lại hầu như tất cả *Tứ thư Ngũ kinh* và hệ thống các sách kinh điển thuộc “bách gia chư tử”, có lẽ cũng muốn để cho nhân dân Trung Quốc học tập trên cơ sở vận dụng phát huy những tinh hoa tư tưởng của người xưa. Nếu được vậy thì thật đáng mừng, và nếu thi hành có chọn lọc lời dạy của các bậc thầy xưa, Trung Quốc sẽ có thể thành công hơn nữa hoặc ít nhất cũng giữ được sự ổn định lâu hơn trên con đường phát triển của mình.

Trước nhất về triết lý phát triển, rồng bay quá đà thì sẽ có điều ân hận, như lời trong *kinh Dịch* “Kháng long hữu hối”, mà một nhà chú giải cổ thư đã giảng là “Nếu biết tiến mà không biết thoái có ngày sẽ hối hận”. Một

số nhà cầm quyền Trung Quốc trước đây thường hay có thói “tham đại cầu dương”, ưa chủ trương “đại nhảy vọt” nên thành quả tuy có nhiều mà thất bại cũng lắm. Điều họ chưa làm được vẫn còn vang vọng trong lời cảnh báo của vị Vạn thế sư biểu Khổng Tử, “Không lo ít mà chỉ sợ chia không đều” (Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân). Đó là một bài học rất đáng tham khảo đối với mọi dân tộc chứ không chỉ riêng gì Trung Quốc, khi định ra đường lối phát triển cho một đất nước.

Lão Tử chủ trương “bất tranh” mà phải tự khiêm hạ (nhún nhường, hạ mình): “*Nước lớn cũng như dòng nước dưới thấp, là chỗ thiên hạ đổ về... Cho nên nước lớn phải hạ mình trước nước nhỏ thì sẽ được nước nhỏ thần phục; nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn thì sẽ được nước lớn che chở...*”.

Cả Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử... đều cực lực phản đối chiến tranh xâm lược, chiếm đất của nước nhỏ, nhất là Mạnh Tử, khi ông phát biểu khá rõ, nói cho người xưa cùng thời ông mà ta nghe tưởng như nói với người hôm nay: “*Người có nhân đức dù lấy đất đai của người này cấp cho người khác cũng không nở làm, huống chi lại giết người để lấy đất sao?*” (Mạnh Tử, “Cáo Tử” hạ)...

Xem ra, trong vụ tranh chấp Hoàng Sa-Trường Sa với Việt Nam và nhiều nước khác, thật đáng tiếc, Trung Quốc toàn cãi ý thấy! Cái được nếu có cũng rất ít chẳng đáng là bao so với một nước lớn như Trung Quốc, nhưng phần mất về các mặt khác thì lại chắc chắn và sẽ lớn hơn nhiều nếu nhìn vấn đề trên toàn cục và theo hướng tương lai lâu dài.

Về phía Việt Nam, kiên trì đường lối đối ngoại hòa bình như hiện tại cơ bản là phù hợp, lấy “nhu thắng cương nhược thắng cường”, “dĩ nhất biến ứng vạn biến”, miễn nhà cầm quyền vẫn luôn giữ được sự trong sáng lành mạnh và hết lòng vì dân như đã hứa. Điều này có nghĩa, vẫn nên tiếp tục khẳng định chủ quyền nhưng với thái độ mềm mỏng và thương lượng, cố tránh cho được xung đột vũ trang để sinh linh không bị tàn sát, bằng cách củng cố nội trị ngoại giao, chờ thêm thời gian để có độ chín muồi của các điều kiện tương quan quốc tế. Trung Quốc nếu kịp thời điều chỉnh chi tiết đường lối ngoại giao cho thích hợp để được lòng thiên hạ, thi hành “thiện chính”, họ sẽ có thể thành công hơn trong danh dự đến mức không cần Hoàng Sa-Trường Sa vẫn có thể sống được, nhân dân Trung Quốc được an toàn và hạnh phúc. Bằng như ngược lại, bị yếu dần, đến mức nào đó, dù có dâng cả đất nước Việt Nam này cho họ quản lý, họ cũng không dám nhận.

Để có được đối sách thích hợp với Trung Quốc, không gì quan trọng bằng tìm hiểu cận kề văn hóa, tâm lý, truyền thống và hoàn cảnh thực chất của người Trung Quốc, kiểm nghiệm qua thực tế lịch sử mấy ngàn năm, chứ không chỉ có việc trưng ra, mặc dù vẫn cần thiết, ai là người chủ quyền của miếng đất này hay miếng đất nọ. ■



Lắng nghe lòng mình

NGUYỄN KHÁNH

Thương quý và tôn trọng sự sống là tâm thái từ bi của người con Phật, xuất phát từ nhận thức đúng đắn và chân thành về bản thân mình và về người khác. Đó là sự cảm nhận sâu xa về bản chất khổ đau và lòng mong muốn thoát khổ hoàn toàn giống nhau giữa mình và người khác, đi đôi với thái độ xử sự với chính mình cũng như với người khác một cách chân thành chính đáng phù hợp với bản chất ấy. Kinh Pháp cú nhấn mạnh: “Mọi người sợ hình phạt, mọi người sợ tử vong, mọi người muốn sống còn; lấy mình làm ví dụ, không giết, không bảo giết”¹. Người con Phật lắng nghe lòng mình, quyết tâm từ bỏ điều ác, làm các việc lành, thể hiện tâm thái thương quý và tôn trọng sự sống. Đó là lẽ sống sáng suốt an lạc. Đó cũng chính là thái độ hiểu biết và tôn trọng bản chất sâu xa của cuộc sống mà ở đó mình và người hoàn toàn giống nhau. Đức Phật chứng nghiệm tâm thức của mình và khuyên nhắc như vậy:

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy;
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người².*

Bậc giác ngộ gợi nhắc chúng ta phải biết lắng nghe lòng mình để theo đó mà sống và hành xử. Lắng nghe lòng mình để cảm thấy thương mình và thương người nhiều hơn, để không làm những việc xấu ác gây thương tổn cho chính mình và người khác. Phải lắng nghe cho thật chơn chánh giống như Phật. Thế nào là lắng nghe lòng mình? “*Này các Gia chủ, hãy suy nghĩ như sau: “Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh*”³.

Lắng nghe lòng mình chú không phải nghe đầu óc luận lý của mình tức sẽ thấy rõ bản chất muôn thuở của con người và cuộc đời là vậy, luôn luôn yêu quý tự ngã, mong được an toàn, khao khát hạnh phúc và nhàm chán khổ đau. Lắng nghe lòng mình để nhận ra rằng mình và người là hoàn toàn giống nhau, đồng một bản chất, đồng



một ước mong. Người thì có Đông, Tây, Nam, Bắc, có tiếng nói, ngôn ngữ và văn hóa khác nhau, nhưng đã là người thì ai cũng khổ, ai cũng yêu quý bản thân mình, ai cũng ham sống, sợ chết, muốn an lạc, ghét khổ đau. Đây là tiếng nói nội tâm chân thật đặt nền tảng cho tình thương, sự hiểu biết và lòng tôn trọng lẫn nhau giữa con người và con người cũng như giữa các quốc gia và các nền văn hóa khác nhau. Hẳn là không ai còn nghĩ đến việc xúc phạm sự sống hay cố tình gây tổn hại cho người khác một khi có sự lắng tâm nghe được tiếng nói đồng điệu giữa mình và người khác. Lắng lòng càng nhiều càng sâu thì cảm thức về sự đồng điệu càng lớn và càng được mở rộng ra, không chỉ đối với thế giới con người mà còn đối với cảnh giới của muôn loài chúng sinh khác. Người con Phật được khuyến nuôi dưỡng đức từ bi, không sát hại sinh linh, tôn trọng sự sống và môi trường sống của muôn loài. Đây hẳn là cách thái hết sức cao quý nhưng cũng hết sức tự nhiên của một tâm thức được tu tập và phát triển tốt đẹp theo cách nhận ra bản chất tương đồng giữa mình và muôn loài sinh linh. Đức Phật khuyến khích mọi người thực tập tâm tư hiểu biết và đồng cảm như vậy, cho rằng khi nào con người có sự suy xét để thấy rõ bản chất hoàn toàn giống nhau giữa mình và người khác về khổ đau và lòng mong muốn thoát khổ thì bấy giờ mọi khác biệt về chủng tộc, văn hóa, ngôn ngữ hay ý thức hệ chỉ là thứ yếu và người ta sẽ có thái độ đồng cảm và tôn trọng nhau hơn. Nói cách khác, người ta sẽ không bao giờ nghĩ hay làm những gì xấu ác gây thương tổn cho người khác hay chúng sinh khác một khi tự đặt mình vào vị trí của người khác và nhận ra nỗi lo lắng khổ đau của người ấy đang hiện rõ và trào dâng trong tâm thức mình.

Thông thường, chúng ta sống và hành động theo thói quen đã được huấn tập từ trước mà ít khi có sự suy xét cho thấu tình đạt lý đối với mỗi việc mà chúng ta làm. Chúng ta ít có sự cân nhắc về các hành vi của mình, trước

khi làm, trong khi làm, và sau khi làm - như cách Đức Phật từng dạy cho Tôn giả Ràhula, xem chúng có đưa đến hại mình hại người hay không để có thái độ hành xử đúng đắn. Sự thiếu giác tỉnh và phản tỉnh của chúng ta về mặt này chính là nguyên nhân của những việc làm đáng tiếc gây thương tổn cho chính bản thân chúng ta và cho người khác. Chúng ta làm một việc gì đó thiếu cân nhắc gây phương hại cho người khác tức là chúng ta đang tự làm thương tổn chính mình, vì điều đó đi ngược lại với bản chất hiền thiện vốn có của chúng ta. Đức Phật nói rằng người thiếu suy nghĩ xử sự như kẻ mất gốc (nghĩa là quên mất bản chất hiền thiện của mình), không phải là bậc chân nhân, hành động thiếu cân nhắc, bị thương tích, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, bị kẻ trí quở trách, tạo nên nhiều điều vô phước⁴. Nói khác đi, Đức Phật nhắc nhở chúng ta cần phải sống và xử sự với chính mình cũng như với mọi người khác bằng một thái độ hiểu biết chân thành, đúng như bản chất hiền thiện vốn có ở trong mỗi chúng ta. Đó chính là thái độ suy xét thận trọng nhận ra bản chất tương đồng giữa mình và người khác về tâm lý đối với khổ đau và hạnh phúc để quyết định những việc làm đúng đắn hiền thiện, lợi mình lợi người. Đức Phật cho rằng, khi chúng ta tự đặt mình vào địa vị tâm thức của người khác để suy xét mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của chúng ta thì chúng ta sẽ nhận ra bản chất hoàn toàn giống nhau giữa mình và người khác và lúc bấy giờ chính cảm thức về sự tương đồng ấy sẽ nhắc nhở và mở lối cho mọi hành vi đúng đắn và hiền thiện của chúng ta. Ngài khuyến mọi người tập lắng nghe lòng mình trước rồi xét đến cảm thức của người khác trong cùng một dòng tâm thức đồng điệu để trên cơ sở đó mà quyết định thái độ hành xử của chính mình:

"Này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như sau: "Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không



muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác? Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu có ai làm tổn hại lợi ích ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho

ta. Nhưng nếu ta cũng làm tổn hại lợi ích người khác với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này... cho một người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu có ai chia rẽ bạn bè ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác?”. Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ nói lời hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói lời hai lưỡi.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái... đem cột pháp ấy cho một người khác?”. Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ.

Lại nữa, này các Gia chủ, hãy suy nghĩ và thực hành như thế này: “Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Và một pháp không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho một người khác?”. Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm”⁵.

Đức Phật xuất hiện ở đời chỉ để nói cho con người biết về hai điều: khổ và diệt khổ. Cuộc đời là khổ nên con người luôn luôn ước mong thoát khổ. Đây là ý nghĩa thực tiễn của cuộc sống đáng để cho mọi người tập trung chiêm nghiệm và thực tập tâm từ bi an lạc. Người con Phật nghe theo lời Phật dạy, lắng tâm cảm nhận bản chất tương đồng giữa mình và người khác về khổ đau và lòng mong muốn thoát khổ, quyết tâm bỏ ác làm lành, thực hiện nếp sống từ bi, thương quý và tôn trọng sự sống cũng như ước mong chính đáng của muôn loài chúng sinh. Đó là tiếng nói của lòng từ bi xuất phát từ nội tâm chân thật của người con Phật biết lắng nghe lời Phật và lắng nghe lòng mình.

Chú thích:

1. Kinh Pháp cú, kệ số 129-130.
2. Kinh Mallikà, Tương Ưng Bộ.
3. Kinh Những người ở Veludvāra, Tương Ưng Bộ.
4. Kinh Người ngu, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh Những người ở Veludvāra, Tương Ưng Bộ ■



Thực hành duy thức

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

I. Mục tiêu chiến lược

Duy thức, như tất cả các con đường khác của Phật giáo, nhằm đến mục tiêu chiến lược là thấy được “hai vô ngã: nhân vô ngã và pháp vô ngã”. Nhân vô ngã là con người vô ngã. Pháp vô ngã là mọi hiện tượng đều vô ngã. Thấy được hai vô ngã là thấy thực tại tối hậu, gọi là tánh Không, Niết-bàn, Pháp thân, Chân Như... Nói theo hệ thống Duy thức, thấy hai vô ngã là giải tan Biến kế sở chấp tánh để Viên thành thật tánh hiển bày.

Sanh tử là do không biết rằng tất cả đều do thức biến hiện. Kinh *Lãng-già* đời Tống, Cầu-na Bạt-đà-la dịch:

“Thế nào người trí ở ngay nơi lăm loạn này mà khởi chủng tánh Phật thừa? Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, ở bên ngoài đều vô tự tánh nên chẳng có tướng vọng tưởng”.

D.T. Suzuki dịch từ bản Sanskrit (1932): “Đại Huệ, gia tộc Phật thừa khởi ra như thế nào khi sự lăm lẩn này được người trí phân biệt? Nay Đại Huệ, khi thế giới được thấu hiểu không là gì cả ngoài chính tâm thức,

bấy giờ dùng dứt những phân biệt có hiện hữu và không hiện hữu của những đối tượng bên ngoài, lúc ấy có gia tộc Phật thừa”.

Tu hành Duy thức là đạt đến hai vô ngã bằng cách biết ngã và pháp không là gì ngoài sự biến hiện của tâm thức. Nói cách khác, ngã và pháp chỉ là vọng tưởng không thật.

Không biết (vô minh) ngã và pháp là không thật, chấp vào chúng là sanh tử. Càng chấp vào chúng thì sanh tử càng nặng nề, như một thí dụ trong kinh Lăng-già là con tầm nhả tơ thành tổ kén để càng lúc càng trói buộc mình. Biết ngã và pháp chỉ là vọng tưởng, càng biết rõ thì càng thoát khỏi sanh tử vọng tưởng.

Kinh Lăng-già nói: “Biết tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh”, và: “Ta nói rằng, thức vọng tưởng diệt gọi là Niết-bàn”.

II. Sự thực hành của ý thức

Trong tám thức, cái chúng ta có thể chủ động làm cho nó hoạt động nhiều nhất là ý thức. Cái tích tập nhiều mê lầm, nhiều nhiễm ô nhất cũng là ý thức. Nên mọi sự thực hành, mọi sự chuyển thức đều bắt đầu nơi ý thức. Câu nói “như lý tác ý” cho thấy rõ điều này.

Người ta đi đến sự thật bằng Văn, Tư, Tu.

Văn: là nghe. Trước hết là nghe những lời chỉ dạy từ những bậc giác ngộ. Nghe để mà tin, để nhìn ra hướng đi, để thấy việc gì cần làm, điều gì cần bỏ. Nhưng sự tin này vẫn còn chưa rõ ràng, cần phải trải qua suy nghĩ, phân tích, thẩm định.

Tư là tư duy. Bằng tư duy niềm tin sẽ trở nên vững vàng. Niềm tin được thanh lọc, được trui rèn qua tìm hiểu bằng lý trí sẽ đưa đến tin chắc, không thể khác được.

Tu là thực hành. Khi đã tin, đã thấy rằng sự thực không thể nào khác, con đường không thể nào khác, người ta dẫn thân vào thực hành.

Sự thực hành của chúng ta do ý thức đảm nhiệm, vì chúng ta chưa có cái gì cả ngoài ý thức có mặt lúc này. Hai khả năng chính của ý thức là:

1. Sự tập trung, chuyên chú, sự an định, an trụ nơi một đối tượng, một chủ đề. Cái này Phật giáo gọi là *Chỉ*, hay *Định*.

2. Sự quan sát, sự quán tưởng (nhìn thấy bằng tưởng tượng), sự nhìn thấy. Cái này Phật giáo gọi là *Quán*.

3. Hai cái này vận hành cùng lúc thì gọi là *Chỉ Quán* song tu hay *Chỉ Quán* đồng thời. Những phương pháp Phật giáo để chuyển hóa tâm thức đều nằm trong ba cái này.

Chúng ta sẽ xem xét ba cái ấy được áp dụng trong thực hành Duy thức như thế nào.

1. *Chỉ*. Trong bối cảnh Duy thức, *Chỉ* là sự tập trung, sự an trụ vào cái tâm thanh tịnh, cái tâm khi chưa nhiễm ô, cái tâm khi chưa biến động. Kinh Lăng-già nói là an trụ như như:

“Bồ-tát do chánh trí này chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, lia bỏ vọng kiến dựng lập và phá hủy, biết danh tướng chẳng sanh, ấy

gọi là Như Như. Bồ-tát trụ Như Như ấy đạt được cảnh giới không thật có nên được Hoan Hỷ địa của Bồ-tát”.

Chỉ là an trụ trong tánh Như:

“Con đường Nhất thừa này được nhận biết và chứng ngộ như thế nào? Sự nhận biết Nhất thừa có được khi không có sự sanh khởi của phân biệt bằng cách an trụ trong thực tại của tánh Như (LV1. Suzuki).

“Hiểu ba cõi như huyền, phân biệt quán sát sẽ được như huyền tam muội. Đến chỗ tự tâm hiện lượng không chỗ có, được trụ Bát-nhã ba-la-mật”.

Lấy vài thí dụ được lập đi lập lại trong kinh Lăng-già, thì *chỉ* hay *an trụ* là:

Trụ vào đại dương, không trụ vào sóng.

Trụ vào tấm gương, không trụ vào bóng.

Trụ vào bầu trời, không trụ vào mây nổi.

Trụ vào hư không, không trụ vào hoa đốm...

Tóm lại, trụ vào “cái chẳng sanh diệt là trí”, không trụ vào “cái sanh diệt là thức”.

Thiền chỉ là an trụ vào Chân Như, mặc dầu ở những giai đoạn đầu, Chân Như chỉ là khái niệm, chưa phải là thực tại.

“Này Đại Huệ, cái gì là Thiền có đối tượng là tánh Như? Khi thiền giả nhận biết rằng sự phân biệt ra hai hình thức của vô ngã chỉ thuần là tưởng tượng, và hễ chỗ nào thiền giả an trụ trong thật tánh Như Như (Yathabhuta) thì chỗ ấy không có sự sanh khởi của phân biệt. Ta gọi đấy là Thiền có đối tượng là tánh Như (Tathata).

2. Quán

Thiền quán là “quán sát nghĩa”:

“Này Đại Huệ, cái gì là Thiền quán sát nghĩa? Đó là thiền vượt khỏi các tướng nhân và pháp, tướng riêng và tướng chung, các ý niệm ta người và cả hai... của các nhà triết học chấp thủ, những cái đó đều không thể nắm bắt. Các thiền giả tiếp tục tiến hành việc quán sát và thuận theo nghĩa vô ngã của tất cả các pháp và tiến bộ lên các địa Bồ-tát. Đây là Thiền quán sát nghĩa”.

Quán là quán sát, phân tích tìm hiểu, để thấy được hai vô ngã, thấy ra tất cả các pháp là Không, như huyền:

“Bồ-tát thành tựu bốn điều thì được đại phương tiện tu hành:

a. Khéo phân biệt tự tâm hiện: Bồ-tát đi đến chỗ thấu hiểu rõ ràng rằng ba cõi này không là gì ngoài chính cái tâm, không có ngã và cái thuộc về ngã, không dao động, lia đến và đi. Do tập khí hư vọng huân tập từ vô thủy, các thứ hình tướng và hành động tương tác, và các vọng tưởng phân biệt mà có ra thân thể, tài sản, thế giới.

b. Quán tất cả bên ngoài là không có tự tánh. Nghĩa là tất cả sự vật đều như ảo ảnh, như mộng, như tóc rù... Mọi sự đang có mặt là do vọng tưởng chấp trước từ vô thủy huân tập mà thành, quán sát tất cả sự vật bên ngoài là vô tự tánh.

c. Lia kiến chấp sanh trụ diệt. Tất cả như huyền mộng, mọi đặc tính ta và cái khác, chung cả hai, đều chẳng sanh. Thấy rằng thế giới bên ngoài chỉ hiện hữu tùy thuộc vào tâm, vốn không có tự tánh. Thấy thức chẳng sanh, các

duyên không hợp tụ, tất cả là vọng tưởng duyên sanh. Ba cõi, tất cả các pháp trong ngoài đều bất khả đắc. Thấy mọi sự lia tự tánh thì chấp có sanh bèn dứt. Biết tất cả các pháp tự tánh như huyễn, không từng sanh ra... bèn được Vô sanh pháp nhẫn. Được Vô sanh pháp nhẫn thì tự nhiên lia kiến chấp sanh trụ diệt.

d. Tự giác thánh trí thiện lạc. Nghĩa là được vô sanh pháp nhẫn, trụ địa thứ tám của Bồ-tát, được lia tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã, được ý sanh thân”.

Lấy những thí dụ trong kinh *Lăng-già*, quán là quán thấy sóng là không thật, vô tự tánh và như huyễn. Xa lia tướng sóng thì sóng chính là đại dương toàn nước. Tất cả các tướng thế gian chính là thật tánh, là tánh Không, là tánh Như. Nói theo thuật ngữ Duy thức, Biến kế sở chấp tánh chính là Viên thành thật tánh.

Các thí dụ khác cũng đều như vậy.

3. *Chỉ Quán song tu*: Là ở nơi tánh (chỉ) mà thấy các tướng (quán) là Không, như huyễn. Và ở nơi tướng thì thấy tướng chẳng lia tánh, tướng chính là tánh. Chỉ quán song tu là tánh tướng đều Như Như.

III. Đi vào con đường Duy thức

Với sự miệt mài làm việc trên ý thức, với công phu miên mật Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu, tới một lúc nào, khi những vọng tưởng tập khí mỏng dần, người ta đạt được sự thật về duy tâm duy thức.

Dùng chữ của kinh *Lăng-già*, người ta có một “chuyển y” lần đầu tiên. Nhờ cái chuyển y này người ta mới thực biết tâm là gì, thức biến là gì, vọng tưởng là gì, tánh Không là gì, Chỉ là an trụ vào cái gì, Quán thấy như huyễn là gì... Người ta đạt đến căn bản trí, mà hệ thống Duy thức gọi là Thông Đạt vị hay còn gọi là Kiến Đạo vị chung cho cả Phật giáo.

Thông Đạt vị là giai đoạn thứ ba trong năm giai đoạn: Tư Lương vị, Gia Hạnh vị, Thông Đạt vị, Tu Tập vị và Cứu Cánh vị. Năm giai đoạn này là chung cho tất cả các con đường, tất cả các tông phái của Đại thừa.

Hai giai đoạn đầu của Tư Lương vị và Gia Hạnh vị chưa thật sự “an trụ Duy thức”, chưa thực sự biết “tánh Duy thức”:

“Cho đến khi chưa biết rõ xác quyết, dù cầu an trụ trong tánh Duy thức, đối với hai thủ ngầm ẩn, còn chưa thể hàng phục tiêu diệt” (*Tư Lương vị, Luận Thành Duy Thức*).

“Hiện tiền vẫn còn có lập chút vật, gọi đó là tánh Duy thức, nhưng vì còn có tướng được thủ đắc, nên chưa thật sự trụ trong tánh Duy thức” (*Gia Hạnh vị, Luận Thành Duy Thức*).

Thông Đạt vị là đã thực sự biết “tánh Duy thức” là gì và an trụ được trong thực tại đó:

- Nếu khi trong cảnh duyên
- Biết đều không chỗ đắc
- Bấy giờ trụ (trong tánh) duy thức
- Vì lia tướng hai thủ.

Đây là thực sự thông hiểu tánh Không, tánh Như,



Ảnh: Lý Hậu

tánh Duy thức, lia được chủ thể và đối tượng ở mức độ thô để an trụ vào thực tại tánh Không.

Từ đây mới có sự tu hành thật sự (Tu Tập vị), có con mắt thanh tịnh để thấy rõ con đường (Pháp), cái gì là tánh Như, tánh Không và những cái gì là chướng ngại ngăn che tánh Như, tánh Không. Hành giả đích thực là người thấy phiền não chướng và sở tri chướng cụ thể như thấy những tảng đá chắn đường trước mặt. Từ đây sự thực hành trở nên cụ thể, vì đã nhìn thấy sáng rõ mọi sự cả hai mặt tánh, tướng. Từ đây, người ta thực sự học kinh, vì kinh điển không còn là ngôn ngữ, ý niệm mà đã trở thành những thực tại cụ thể.

Từ đây, nhờ bước vào con đường thấy nên việc tu hành trở nên minh bạch, cụ thể và dễ dàng. Sự tu hành trở nên giản dị mà sâu xa như những lời chỉ dạy về Thiền của Lục tổ Thiền tông Huệ Năng:

“Thiện tri thức! Sao gọi là ngồi thiền? Trong pháp môn này không ngăn không ngại, đối với hết thảy cảnh giới tốt xấu ở ngoài mà tâm niệm chẳng khởi tướng, gọi là Ngồi; trong thấy tự tánh mình chẳng động gọi là Thiền.

Thiện tri thức! Sao gọi là thiền định? – Ngoài lia tướng là Thiền; trong chẳng loạn là Định. Nếu ngoài còn bám theo tướng, thì trong tâm sẽ loạn. Nếu ngoài lia tướng thì trong tâm ắt chẳng loạn. Bản tánh mình vốn tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh phân biệt cảnh mà thành loạn động.

Này thiện tri thức! Ngoài lia tướng tức là Thiền; trong chẳng loạn tức là Định. Ngoài thiền trong định, ấy là thiền định. Trong *Kinh Bồ-tát giới* nói: “Bản tánh ta vốn vẫn thanh tịnh”.

Thiện tri thức! Tự tánh Chân Như mình khởi niệm, sáu căn tuy có thấy, nghe, hay, biết mà chẳng nhiễm muôn cảnh, chân tánh vẫn thường tự tại. Thế nên kinh nói: “Thường khéo phân biệt tướng các pháp mà ở trong đệ nhất nghĩa hằng chẳng động”.

Thiện tri thức! Ở trong niệm niệm, tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo”. ■

GIÁ TRỊ CỦA GIÁO LÝ NGHIỆP

PHAN MINH ĐỨC

Nghiệp là một trong những lý thuyết cơ bản của hệ thống giáo lý đạo Phật. Theo đạo Phật, nghiệp chính là nhân tố quan trọng mang tính quyết định tạo nên con người và hoàn cảnh xung quanh con người.

Kinh *Thập thiện nghiệp đạo* dẫn lời dạy của Đức Phật có nói rằng tất cả chúng sinh vì tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau, do đó có sự lưu chuyển giữa các cõi (cõi trời, cõi người, cõi quỷ thần, cõi súc sinh, cõi địa ngục hay thiên đạo, nhân đạo, A-tu-la đạo, bàng sanh đạo, ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo). Theo kinh *Trung A-hàm*, khi có người hỏi “*Do nguyên nhân nào mà trên cõi thế gian có người yếu mạng, có người thọ mạng; có người bệnh hoạn, có người khỏe mạnh; có người xấu xí, có người đẹp đẽ; có hạng người nói chi cũng không ai nghe theo, làm gì cũng không ai làm theo và có người có uy tín, thế lực, làm gì cũng có người ủng hộ, có người làm theo, nói chi cũng có người nghe; có người nghèo khổ, có người giàu sang; có người sinh ra trong gia đình bất tiện, có người sinh ra trong dòng dõi cao sang; có người ngu mê tầm tối, có người thông minh tài trí... nói chung là người trên thế gian có điều kiện bản thân và hoàn cảnh sống bất đồng?*”. Đức Phật đã trả lời: “*Tất cả chúng sinh đều mang theo cái nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi chúng sinh mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa các chúng sinh*”. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật cũng tuyên bố: “*Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào sẽ tạo, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy*”.

Bởi vì chính con người tạo ra nghiệp nên mới nói con người là chủ nhân của nghiệp. Con người có quyền tạo ra bất cứ nghiệp gì, thiện hay ác, tốt hay xấu, tích cực hay tiêu cực, có lợi hay có hại... Và con người sẽ chịu trách nhiệm về những nghiệp mình đã tạo, tức gánh chịu phần hậu quả; vì thế mà nói con người là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là động lực dẫn dắt con người mãi lẩn quẩn trong sinh tử luân hồi; từ nghiệp mà con người sinh ra, vì thế mà nói nghiệp là thai tạng. Nghiệp đi cùng với con người trên lộ trình sinh tử từ vô lượng kiếp đến nay, nghiệp gắn

bó khăng khít với con người từ khi sinh ra cho đến lúc đời sống này chấm dứt và tiếp tục đời sống khác sau khi tái sinh, nghiệp ở bên con người mọi lúc mọi nơi, cho nên nghiệp được xem như quyến thuộc của con người, tức những gì thân thiết nhất, gần gũi nhất đối với con người. Nghiệp cũng chính là điểm tựa, vì từ đó con người an mệnh lập thân, kiến tạo đời sống cho mình.

Điều kiện bản thân, môi trường sống, hoàn cảnh sống như thế nào, phẩm chất của cuộc sống là khổ đau hay hạnh phúc mà con người gặt hái được đều là kết quả của nghiệp, tạo ra từ thân (hành động, việc làm), khẩu (lời nói) và ý (thái độ, ý chí, quan niệm, nhận thức, suy nghĩ) của chính con người đó; mà động cơ ban đầu, nguồn phát động, chính là tâm ý, như Đức Phật đã nói trong phẩm Song yếu, kinh *Pháp Cú*:

1.

*Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vạt kéo.*

2.

*Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.*

Sau khi chứng Thiên nhãn minh dưới cội Bồ đề, Đức Phật thấy rõ vô lượng kiếp quá khứ của chúng sinh với các nghiệp nhân và nghiệp quả, thấy rõ con đường thọ nghiệp của chúng sinh. Trong *Trung Bộ kinh*, Đức Phật đã tường thuật lại như sau: “*Với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, vượt tri kiến phàm tục, ta thấy cách chúng hữu tình sinh tử như thế nào. Ta thấy rõ cao quý hay hạ liệt, thông minh hay ngu đần, mỗi chúng sinh được tái sinh cõi lành hay cõi dữ tùy theo hạnh nghiệp của mình, và ta biết rõ: Những ai đã tạo ác nghiệp về thân, khẩu, ý, sau khi thân hoại mạng chung sẽ tái sinh vào khổ cảnh,*

vào đọa xứ, địa ngục. Song những ai tạo thiện nghiệp về thân, khẩu, ý sẽ được tái sinh vào cõi lành, lên thiên giới”.

Giáo lý Nghiệp đã lý giải rõ nguyên nhân của những hiện tượng sai biệt, bất đồng trong xã hội: “Do sự khác biệt giữa cái nghiệp của mỗi chúng sinh nên có trạng thái chênh lệch trong sự tái sinh. Người sinh ra sang cả, kẻ thì đê hèn; người được tôn trọng yêu vì, kẻ bị khinh khi nguyền rủa; người được hạnh phúc an vui từ lúc lọt lòng mẹ, kẻ lại khổ sở khốn cùng triển miên. Do sự khác biệt giữa cái nghiệp của mỗi chúng sinh nên có sự khác nhau về hình dung tướng mạo: người thì đẹp đẽ, kẻ lại xấu xí, người cao kẻ thấp, người tuấn tú kẻ dị tướng kỳ hình. Do sự khác biệt giữa cái nghiệp của mỗi chúng sinh nên có tình trạng chênh lệch trong xã hội như được, mất, hơn thua, danh thơm, tiếng xấu, hạnh phúc hay bất hạnh khổ đau. Do nghiệp mà thế gian luân chuyển. Do nghiệp mà chúng sinh tồn tại. Và cũng do nghiệp mà chúng sinh vướng víu, liên kết với nhau như bánh xe, cấu hợp, dính liền và quay tròn quanh cái trục. Do nghiệp chúng sinh được vinh hạnh tôn sùng. Do nghiệp chúng sinh bị cảnh nô lệ tội đời, bị nạn độc tài đàn áp, áp bức, bóc lột, đi đến chỗ bại vong...”

Chính vì hiểu rõ mỗi nghiệp thiện, ác, tốt, xấu, tiêu cực hay tích cực đều có kết quả tương ứng, từ tuệ giác và kinh nghiệm thực tiễn thân chúng, Đức Phật đã đúc kết nên phương châm định hướng cho con người trên bước đường tìm cầu an lạc hạnh phúc, được nêu trong phẩm Phật đà, kinh *Pháp Cú*:

183.

*Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.*

Giá trị lợi ích lớn nhất của giáo lý nghiệp là giúp cho chúng ta ý thức rõ về trách nhiệm đối với bản thân và xã hội. Thuyết nghiệp cho biết rằng chúng ta là chủ nhân cuộc đời mình và cũng là chủ nhân của xã hội. Trong một xã hội, mỗi cá nhân có nghiệp riêng của mình (gọi là biệt nghiệp) tác động đến cộng đồng xã hội (tập hợp đông đảo những người có hoàn cảnh sống, có hình thức sinh hoạt tương đồng, có những nghiệp chung (gọi là cộng nghiệp), và ngược lại, cộng đồng xã hội cũng có những tác động ảnh hưởng đến mỗi thành phần cá nhân. Chúng ta làm nên xã hội, chúng ta tạo nên đặc điểm, tính chất của xã hội, vì vậy mà nói chúng ta là chủ nhân của chính mình và chủ nhân của xã hội. Mọi người có quyền tự do chọn lựa, trở thành con người tốt hoặc trở thành con người xấu, kiến tạo cho mình cuộc sống an lạc hạnh phúc hoặc bất hạnh khổ đau. Chúng ta tạo nên phẩm chất cho chính mình, xây dựng giá trị, bản chất đời sống cá nhân mình và góp phần làm nên xã hội. Chúng ta phải chịu trách nhiệm về tất cả chứ không ai khác.





Thuyết nghiệp giúp cho chúng ta tự tin vào chính mình để không đánh mất vai trò chủ nhân của đời sống, không lệ thuộc tư tưởng thần quyền, tư tưởng nương nhờ, trông cậy vào các thế lực siêu nhiên. Không ai có quyền định đoạt số phận, vận mệnh của chúng ta ngoại trừ chính chúng ta. Các thế lực siêu nhiên như ông trời (Thượng đế) và các thần linh (theo tín ngưỡng dân gian và nhiều tôn giáo khác) cũng không có khả năng làm thay đổi nghiệp quả của chúng ta, không thể ban phước giáng họa cho chúng ta. Chỉ chúng ta làm cho chúng ta an vui hạnh phúc bằng cách chuyển hóa nội tâm, chuyển hóa nghiệp thông qua các pháp môn tu tập và đời sống hướng thiện.

Thuyết nghiệp cũng dạy chúng ta sống không ỷ lại, bởi vì dù mang thân phận gì, ở địa vị nào, có quyền lực gì đi nữa cũng phải chịu trách nhiệm về những hành động tạo tác của mình, không ai có thể né tránh hay trốn chạy. Là hoàng đế hay kẻ thứ dân, là tổng thống hay kẻ ăn mày, người giàu sang hay bần cùng khổ khổ cũng đều bình đẳng trước sự chi phối công bằng của nghiệp. Chúng ta tạo nghiệp và nghiệp chi phối trở lại chúng ta. Chúng ta có thể bỏ tiền ra mua quyền chức, danh vọng, địa vị; dùng sự gian ngoa, thủ đoạn tinh vi để luồn lách, chạy trốn sự trừng trị, chế tài của pháp luật thế gian khi làm những việc bất chánh hay khi gây tạo tội ác; nhưng một điều chắc chắn là chúng ta không thể chạy trốn nghiệp quả, không thể bỏ tiền ra mua chuộc hậu quả của những việc mình làm mà mình phải gánh chịu trong hiện tại hoặc tương lai đời này hoặc đời sau. Bằng tuệ giác, các bậc Thánh giác ngộ thấy rằng: *"Dù trải qua trăm nghìn kiếp, nghiệp đã tạo cũng không mất đi, đến lúc gặp điều kiện nhân duyên thích hợp thì thọ nhận quả báo"*, và một khi quả báo đến rồi thì theo kinh số 127 trong phẩm Ác của kinh *Pháp Cú*, dù có bay lên không trung, lặn sâu xuống đáy biển

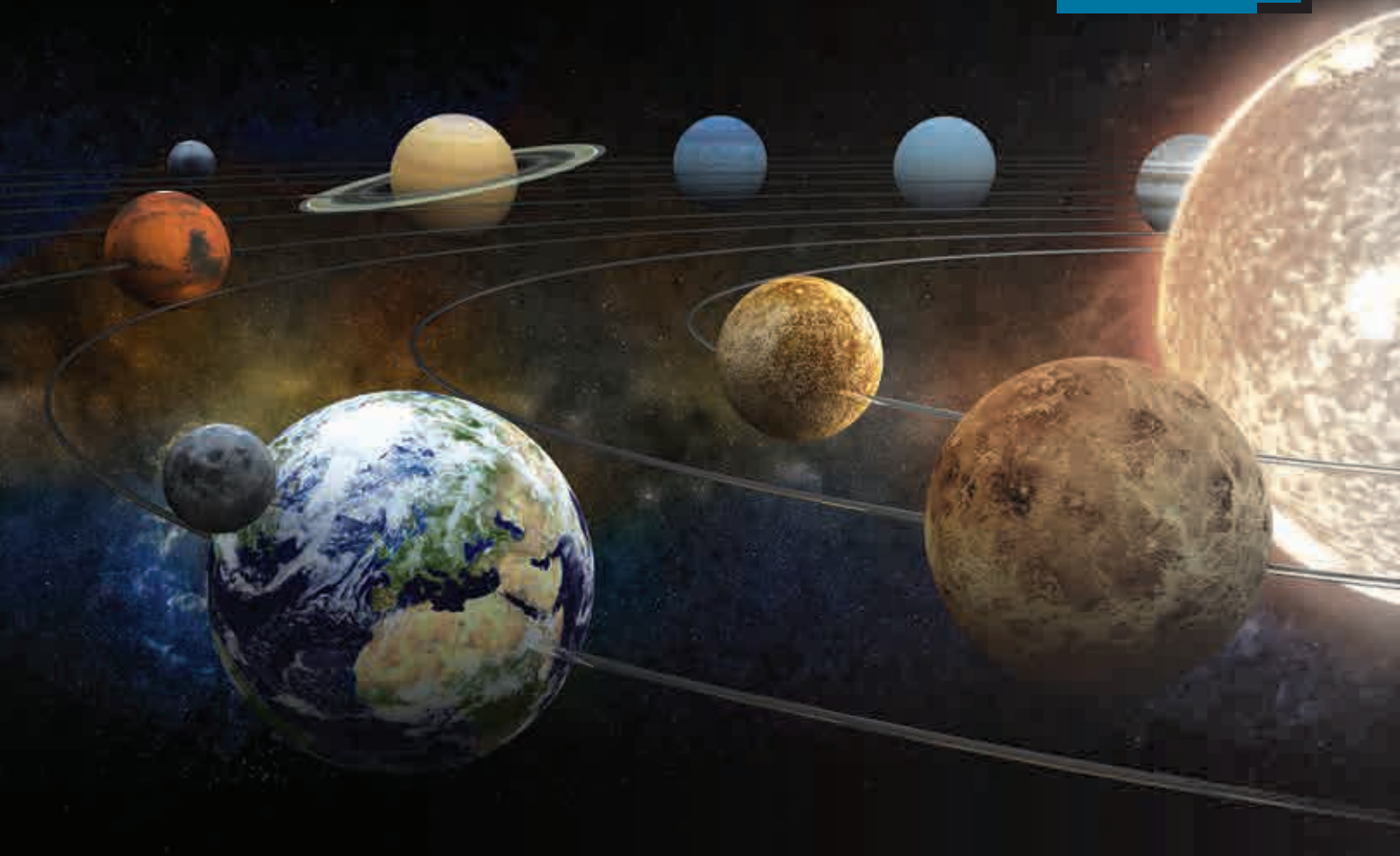
hay chui vào hang sâu núi thẳm, chẳng ai có thể trong khắp thế gian này tìm kiếm được một nơi nào thoát khỏi quả dữ của nghiệp xấu đã gây.

Hiểu về nghiệp, khi gặp cảnh ngộ không may, thay vì đổ lỗi cho người khác, đổ lỗi cho điều kiện, hoàn cảnh, đổ lỗi cho số phận, vận mệnh, đổ lỗi cho ông trời (Thượng đế) và thần linh, thì con người nhìn nhận rõ trách nhiệm ở nơi chính bản thân mình và tìm cách khắc phục, sửa đổi.

Trong cuộc sống, chúng ta cũng không rơi vào tình trạng tuyệt vọng và bế tắc, bởi chúng ta hiểu rằng chính những nghiệp nhân không tốt trong quá khứ (đời trước và quá khứ đời này) đã tạo nên con người và hoàn cảnh hiện tại, và hoàn cảnh này có thể được cải thiện bởi những nghiệp nhân tốt trong hiện tại. Những gì làm trong hiện tại không phải là vô nghĩa bởi nó có tác dụng tích cực trong việc cải tạo, xây dựng con người và đời sống mới. Thuyết nghiệp tạo niềm tin và hy vọng cho chúng ta về một cuộc sống tốt đẹp ở tương lai và sự cải thiện những gì bất như ý trong hiện tại.

Còn một vấn đề khác nữa là, khi nghĩ rằng chết là hết, là trở về cùng cát bụi thì chúng ta dễ dàng có khuynh hướng sống buông thả, phóng túng. Nhưng một khi tin vào thuyết tái sinh và thuyết nghiệp báo thì chúng ta có ý thức trách nhiệm đối với bản thân, với những việc mình làm, chúng ta sẽ sống tốt hơn. Bởi vì chúng ta hiểu rằng chết đi chưa phải là kết thúc, mà hậu quả của những gì đã tạo tác trong đời sống hiện tại không chỉ phải nhận lãnh trong hiện tại mà còn phải nhận lãnh trong đời sống mới ở tương lai.

Tham khảo: *The Buddha and His Teachings* do ngài Narada Maha Thera viết, bản tiếng Việt *Đức Phật và Phật pháp* do cư sĩ Phạm Kim Khánh dịch ■



Phật giáo và vũ trụ

ĐẠI SU TINH VÂN
NGUYỄN PHƯỚC TÂM dịch

Các phương đông, nam, tây, bắc, trên, dưới gọi là “vũ”, tức chỉ không gian vô hạn; từ ngàn xưa đến ngày nay gọi là “trụ”, tức chỉ thời gian vô hạn. Trong triết học gọi là thế giới, tức chỉ tất cả vật chất và toàn bộ hình thức tồn tại của nó. “Vũ trụ” của Phật giáo cũng bao hàm tứ duy (đông nam tây bắc) thượng hạ, quá khứ, hiện tại và vị lai, đồng thời dung chứa thế gian hữu tình vô lượng vô số, và khí thế gian rộng lớn mênh mông. Từ xưa đến nay, con người không ngừng thảo luận và nghiên cứu về sự tồn tại bí ẩn của vũ trụ; từ trong thần thoại của thuở hồng hoang đến sự phát hiện lần lượt của hệ thái dương, hệ ngân hà; sự biến chuyển từng ngày của khoa học khiến cho nhân loại bừng sáng và hiểu ra rằng thời gian và không gian (thời không), hữu tình, vật chất đều tự nhiên rộng lớn vô cùng, vượt xa ngoài phạm trù có thể hiểu biết của loài người.

Cách đây 2.600 năm trước, đối với thời không rộng khắp vô cùng ấy, Đức Phật đã có kiến giải thấu triệt, sâu sắc; điều này chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy trong các kinh điển Phật giáo. Do nội dung sâu rộng của giáo pháp, đệ tử Phật qua các thế hệ đã tìm hiểu nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, dần dần làm cho nội dung “Vũ trụ luận” của Phật giáo ngày một phong phú, các học phái ồ ạt ra đời. Lấy *Thế gian luận* mà nói, *Phẩm Diêm phù châu* trong *Kinh Khởi thế* miêu tả và trình bày sự hình thành của “tam thiên đại thiên thế giới” cho thấy trong vũ trụ đang tồn tại con số những thế giới đếm không xuể, nhiều đến nỗi có thể dùng số lượng của “hàng hà sa” hay của “vi trần” để ví von, gọi chung là “tam thiên đại thiên thế giới” hay “thập phương vi trần sát độ”. Tam thiên đại thiên thế giới này, trải qua quá trình thành, trụ, hoại và không, không ngừng lưu chuyển tuần hoàn.



Đối với thế gian hữu tình và tịnh độ Phật quốc, vũ trụ quan Phật giáo đã có cách nhìn sâu sắc, thấu đáo: thế gian hữu tình nương vào quả báo tốt xấu của chúng sinh với sự sai biệt khổ lạc có thể chia làm ba tầng dục giới, sắc giới, và vô sắc giới, gọi tắt là “tam giới”. Dục giới là nơi chúng sinh nam nữ có ái dục về giới tính và những ái dục khác, sống tụ tập với nhau, lấy ngũ dục duy trì sinh mệnh, do dục niệm thiện ác ấy trôi chảy, mà có quả báo thụ sinh trong “lục đạo”. Sắc giới là nơi chúng sinh đã viễn ly tình dục, ở trên cõi dục, không có sự phân biệt nam nữ, không tồn tại ý niệm tình ái, đều do tu tập từ “định” mà hóa sinh, nương vào độ sâu cạn, thô diệu của thiền định phân làm bốn cấp, tất cả có mười tám tầng trời. Trên nữa là cõi trời vô sắc, cõi này không có vật chất, chỉ lấy tâm thức trú ở thiền định thâm diệu, là thế giới tinh thần thuần túy.

Trong *Phẩm Thí dụ* của *Kinh Pháp Hoa* nói: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch, chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy, thường hữu sinh lão bệnh tử ưu hoạn*”, nghĩa là tam giới không yên, hết như nhà lửa, khổ não đầy vơi, thật đáng kinh hãi, thường hiện hữu sinh già bệnh chết và khổ não. Khí thế gian mới có y báo chiêu cảm nghiệp duyên của hữu tình chúng sinh, tam ác ngũ thú trà trộn ở với nhau, Đức Phật nhằm khiến cho chúng sinh thoát ly cõi trọc uế, mới tuyên thuyết tịnh độ Phật quốc thanh tịnh an lạc, khuyến khích chúng sinh phát nguyện vãng sinh, không còn thọ khổ luân hồi. *Kinh A Di-đà* nói: “*Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc*”, tức là từ Tây Phương, qua mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc, ở đấy, đất được rải bằng những bảo vật quý

báu, lầu gác được làm bằng thất bảo kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, hổ phách, và san hô, không tồn tại tam ác đạo, đều là nơi tụ hội, gặp gỡ của những người lành thượng đẳng. Trong *Kinh Dược Sư* cũng ghi chép, trong thế giới lưu ly của Đông Phương Dược Sư Như Lai, vật chất dân sinh phong phú, tất cả đều có thể làm theo ý muốn, nhân dân hiền lành đồn hậu. Ngoài ra, *Luận Thập trụ Ti-bà-sa*, *Kinh Thập cát tường* v.v., đều tỉ mỉ ghi lại các chủng loại của thập phương Phật quốc tịnh độ.

Đạo lý duyên khởi mà Đức Phật chứng ngộ nêu rõ rằng “*chư pháp nhân duyên sinh, chư pháp nhân duyên diệt*” (các pháp do nhân duyên mà sinh khởi, các pháp cũng do nhân duyên mà biến diệt). Thế gian vạn vật, bao gồm hữu tình và vô tình, đều sinh diệt biến hóa dưới ánh sáng duyên khởi, bởi thế nhận thức về sự nảy sinh hay sự tăng giảm của vũ trụ chính là nguyên lý duyên khởi, hết như một vòng tròn, vô thủy vô chung (không có điểm khởi đầu, cũng chẳng có điểm kết thúc), vì vậy không có cái gọi là sự khởi nguyên hay thuyết sáng tạo của vũ trụ. Còn như, duyên khởi của vũ trụ, các tông phái Phật giáo đều có chủ trương, như Nghiệp cảm duyên khởi, A-lại-da duyên khởi, Chân như duyên khởi, Pháp giới duyên khởi... Nhưng những lý luận này không nằm ngoài sự tạo tác của tâm, “tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt, nếu tâm không tồn tại, thì hết thầy pháp nào tồn tại”, gọi là một tâm có thể sinh vạn pháp, “tâm bao hàm cả thái hư và khắp thế giới hà sa”, tam thiên đại thiên thế giới đều là những hiện hiện của tâm thức. Cái lớn của tâm lực, sự vụt biến nhanh chóng của tâm niệm, là không có gì có thể so sánh nổi, thế giới của tâm rõ ràng là vô cùng vô tận hơn nhiều so với thế giới vật chất, gọi là “nhất niệm tam thiên”, tâm niệm vừa khởi, thì có thể ngao du, rong chơi trong tam giới lục đạo hay vũ trụ mênh mông vô cùng vô tận. Trong *Phẩm Súc sinh* thuộc *Kinh Chính pháp niệm xứ* nói: “*Tâm năng tạo tác nhất thiết nghiệp, do tâm cố hữu nhất thiết quả*” (Tâm có thể tạo tác tất cả nghiệp, do tâm cho nên mới có tất cả quả”, lại nói: “*Tâm vi nhất thiết xảo họa sư, năng ô tam giới khởi chúng hành*” (Tâm như những vị họa sĩ giỏi, có thể vẽ nên tất cả trong tam giới), nên biết “tâm” là thế giới vũ trụ vi diệu bất khả tư nghì, chúng sinh trôi lăn trong lục đạo, hoặc thành Phật làm Tổ, đạt đến Thánh cảnh, hết thầy chỉ do hành vi của tâm mà quyết định. Vì vậy, chúng ta bắt tất truy tìm bên ngoài tâm, chỉ cần giác ngộ tâm này, không tự làm những việc bất chính, thì sơn hà đại địa, cây cối hoa cỏ, đi hết vào trong não bộ, tức thì một niệm chính là pháp giới, thế giới sa-bà trong chớp mắt biến thành tịnh độ, sự khởi diệt của vũ trụ vạn tượng và của tâm thức, chắc chắn sẽ rộng mở rõ ràng, niệm niệm không bị sóng gió của nghiệp cảnh xoay vần, đảo điên, tựa như đạo lý mà Thiên sư Vô Môn nói “nhật nhật hảo nhật” (mỗi một ngày trôi qua đều là những ngày tươi đẹp), an nhiên tự tại. ■



Suy nghĩ về đời sống hôn nhân

CHAGDUD TULKU RINPOCHE
ĐỖ HOÀNG TÙNG dịch

Các lời thể nguyện trong buổi lễ thành hôn không chỉ mang tính nghi thức bên ngoài. Quan trọng hơn, chúng biểu thị cho một cam kết nội tại, về mặt tinh thần. Để biết cách duy trì sự cam kết đó suốt đời, các bạn cần hiểu được tầm vóc lớn lao hơn của các lời thể nguyện này.

Giữa nhiều loại chúng sanh trong pháp giới, chúng ta với tư cách con người đã đạt tới một địa vị rất hiếm hoi và may mắn, một nền tảng duy nhất vừa đủ cho sự phát triển tâm linh. Tuy nhiên, nếu chúng ta không nhận ra sự quý báu của đời sống làm người, có thể chúng ta sẽ lãng phí nó, giống như một người tìm thấy một mẩu vàng, nhưng lại không nhận ra giá trị của nó nên đã bỏ phí, dùng nó như một thanh chặn cửa. Hiện giờ chúng ta cũng giống như quặng vàng chưa qua tinh luyện, chưa nhận ra bản chất thật của mình là như vàng. Bằng cách tận dụng cơ hội làm người này, ta có thể tinh luyện quặng để hiển lộ sự tinh khiết của cái bản chất vốn có giống như vàng của ta.

Trong hôn nhân, hai người có thể hỗ trợ cho con đường tâm linh của nhau và giúp đỡ nhau để đảm bảo rằng tiềm năng của kiếp người không bị lãng phí. Điều này rất quan trọng, vì cơ hội làm người của ta rất ngắn ngủi. Cũng là điều tự nhiên khi ta mong muốn được gắn bó với nhau lâu dài, nhưng ta không thể biết trước cuộc đời mình hay mối quan hệ hôn nhân của mình kéo dài được bao lâu. Mọi điều mà ta trải nghiệm đều vô thường. Cái thế giới mà ta đang cư ngụ đây đã có thời không tồn tại, và một ngày nào đó nó sẽ lại trở về với hư không. Đã có lúc thân xác của ta không có mặt ở đây, và một ngày nào đó nó lại đi mất.

Với nhiều người đã sống trên quả đất này một trăm năm trước, bao nhiêu người còn có mặt bây giờ? Và trong số những người đó, bao nhiêu người tiếp tục có mặt trong một trăm năm nữa? Nếu hiểu lẽ vô thường, ta sẽ biết được tầm quan trọng của việc sử dụng sao cho tốt thời gian sống với nhau.

Ngay từ lúc bắt đầu cuộc hôn nhân, các bạn cần phải suy nghĩ rõ ràng về định hướng mà mình muốn

theo đuổi. Điều quan trọng nhất không phải là các bạn có được nhiều thời gian bên nhau, mà là các bạn sẽ sử dụng quãng thời gian đó như thế nào. Hôn nhân có nghĩa là cam kết từ nay về sau, trong suốt phần đời còn lại của đời vợ chồng, các bạn sống hòa thuận với nhau trong niềm vui, tình yêu thương và lòng thân ái, và với mong muốn đem đến cho nhau lợi lạc nhiều nhất có thể. Điều này có nghĩa là ngày ngày hãy nguyện đặt hạnh phúc của người bạn đời lên trên hạnh phúc của mình. Cả ở mức độ thể tục lẫn tâm linh, hãy quyết tâm đáp ứng mọi nhu cầu của nhau và đóng góp cho sự phát triển tâm linh của nhau. Tình yêu vị tha và đích thực mà đời vợ chồng dành cho nhau sẽ tạo nên hiệu lực đem đến hạnh phúc trong đời này và gieo trồng hạt giống hạnh phúc cho đời sau.

Mỗi người đã chọn người bạn đời của mình từ tất cả các đóa hoa tươi thắm trong khu vườn trần gian này. Vì vậy, điều quan trọng là các bạn đến với hôn nhân bằng ý thức về lòng vị tha, về việc đem lại cho nhau lợi lạc nhiều nhất có thể, trong cả những lúc buồn vui, sướng khổ. Nếu người đàn ông bước vào hôn nhân, nghĩ rằng, “bây giờ người phụ nữ này là vợ tôi, trách nhiệm của cô ta là đáp ứng những nhu cầu của tôi, để làm cho tôi hạnh phúc”, hoặc nếu người phụ nữ nghĩ rằng, “bây giờ người đàn ông này là chồng tôi, anh ta có trách nhiệm phải đem đến hạnh phúc cho tôi, anh ta phải làm cho tôi mãn nguyện,” những mong đợi như vậy chỉ gây rắc rối. Thay vì yêu cầu những điều như thế từ người bạn đời và mong đợi điều gì đó cho mình, các bạn hãy cam kết với nhau, nhận trách nhiệm đảm bảo hạnh phúc cho người bạn đời của mình. Hãy luôn để ý xem những gì ta nói hay làm ảnh hưởng đến người bạn đời của mình như thế nào. Hãy tìm hiểu xem những gì có lợi cho hạnh phúc và an lạc của nhau. Nếu cả hai người đều quan tâm đến hạnh phúc của nhau, có thể một cặp vợ chồng sẽ không bao giờ phải xa rời nhau. Mỗi quan hệ vợ chồng của các bạn sẽ không thể nào tan vỡ.

Nhưng nếu ngược lại, ta buộc người bạn đời phải có trách nhiệm với hạnh phúc của mình, nếu ta cảm thấy người bạn đời nợ ta một điều gì đó, ta sẽ chỉ thấy lỗi lầm của người ấy. Nếu sự thúc đẩy chính của ta là hy vọng người khác sẽ làm cho ta hạnh phúc, cuộc hôn nhân của ta sẽ không

dễ dàng, và hạnh phúc của ta sẽ không kéo dài. Việc đến với hôn nhân bằng một quan điểm vị kỷ sẽ tự động tạo ra hoàn cảnh ngăn trở những điều lợi lạc lớn hơn lẽ ra có thể có. Nhưng nếu ta có sự thúc đẩy phải mang lại hạnh phúc cho người bạn đời, ta sẽ có hạnh phúc cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn, và ta sẽ mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh. Đây chính là ý nghĩa của sự thành công trên cả phương diện tâm linh lẫn thế tục. Hạnh phúc mà chúng ta trải nghiệm trong cuộc sống phụ thuộc rất nhiều vào động cơ của mình. Và động cơ của chúng ta trong hôn nhân cũng quan trọng như trong bất kỳ mối cam kết nào khác. Mặc dù một động cơ vị tha không phải là Bồ-đề tâm, vốn có phạm vi rộng lớn hơn nhiều - [lòng vị tha] vẫn là một cách thực hành vô ngã rất trực tiếp, với người ở ngay bên cạnh ta. Và ta có thể sử dụng mối quan hệ vợ chồng như là một hình mẫu cho mối quan hệ với tất cả mọi người.

Để duy trì được cam kết của mình, các bạn phải chuẩn bị để đương đầu với những khó khăn trở ngại bằng ý chí chịu đựng vững vàng. Mặc dù ta khao khát điều thiêng liêng, các va chạm vẫn có thể xảy ra. Không ai trong chúng ta là hoàn hảo cả. Trong mối quan hệ, ta thường trải qua các cảm xúc tiêu cực, nhỏ nhen, những suy nghĩ ích kỷ, và mọi loại tâm trạng hay thể trạng, có điều dễ chịu, có điều khó chịu. Những điều đó thử thách sự cam kết của ta - nó phải có khả năng trụ vững cho dù bất cứ điều gì xảy ra. Điều quan trọng không phải là đã nảy sinh điều gì, mà là ta đối phó với nó như thế nào, ta xử trí thế nào để bảo đảm rằng cuộc hôn nhân của ta kéo dài suốt đời.

Hãy nguyện giúp đỡ nhau, là bạn của nhau, trong mọi hoàn cảnh. Khi có khó khăn, dù lớn hay nhỏ, nhớ đừng làm to chuyện. Hãy tự nhủ, người bạn đời của ta cũng chỉ là người, chẳng phải thần thánh. Hãy chú tâm đến các phẩm chất tốt đẹp của người bạn đời mà đừng bám chấp những chuyện rắc rối.

Khi rắc rối nảy sinh, hãy tự nhủ rằng tất cả chúng ta đều chỉ là con người và hãy buông bỏ sự rắc rối đó. Trong những lúc khó khăn, hãy nhớ rằng cuộc hôn nhân của ta là vì cuộc sống, ta nợ cuộc sống sự nỗ



lực trọn vẹn nhất của mình. Ta không có thời gian để tranh cãi. Hơn nữa, việc suy nghĩ rằng mình đúng còn người khác sai là một trong những ảo tưởng kéo dài sự đau khổ.

Thay vào đó, hãy kiên nhẫn và luôn nhớ rằng vào lúc chết, điều duy nhất có lợi ích là công hạnh mà ta đã tích tập được trong đời này. Nếu ta giữ được cái viễn cảnh đó hằng ngày, các bất đồng sẽ được giải quyết và ta sẽ phát triển được tính kiên nhẫn, tình yêu thương, lòng từ bi và sự chấp nhận, những phẩm chất giúp tăng cường mối quan hệ của mình.

Động lực vị tha trong hôn nhân tiêu biểu cho sự hoàn hảo đầu tiên trong lục ba-la-mật (*hay sáu sự hoàn hảo*) – lòng khoan dung, mà việc thực hành nó là một trong những cách tốt nhất để tích lũy công đức và gia tăng các phẩm chất đạo đức. Thông qua tình yêu và sự cam kết mà ta mang lại cho nhau cho nhau trong dịp này và trong tương lai, khi ta nâng niu tình yêu dành cho nhau trong trái tim mình, khi ta trao nhau những lời yêu thương, khi ta trao nhau nhẫn cưới như biểu hiện vật chất của sự ràng buộc, ta đang bày tỏ phẩm chất của sự rộng lượng. Sự cam kết của ta từ nay về sau sẽ dùng thân khẩu ý để đem đến hạnh phúc cho nhau lại là một biểu hiện nữa của sự khoan dung đó.

Ta cũng mang đến cho hôn nhân sự hoàn hảo thứ hai, việc giữ gìn các quy tắc ứng xử đạo đức. Điều này nghĩa là sống với nhau theo các nguyên tắc đạo đức cao hơn; từ bỏ những thói quen không có lợi cho quan hệ hôn nhân và các hành vi như nhỏ mọn, ích kỷ, không hòa hợp; và nhấn mạnh vào những phẩm chất tích cực, vị tha, chẳng hạn như lòng từ ái là điều mang lại lợi lạc lớn hơn. Con đường tâm linh của ta là con đường của đức hạnh, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho những người khác và kiểm chế các hành động bất cẩn có thể gây hại hay khổ đau. Là người có tu tập, ta nên sử dụng thân khẩu ý để bảo vệ mình và cuộc hôn nhân của mình trước mọi trở ngại hay bất kỳ khía cạnh tiêu cực tiềm tàng nào, và cố gắng đem đến lợi lạc cho nhau một cách khéo léo. Nếu biết chú ý đến nhu cầu của người bạn đời, ta sẽ có những phương tiện rất mạnh mẽ để đẩy lùi mọi rắc rối.

Không có gì phải nghi ngờ rằng đời sống hôn nhân là một thử thách. Đừng có định kiến về việc mối quan hệ nên tiến triển thế nào, mà hãy học cách đừng gây rối cho nhau, cách đạt được niềm vui và sự hòa hợp ngày càng lớn hơn. Khi xảy ra chuyện không vừa ý, hãy chuyển hóa những cảm xúc tiêu cực trong tâm bằng sự tu tập của mình mà đừng tìm cách sửa đổi người bạn đời. Điều này cũng rất quan trọng nếu ta quyết định có con. Khi ta đối xử với nhau bằng sự tôn trọng và tình yêu thương, và cố giải quyết mọi chuyện một cách ôn hòa, con cái sẽ có một mẫu mực cho việc phát triển những mối quan hệ tích cực và thành công của chúng.

Sự hoàn thiện thứ ba, sự nhẫn nại, là một trong những phẩm chất quan trọng nhất mà ta có thể mang đến cho

cuộc hôn nhân của mình. Hãy cam kết luôn duy trì sự hòa hợp và luôn nhớ rằng bất kể những thay đổi ngoài mặt hay nội tâm mà người bạn đời của ta đang trải qua thì người ấy cũng chẳng phải là Phật. Người bạn đời của ta vẫn chỉ là một con người bình thường đang phải đương đầu với các vấn đề của riêng mình. Hãy cố gắng liên hệ điều đó với lòng từ bi và sự nhẫn nại, hãy tập trung vào mối quan hệ của nhau hơn là hơn là chú ý đến những rắc rối. Cố gắng đừng để mình phải chịu phiền não trước những khó khăn không thể tránh khỏi khi người ta sống với nhau. Ít nhất là đừng bám chấp vào chúng; thay vào đó hãy cố gắng giải quyết chúng ngay lập tức.

Sự thực hành nhẫn nại của ta sẽ mang lại lợi ích lớn lao trong ngắn hạn, trong phạm vi hôn nhân, và trong dài hạn. Khi các đức tính được rèn luyện, đặc biệt là đức tính mạnh mẽ như kiên nhẫn, chắc chắn nó sẽ dẫn đến hạnh phúc tuyệt vời trong tương lai, điều có thể được coi như kinh nghiệm ở thiên đường hay cõi cực lạc. Vì giận dữ mà làm tổn thương lòng tự ái của người bạn đời, vì ham muốn vị kỷ mà không nghĩ đến những điều mang lại hạnh phúc cho người bạn đời nhưng chỉ nghĩ đến những ước muốn lấy mình làm trung tâm, và vì thiếu hiểu biết mà không phân biệt được hành vi nào chỉ gây hại với những hành vi mang lại lợi ích, các bạn sẽ gây nên những đau khổ ngắn ngủi và lâu dài. Vì thiên đường và địa ngục chẳng phải là những nơi nằm ngoài tâm thức các bạn. Thực ra, chúng chỉ là những điều phản chiếu từ chính tâm thức tích cực hay tiêu cực của các bạn.

Việc duy trì sự cam kết dành cho nhau với tính cách vợ chồng còn đòi hỏi sự tinh tấn, điều toàn hảo thứ tư. Cần có một cố gắng không mệt mỏi để giữ cho được sự kết nối chung thủy của ta, để xử trí cả trong lãnh vực thế tục lẫn trong tình huống tu tập tâm linh nhằm giúp nhau đạt được mục đích và mang lại lợi ích cho nhau và cho cả những người khác. Mọi loại tình bạn trên đường đạo đều là thiết yếu cho sự tiến triển của ta với tính cách những người thực hành tâm linh, và phẩm chất của những người bạn có thể có ảnh hưởng lớn đối với ta. Điều đó giải thích, với ta, điều quan trọng là biết sử dụng cuộc hôn nhân như một cơ hội hỗ trợ sự thực hành giáo pháp của nhau, không bao giờ để cho hành động, lời nói hay thái độ của người bạn đời biến thành những trở ngại trên con đường tu tập. Điều này đòi hỏi sự thực hành tinh tấn, không chỉ cố gắng vài lần mà suốt trong cuộc sống chung để thành tựu những mục đích tinh thần.

Việc luôn tỉnh táo trong sự ràng buộc, nâng niu nó trong trái tim ta, và đừng bao giờ để vuột mất, liên quan đến điều toàn hảo thứ năm về sự kiên trì thiền định. Điều này có nghĩa là việc tập trung chuyên nhất vào những gì sẽ mang lại hạnh phúc lâu dài cho ta và cho người khác. Các bạn trẻ đẹp hay hấp dẫn như thế nào trong ngày hôm nay khi trao lời thể nguyện cho nhau chẳng có gì là quan trọng. Sắc đẹp không tồn tại mãi. Đừng chú tâm vào đó. Hãy nhớ mọi thứ trên đời



đều biến hoại. Mọi sự vốn giả hợp, vốn đến với nhau, cuối cùng cũng rã ra. Nhưng khi các bạn có nhau, các bạn có thể mang lại niềm vui cho nhau, có thể tạo nên những đức hạnh, có thể hỗ trợ sự thực hành tâm linh của mình và của người bạn đời. Mặc dù cuộc đời này có thể rất ngắn ngủi, sự kết nối mà các bạn tạo lập, thông qua sự dẫn thân tích cực và có đạo đức bên nhau và thông qua sự thực hành tâm linh, sẽ tiếp tục trong các đời sau để mang lại lợi ích cho cả hai.

Cuối cùng, các bạn mang tới cho cuộc hôn nhân điều hoàn hảo thứ sáu về trí tuệ, hay kiến thức siêu việt.

Bất kể niềm vui hay nỗi buồn nào mà các bạn trải qua, dù là với tính cách cá nhân mỗi người hay với tính cách một đôi vợ chồng, hãy nhớ rằng những sự kiện thoáng qua đó đều chỉ giống như những tiếng vang, những ảo ảnh, chúng đến rồi đi mất, rằng chẳng điều gì mà các bạn trải qua có một chút sự tồn tại vốn có nào. Toàn thể kinh nghiệm sống của chúng ta giống như một giấc mơ vào ban đêm đầy những niềm vui nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ. Và hết như khi ta thức giấc vào buổi sáng để thấy chẳng có gì đã thật sự xảy ra, ta có thể nhìn lại toàn bộ kinh nghiệm sống của mình để thấy chúng toàn là ảo ảnh. Rất nhiều những khoảnh khắc hạnh phúc và đau khổ nay đã trôi sạch.

Việc hiểu thấu bản chất sâu xa về những kinh nghiệm của ta không có nghĩa là ta coi nhẹ những kinh nghiệm hạnh phúc của mình. Ta vẫn hoan hỉ, nhưng cùng lúc, ta nhận thức được chúng không thật như ta từng nghĩ. Khi buồn, ta nhớ rằng những nỗi buồn của ta cũng vô thường. Quan điểm đó giúp ta bớt bám chấp vào mọi sự theo một lễ thói nhất định, cũng như bớt ghét bỏ những khó khăn. Ta nhận thức rằng chịu trách nhiệm về hạnh phúc hay đau khổ của ta chẳng phải là hoàn cảnh bên ngoài mà là cách phản ứng của

ta đối với chúng. Điều đó mang lại thái độ chấp nhận và sự quân bình cho cuộc sống của ta.

Hãy cố gắng duy trì một nhận thức không gián đoạn về bản chất đích thực của bạn; bản chất đó vượt lên trên những thái cực của hạnh phúc và khổ đau, niềm vui và nỗi buồn, hy vọng và sợ hãi. Mặc dù có thể bạn có vẻ là một người rất bình thường, nếu nội tâm bạn luôn kết nối với điểm tinh yếu này của sự thực hành, ngay cả khi bắt tay vào công việc hằng ngày, bạn sẽ thành tựu được điều gì đó rất mạnh mẽ và rất lợi lạc. Nếu bạn giữ vững quan điểm này thì việc bạn sống ở đâu, ăn mặc ra sao, hành động thế nào chẳng thành vấn đề.

Trong ý nghĩa sâu xa nhất của nó, sự hoàn hảo về trí tuệ được thể hiện trong sự hợp nhất của nam tính và nữ tính, là nền tảng cho con đường tâm linh của Phật pháp. Khía cạnh biểu hiện của tất cả hình tướng trong thế giới hiện tượng, diệu hữu, tương ứng với nguyên lý nam tính của phương tiện thiện xảo và bản chất thực sự của những hiện tượng này, chân không, tương ứng với khía cạnh nữ tính của trí tuệ, hay kiến thức siêu việt. Nếu chúng ta xem xét bất kỳ yếu tố nào trong kinh nghiệm của mình, chúng ta sẽ thấy bản chất trống rỗng của nó, nhưng mọi thứ vẫn được biểu hiện ra thành hình tướng. Sắc và không, không và sắc cùng tồn tại trong sự hợp nhất với nhau. Sự hiểu biết về tính bất khả phân ly của tính không của các hiện tượng và hình tướng của chúng là phẩm chất của kiến thức siêu việt, có thể được trau dồi và nuôi dưỡng trong suốt cuộc sống chung của các bạn.

Trong xã hội loài người, sự liên kết giữa phụ nữ và nam giới là biểu hiện của chân lý sâu sắc đó, hôn nhân là một biểu hiện của sự hòa hợp đó. Thậm chí điều này còn mang đến một chiều kích sâu sắc hơn nữa cho các cuộc hôn nhân giữa hai người đã bước chân vào con đường thực hành giáo pháp, bởi vì họ có một phương tiện để đưa vào trong cuộc sống của họ sự hợp nhất của nam tính và nữ tính mà các giáo pháp được xây dựng trên đó.

Trong cuộc hôn nhân của mình, nếu các bạn vẫn trung thành với cái nhìn của trí tuệ, và trong cuộc sống chung của mình, luôn nỗ lực để mang lại lợi ích lớn lao hơn cho bản thân và những người khác trong ngắn hạn và dài hạn, mối quan hệ của các bạn sẽ luôn mang lại hạnh phúc trong đời này và các đời sau; sự hợp nhất của các bạn sẽ thể hiện được tinh túy và nguyên lý của giáo pháp thiêng liêng.

Nguồn: Marriage (<http://en.chagdud.org/marriage/>)

Chagdud Tulku Rinpoche (1930-2002) là một vị giáo thọ thuộc phái Ninh-mã của Phật giáo Kim Cương thừa Tây Tạng. Ngài được người phương Tây biết đến và kính trọng qua những bài pháp thoại, giọng nói hay như hát, những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc và hội họa cùng năng lực của một thầy thuốc. ■



Viêng **chùa Thập Tháp, ngôi cổ tự ngát hương thiền**

Bài & ảnh: THỰC QUYÊN

Đã có một vị huynh trưởng Gia đình Phật tử ở Bình Định nói rằng về được An Nhơn mà không đến chiêm bái chùa Di Đà ở gò Thập Tháp thì có khi cũng uổng một chuyến đi. Quả thật, bước vào ngôi cổ tự rợp bóng cổ thụ, du khách lập tức thấy lòng mình thanh thản, như được chìm vào một cảm giác an lạc đến kỳ lạ. Ngày nay, tấm biển "Sắc tứ Thập Tháp Di Đà tự" được chúa Nguyễn Phúc Chu (Minh vương) ban rồi được Hòa thượng Mật Hoảng trùng khắc vào năm 1821 vẫn được treo giữa ngôi chính điện, cho thấy, có lẽ đúng như cách gọi tên của cửa vị huynh trưởng kia, tên gọi ban đầu của chùa là chùa Di Đà, còn Thập Tháp là một địa danh thêm vào để định vị cho rõ. Có lẽ sau này các vị tổ trụ trì đã cải danh thành chùa Thập Tháp và từ đó chùa được gọi tên như ngày nay.

Nằm ở phía Bắc thành cổ Đồ Bàn nay thuộc địa phận thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn tỉnh Bình Định, chùa Thập Tháp được coi là ngôi chùa cổ nhất thuộc thiền phái Lâm Tế đã được xây dựng ở miền Trung và vẫn còn giữ được những nét cổ kính của cả một quần thể kiến trúc điêu khắc cùng với một toàn cảnh hài hòa giữa thiên nhiên.

Các nhà nghiên cứu cho biết, văn bia còn để tại chùa ghi nhận rằng chùa Thập Tháp là hậu thân của am Di Đà được ngài Nguyên Thiều Hoán Bích dựng ở làng Thuận Chánh huyện Tuy Viễn vào năm 1665 trong đời chúa Nguyễn Phúc Tần (Hiển vương); vì sau chùa có gò Thập Tháp, một gò đất có mười ngôi tháp cổ của người Chăm, nên sau này, khi chùa đã được xây dựng quy mô, người ta gọi là chùa Di Đà Thập Tháp, tên chữ là Thập Tháp Di Đà tự. Sách *Đại Nam nhất thống chí* nói chùa



này được lập năm 1683, nhưng theo *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang thì niên đại này có lẽ để ghi nhận lúc chùa đã khánh thành sau một thời gian xây dựng nhiều năm. Đến năm 1691, chùa đã được chúa Nguyễn Phúc Chu ban biển ngạch và câu đối.

Về Thiền sư Nguyễn Thiệu, các tài liệu cho biết ngài họ Tạ, có các danh xưng là Hoán Bích và Siêu Bạch, người huyện Trình Hưng, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông. Năm 19 tuổi, ngài xuất gia; rồi, không lâu sau đó, theo thuyền buôn người Quảng Đông tới xứ Đàng Trong vào năm 1665 dưới đời chúa Nguyễn Phúc Tần, lập am Di Đà tại gò Thập Tháp như đã nói ở trên. Một thời gian sau, xây dựng chùa Thập Tháp Di Đà xong, ngài Nguyễn Thiệu giao việc chăm sóc ngôi chùa cho một vị thiền sư đồng môn là Hòa thượng Đạo Nguyên (1656-1716) và một vị cao đồ là Hòa thượng Kỳ Phương (1682-1744) để ra Thuận Hóa theo yêu cầu của chúa Nguyễn Phúc Tần, lập nên chùa Quốc Ân, xây tháp Phổ Đồng, rồi lại đến trụ trì chùa Hà Trung ở xã Hà Trung, huyện Phú Lộc, thuộc ngoại ô phủ Thừa Thiên và thị tịch tại đó, thọ 81 tuổi. Ngài cũng đã từng vào Gia Định lập chùa Giác Duyên. Các tài liệu cho biết, lúc thị tịch, ngài được chúa Nguyễn Phúc Chu tặng thụy hiệu là Hạnh Đoan. Minh vương Nguyễn Phúc Chu là vị chúa Nguyễn thứ sáu của chính quyền xứ Đàng Trong, lên ngôi năm 1691 và mất năm 1725; như vậy, chắc chắn ngài Nguyễn Thiệu phải tịch trong khoảng thời gian đó chứ không thể trẻ hơn như một số tài liệu hiện lưu hành.

Trở lại với chùa Thập Tháp, người ta biết đây là nơi xuất thân và hành đạo của nhiều vị thiền sư danh tiếng, có công trong việc hoằng truyền Phật pháp, như các ngài Liễu Triệt, Mật Hoàng, Minh Lý, Phước Huệ, Kế Châu... Chùa nằm trên đồi Long Bích, trước mặt là núi Mò-O (có người gọi là núi Thiên Bút hoặc núi Thiên

Đình), sau lưng được bao bọc bởi một nhánh của sông Côn, ở một phía còn có con sông Quai Vạc chảy quanh; phía trước cổng chùa có một hồ sen rộng chừng năm trăm mét vuông, bờ hồ được xây bằng đá tổ ong. Qua mấy trăm năm, chùa đã được trùng tu tôn tạo nhiều lần. Lần trùng tu đầu tiên được thực hiện vào năm 1749 vào lúc Thiền sư Liễu Triệt trụ trì, trong thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ vương). Lần trùng tu này, ngài Liễu Triệt đã cho xây dựng lại một ngôi chánh điện khang trang. Sau đó, các ngài Mật Hoàng, Minh Lý, Phước Huệ, Kế Châu... đều có những đóng góp quan trọng cho việc duy trì và mở rộng ngôi phạm vũ này mà vẫn không đánh mất nét cổ kính của ngôi chùa và sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

Từ ngoài vào, đi dọc hồ sen đến cổng chùa, du khách thấy ngay hai trụ gạch xây uy nghi, trên đầu trụ là hai con sư tử đá. Giữa hai trụ đá có một vòng cung nối liền, phía trên gắn hai chữ "Thập Tháp". Qua khỏi cổng là một bức bình phong; mặt bình phong có đắp nổi hình long mã phù đồ đặt trên một bệ chân quý. Chùa được xây theo kiểu chữ khẩu, gồm chánh điện, tây đường, đông đường và nhà phương trượng. Chánh điện có mái thẳng, lợp ngói âm dương, trên nóc có đắp hình lưỡng long tranh châu; kết cấu sườn đỡ tòa chánh điện gồm bốn hàng cột, trong đó tám cột hàng nhất cao 6 mét, tám cột hàng nhì cao 5 mét, cột to một người ôm không xuể; các đoạn trính được cấu tạo theo kiểu giá chiêng, hai đầu chạm hoa cuộn, ở những đoạn đầu kèo có chạm hình đầu rồng cách điệu, nét tròn giản dị, uốn lượn thanh nhã. Bên trong chánh điện có Phật điện bài trí trang nghiêm, chính giữa thờ Tam thế Phật, hai bên có các khám thờ Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Địa Tạng. Tượng các vị La-hán, các vị Minh vương ở mười tầng địa ngục, các vị Hộ pháp cùng với tượng của các Tổ sư Đạt-ma và Tỳ-ni-đa-

lưu-chi được bài trí hai bên vách tả hữu. Được biết các tượng này đều được tạc dưới thời thiền sư Minh Lý trụ trì. Giữa cửa chính của ngôi chánh điện có tấm biển lớn ghi rõ “Sắc tứ Thập Tháp Di Đà tự” bằng chữ Hán, chính là tấm biển được Minh vương Nguyễn Phúc Chu tặng khi mới lên ngôi nhưng do binh lửa thời Tây Sơn đã bị hư hoại và sau này ngài Mật Hoàng khắc lại. Hai đầu hành lang thiết trí đại hồng chung và đại cổ (trống bát-nhã). Nhà phương trượng nằm sau chánh điện do Hòa thượng Phước Huệ xây dựng năm 1924. Nối chánh điện với nhà phương trượng ở phía Nam là ngôi nhà tổ, nơi thờ tổ khai sơn Nguyên Thiều cùng chư vị tổ sư kế thế trụ trì, chư Tăng quá cố và hương linh của các Phật tử. Đối diện nhà Tổ là giảng đường, nơi chứng kiến những cuộc hội họp của Tăng chúng hoặc các chúng cư sĩ, và là nơi tiếp khách. Trong giảng đường còn lưu giữ những bản gỗ khắc bài “Thập Tháp tự chí” của một vị Thị giảng học sĩ từng sự tại phủ An Nhơn sáng tác năm 1928 ghi lại lịch sử khai sáng, quá trình xây dựng và truyền thừa của tổ đình Thập Tháp đến lúc bấy giờ. Giảng đường cũng là nơi tàng trữ một số ván khắc mang nội dung các bản sớ sao về kinh *Di Đà*, kinh *Kim Cang* và kinh *Pháp Hoa*. Một bộ *Đại tạng kinh* tương truyền là do vị Tổng trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tứ cúng dường cũng được cất giữ cẩn thận tại giảng đường này. Một nét đặc biệt khiến du khách viếng chùa Thập Tháp vừa thích thú vừa ngỡ ngàng là suốt từ cổng vào đến các dãy nhà, đâu đâu cũng có thể thấy hoành phi hay liễn đối với những nét chữ bay bướm của các vị thiền sư hay các bậc túc nho Phật tử; được biết nội dung các câu đối đều thể hiện được lễ uyên áo của Phật pháp hay cảnh trí u nhã của ngôi chùa.

Rời quần thể kiến trúc chính, du khách tiếp tục đến chiêm bái vườn tháp Tổ ở phía trái, nơi có tất cả hai mươi mốt ngôi tháp mộ cổ kính an trí nhục thân các vị trụ trì và các bậc tôn túc trong chùa. Sau lưng chùa, nằm trên đồi Long Bích còn có tháp Bạch Hổ. Tương truyền dưới thời Thiền sư Liễu Triệt trụ trì, có một con cọp trắng hằng đêm rời núi rừng đến gần chùa nghe kinh, con cọp không ăn thịt và không làm hại ai nên Phật tử quanh vùng cũng không cần nghĩ đến việc đuổi cọp. Một hôm, trong lúc thiền định, Hòa thượng Liễu Triệt cảm nhận có một vị lão trượng râu tóc bạc trắng đến báo vừa mãn phần hiện yên nghỉ sau chùa, xin được Hòa thượng cùng Tăng chúng tụng kinh để được siêu độ. Sáng hôm sau, ngài Liễu Triệt cho người tìm khắp vùng thì chỉ thấy xác con cọp trắng nằm chết, Hòa thượng cho thu lượm rồi lập tháp để an trí xác cọp. Gần bên tháp Bạch Hổ còn một ngôi tháp được gọi là tháp Hội Đồng; được biết đây là nơi tổ chức trai đàn cầu siêu cho những vong linh oan hồn uổng tử bỏ mạng trong các cuộc chiến tranh mà khi khai hoang, nhà chùa đã thu nhặt và chôn cất tử tế.

Về thăm chùa Thập Tháp, du khách còn được nghe những mẩu chuyện về sự tích hòn đá chém, một hòn đá cho rằng được các quan tư pháp nhà Nguyễn dùng



làm chỗ hành hình những người theo phong trào Tây Sơn ra đầu thú; hay sự tích vỏ lúa, vỏ của hạt lúa gốc có thể tự nảy mầm trở hạt mà không cần gieo cấy... nhưng e đó chỉ là những truyền thuyết.

Đứng trên đồi Long Bích nhìn về thành Đồ Bàn, du khách không khỏi ngậm ngùi cho cuộc hưng vong của một dân tộc; nơi từng là đế đô của một vương quốc kiêu hùng với những thêm vàng bệ ngọc, cung điện nguy nga, nay chỉ còn lại xa xa phía Tây nam một ngọn tháp Cánh Tiên. Cũng may, tiếng chuông chùa Thập Tháp ngân nga trong gió chiều cũng đủ làm lòng người lắng những vọng niệm. Khung cảnh tịch mịch của ngôi chùa trong những ngày vắng khách thập phương khiến cho tâm hồn người viếng chùa thanh thoát tĩnh lặng để cảm nhận lẽ vô thường. Giữa lúc lòng người xao động, nơi đâu cũng đua chen tìm đến với chùa to tượng lớn, viếng chùa Thập Tháp, người Phật tử thành tâm mừng rằng đâu đó trên đất nước này vẫn còn cảnh trí thiền môn được chăm chút giữ gìn làm nơi quy hướng. ■



Rắc rối chuyện đời

HOÀNG TÁ THÍCH

Đọc trên diễn đàn *Giao Điểm*, có một tác giả viết về chữ Bụt trong Phật giáo. Ý ông ta là muốn đọc giả thay vì dùng chữ Phật như từ xưa đến nay thì nên dùng chữ Bụt. Muốn thuyết phục thì phải có lý lẽ, nên tác giả đã mất rất nhiều công phu nghiên cứu về gốc tích chữ Bụt, từ bên Ấn Độ, qua tận Trung Quốc cho đến Việt Nam. Nghĩa là từ chữ Phạn, chữ Pali, chữ Hán, đến chữ Anh, chữ Pháp, chữ Việt. Nào là Bụt bắt nguồn từ Bô-t-đà, Buddha, Boudha, có từ thế kỷ nào, từ đâu mà có... Xem ra rất nhiều công phu và mất nhiều thời gian với một bài nghiên cứu khá dài. Cuối cùng, tác giả nói, nếu không đổi hẳn chữ

Phật thành chữ Bụt thì cũng nên dùng cả hai chữ song hành. Thế có nghĩa là không phải vì chữ Phật có gì sai trái mà phải thay thế. Cũng không hiểu vì lý do gì mà ông ta lại muốn thuyết phục mọi người dùng chữ Bụt thay chữ Phật cho thêm rắc rối.

Để trả lời cho tác giả bài viết trên, có một vị khác viết một bài rất ngắn gọn. Ông cho biết chữ Phật là do Ngài Huyền Trang thời nhà Đường, sau khi vượt cả ngàn dặm qua Ấn Độ đem kinh sách Phật giáo về Trung Quốc thì đã bỏ công dịch từ chữ Phạn và chữ Pali ra chữ Hán để hoằng pháp. Hai ngôn ngữ khác nhau hoàn toàn, và Phật giáo cũng là một tôn giáo, một nguồn tư tưởng khá mới mẻ

đối với Trung Hoa, nên trong quá trình dịch thuật, ngài Huyền Trang đã phải “phát minh” ra một số từ, khoảng hai mươi bốn ngàn chữ. Chữ Phật trong chữ Phật-đà, lấy âm từ chữ Bô-đề mà ra là một trong mấy chục ngàn chữ đó. Chữ PHẬT gồm chữ NHÂN đứng trước chữ PHẬT. Chữ Phất có nghĩa là KHÔNG, theo thuật ngữ nhà Phật nghĩa là tánh KHÔNG. Một người có tánh không, nghĩa là người giác ngộ, thì chỉ có mình Đức Phật. Như vậy, chữ Phật hay đẹp, đầy đủ ý nghĩa như thế, lại được dùng từ hàng mười mấy thế kỷ nay, tại sao lại phải thay bằng một chữ khác để gây ra lăm chuyệu tranh cãi?

Ấy là phân tích chiết tự cho những người biết chút chữ Hán, còn đối với hầu hết những người theo đạo Phật, người ta dùng chữ Phật như một thói quen, chẳng ai nghĩ đến chuyệu thay đổi làm gì.

Trên đây là câu chuyệu đối thoại chữ nghĩa giữa hai nhà nghiên cứu về ngôn ngữ, chẳng dám lạm bàn. Có điều thiếu nghĩ, chữ Phật đã được dùng từ hàng thế kỷ nay, người ta đã quen như thế, thay đổi cũng sẽ chỉ đem đến nhiều vấn đề tranh cãi mà thôi. Trong hàng ngàn hàng vạn người đang dùng chữ Phật thì có lẽ chẳng có bao nhiêu người cất công đi nghiên cứu nguồn gốc chữ Bụt và chữ Phật, và nếu không vì một lý do đặc biệt nào đó thì cũng không phải chỉ có mục đích thuyết phục người ta thay thế chữ Phật bằng chữ Bụt làm gì.

Thực ra, Phật đã là không, mà Bụt cũng là không. Ngôn ngữ chỉ là một hình thức để diễn đạt. Dùng chữ Bụt cũng được, chữ Phật cũng thế, miễn không gây ra chuyệu tranh cãi lôi thôi. Bụt hay Phật cũng từ Bô-đề ra mà thôi.

Mọi chuyệu rắc rối cũng đều chỉ vì con người không thích sự đơn giản. Trong cuộc đời lăm chuyệu này, đôi khi phải tìm cách “đơn giản hóa” mọi vấn đề chút ít thì có thể được thoải mái hơn.

Như nói đến tiền bạc vật chất kẻ có người không, kẻ giàu người nghèo, nhưng nói đến hạnh phúc thì ai cũng có thể có được hạnh phúc như nhau, dù người nghèo bị giới hạn phương tiện để hưởng hạnh phúc hơn đối với kẻ giàu có.

Người đời thường có hạnh phúc vật chất trần tục. Kẻ tu hành có hạnh phúc tâm linh. Hạnh phúc như khí trời, ai cũng có thể thở được. Vua chúa, người giàu, kẻ nghèo cũng có chừng đó hạnh phúc, nhưng đôi khi người nghèo biết an phận mà lại dễ có hạnh phúc hơn người giàu có, quyền thế, vì người giàu có, quyền thế thường không đơn giản như những người nghèo. Không đơn giản nghĩa là phức tạp, nhưng không phải phức tạp theo cái nghĩa thông thường, mà là một sự phức tạp tế nhị hơn. Ví dụ người bình dân chỉ cần một cái bát đôi đũa để ăn cơm, một bộ quần áo đơn giản để mặc. Người giàu có thì cũng chỉ một cái bát, một đôi đũa, nhưng là chén kiêu, đũa ngà. Nhà cửa sang trọng nhưng chén bát chưa vừa ý, đôi khi cũng ngại mời khách đến dùng cơm nữa là đàng khác. Cũng là một bộ áo quần để mặc, nhưng

là đồ hàng hiệu đắt tiền. Ngoài ra phải có cả hàng chục bộ khác nhau để thay đổi tùy theo hoàn cảnh, bộ này đi với giày nọ, bộ nọ phải hợp với xách tay màu kia. Hàng hiệu mới về phải mua để hợp thời trang. Đi ra ngoài, áo quần dù nhiều vẫn sợ đụng hàng, thế đã là rắc rối rồi. Kẻ tu hành chỉ có một màu áo, không phải mất công chọn lựa. Phức tạp là như thế chứ không phải người giàu phải ăn cơm trong một lúc hai ba cái bát, mặc một lúc hai ba bộ quần áo.

Người bình dân dựng vợ gả chồng mọi chuyệu đều dễ dàng đơn giản. Lễ lược sơ sài, đãi tiệc cũng tương đối. Người giàu có lấy nhau phải môn đăng hộ đối, nghe ý kiến của bà con quen biết nói vào nói ra cũng đã thấy rắc rối. Lễ lạc rình rang tiệc cưới phải tổ chức nơi sang trọng. Phụ dâu phụ rể năm bảy cặp, cô dâu thay đổi năm ba lần áo lễ. Nhà trai phát biểu, nhà gái phát biểu. Đám cưới nhà càng giàu có, khách mời càng đông cho được danh giá, lại càng dễ có chuyệu để trách móc. Nhưng hạnh phúc giữa hai vợ chồng thì lại không do những điều đó mà có. Gặp nhau nên vợ nên chồng phải nói là duyên nghiệp. Đâu phải ai ai lấy nhau cũng hạnh phúc như nhau. Bản thân hai người không bà con thân thích chung đụng với nhau suốt đời làm sao không có những chuyệu không hợp nhau. Ngoài ra còn cả hai gia đình, làm dâu làm rể biết bao nhiêu chuyệu phiền toái. Hạnh phúc thì không sao, không hạnh phúc thì phải ly thân, ly dị. Ra tòa lần thứ nhất lần thứ hai, phân chia của cải, phân chia con cái. Toàn những chuyệu không vui. Giải quyết chuyệu của mình chưa xong lại còn phải nghe không biết bao nhiêu là ý kiến linh tinh.

Tất cả đều là duyên nghiệp. Đến với nhau là duyên kết, hết với nhau là duyên tận. Bạn bè cũng thế. Gặp một người bạn là duyên cho gặp nhau. Một hôm đẹp trời bỗng nhiên bạn mình hờ hững qua loa ra chiều phai nhạt. Chắc hẳn phải có một nguyên nhân nào đó. Cũng vì duyên tận mới sinh sự cố gây nên hiểu lầm. Bên nào cũng có lý do thỏa đáng. Tìm hiểu, phân trần, trách móc... đôi khi chỉ gây thêm phiền muộn. Lỡ bạn có rêu rao nói xấu mình đi nữa thì cũng vì cái cung bạn bè của mình xấu, cái nghiệp của mình phải gánh chịu. Nghĩ được như thế sẽ thấy nhẹ nhàng thoải mái hơn.

Người nghèo bình dân qua đời ma chay cũng đơn giản. Người giàu có, nhiều chức vụ, lăm chuyệu lôi thôi hơn. Cáo phó như thế nào cho đúng, để tang phải hợp nghi thức Thọ Mai, mặc dù Thọ Mai có từ thời xa xưa, nhiều chi tiết nay đã lỗi thời. Đám phải tổ chức đúng nghi lễ, dù tang gia có bối rối cũng phải sắp xếp tiếp đãi quan khách chu đáo. Chức vụ càng lớn thì điệu văn càng dài, đôi khi còn phải cường điệu thêm chút ít. Rồi thì phát biểu của khách đến viếng, dòng dài, kể lể đủ thứ chuyệu mà nhà đám có thể không muốn nghe, còn người chết đã nằm trong sáu vách gỗ, chẳng biết chút gì. Bởi vậy, đám tang là tổ chức cho người còn sống

chứ không phải cho người chết. Người chết chẳng ai muốn chết rình rang đình đám, nên đơn giản được chùng nào tốt chùng đó.

Tuy nhiên đó là những hình thức quy ước trong xã hội, con người phải lệ thuộc, không tránh được. Người nghèo không ai muốn nghèo, phải luôn luôn cố gắng làm việc, đấu tranh để đời sống khá hơn. Người bình dân tiếp cận với xã hội văn minh cũng phải thay đổi lối sống quá đơn giản để thích ứng với môi trường chung quanh. Nghĩa là con người thường xuyên phải đi từ chỗ đơn giản lên dần chỗ không đơn giản. Lúc chưa có điện thì đầu có tú lạnh, truyền hình. Có điện vào nhà thì có đủ thứ nhu cầu càng ngày càng tăng, nhà cửa phải rộng rãi hơn, càng phải làm việc nhiều hơn để đạt được đời sống cao hơn. Chưa kể đến chuyện trang trí nhà cửa sắp đặt đồ đạc trong nhà cũng đã là một vấn đề. Càng cao danh vọng càng dày gian nan. Càng đi vào đời sống cao hơn thì sẽ gặp vô số chuyện không đơn giản như ngày trước. Một khi đã đi vào cuộc sống không đơn giản, con người dù muốn dù không cũng phải dính vào những rắc rối của cuộc đời. Có khi không phải nghĩ thế nào, muốn thế nào thì có thể làm như thế đó, mà luôn luôn chúng ta phải lệ thuộc phần nào những quy ước trong xã hội.

Trong cuộc sống xô bồ hiện nay, con người khó sống được trong chánh niệm. Thực tại quá nhiều chuyện để chi phối mình. Có những người làm việc bận rộn đến không có bữa ăn cùng gia đình, hoặc đang ngồi với người thân mà tâm trí để đâu đâu. Mỗi ngày đôi khi phải qua vài ba cuộc họp. Ăn cơm với khách chỉ nói chuyện đầu tư buôn bán, đôi khi chẳng biết mình đang thưởng thức món gì, ngon dở thế nào. Giờ nào cũng phải nghe điện thoại để giải quyết công việc. Đó cũng là cái nghiệp. Nghề nghiệp. Nghiệp của nghề. Tìm được an lạc thân tâm không phải là chuyện dễ dàng.

Mọi chuyện cũng do cái nghiệp của mình tạo ra. Người tu hành chỉ có một màu áo, không cần

phải mất thời gian chọn lựa, nhưng khi có chức sắc, phải đứng ra làm chủ lễ thì cũng phải y phục cân đai đúng cách, không thể đơn giản như chiếc áo nâu hàng ngày được. Áo lễ xấu đẹp cũng có người khen chê, hưởng chi là đời thường, biết bao nhiêu là hình thức bên ngoài phải lệ thuộc. Nhưng đó là những hình thức phải có trong cuộc sống đời thường, không thể nào chối bỏ được. Chúng ta chỉ có thể đơn giản bớt những cái rắc rối do chính bản thân mình gây nên thì may ra sẽ sống được với thực tại nhiều hơn. Ví như có thể bớt được những lạm bàn chẳng hạn. Hoặc giả có nhiều chuyện đã xảy ra hậu quả rồi, nay lại bắt đầu lại bằng những "Giá như!" chỉ gây thêm bối rối cho người khác. Con người vốn rất phức tạp. Người ta mời mình đến dự tiệc, đôi khi không muốn đi vì nhiều lý do, nhưng khi không được mời thì lại băn khoăn, trách móc. Tặng ai một món quà, thực lòng thì không cần người ta cảm ơn, nhưng nếu không nhận được lời cảm ơn thì lại cũng có chút trách móc, băn khoăn. Chính đây là những cái gọi là rắc rối chuyện đời. Ngoài ra còn cả trăm thứ rắc rối khác thường làm cho con người không lúc nào được hạnh phúc thoải mái.

Trong kinh Phật có chuyện một người bị thương vì một mũi tên cắm sâu vào thân thể. Gắn chết nhưng không chịu cho rút mũi tên ra để chạy chữa nếu chưa biết được kẻ đã bắn mình là ai. Rắc rối chuyện đời là thế.

Trong đời sống hiện tại, lắm kẻ chẳng khác gì nhân vật trong kinh vừa kể trên.

Nhà hiền triết Nikos Kazantzaky (trong tác phẩm Alexis Zorba) luôn luôn bị dẫn vật giữa Tâm và Trí. Tâm muốn làm một việc theo đòi hỏi của dục vọng, nhưng Trí thì thường cản trở hoặc ngăn ngại vì những tư duy do hình thức xã hội tạo nên. Những lúc bị bế tắc như thế, ông lại ngồi đối thoại với Đức Phật để tìm một lối thoát. Cho đến một hôm đứng trên bờ biển, nhìn thấy những con chim hải âu có thể đậu trên ngọn sóng mà không bị xô ngã, ông mới nghĩ ra một điều:

Phải tìm thấy một nhịp điệu thích ứng với đời sống hiện tại và buông thả theo: đó chính là lối sống đúng đắn. ■





Cánh cửa và chân mây

CAO HUY HÓA

Cánh cửa là thiếp, là thiếu phụ trông chồng; chân mây là chàng, là chinh phu đi chinh chiến. *Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây* (Chinh phụ ngâm).

Đó là thời đất nước loạn lạc hay bị ngoại xâm. Nhưng khi thái bình, chàng không ru rú ở nhà mà ra thi thố việc nước, hoặc giỏi mài kinh sử, hoặc nếu an phận ở quê nhà, thì làm nghề nông, quá lắm thì làm thầy thuốc, thầy đồ, thỉnh thoảng góp phần vào việc làng, việc họ. Còn thiếp, vẫn chủ yếu trong cánh cửa, lo chăm sóc con cái và gia đình nhà chồng, lo vườn tược, heo cú gà vịt... Thiếp quanh năm thâm lặng, quá lắm

là được tiếng khen: công dung ngôn hạnh... Tất nhiên, các vị nữ lưu xuất chúng thì không kể.

Nhưng thời thế đã khác từ lâu. Bên trời Âu, nữ giới đã càng ngày càng được học tập, lao động, gánh vác nhiệm vụ của xã hội như nam giới. Bên này Đông Á, đạo Nho mờ nhạt, ảnh hưởng văn minh phương Tây đã làm cho nữ giới được vươn lên về mọi mặt của xã hội; và ngày nay, chuyện nam nữ bình quyền là chuyện tất nhiên, đâu có nơi có lúc chưa hoàn toàn như ý. Thực tế cho thấy, ngoại trừ những ngành nghề có tính đặc thù về giới tính, còn thì nữ có thua gì nam, thậm chí học chăm hơn, đạt điểm cao hơn.

Vì vậy, tất nhiên ngày nay nam nữ kết hôn với nhau thì cả hai đều đi làm việc. Thiếp không thể chỉ ở trong cánh cửa, dẫu cho chàng ra ngoài chân mây, lên biên giới bảo vệ Tổ quốc. Tình thế có khi lại đảo ngược: chàng có thể phải trong cánh cửa, dĩ nhiên không kể thời gian ra xã hội làm việc, còn thiếp thì xa xôi, tận chân mây cuối trời, để công tác hoặc du học, tu nghiệp nước ngoài.

Việc giải phóng phụ nữ tất yếu phải đưa đến phân công nhiệm vụ của hai vợ chồng trong gia đình. Vợ phải bớt đi công việc nhà để chồng chấp nhận vui vẻ sẻ chia. Thật tình đàn ông không muốn làm công việc bếp núc, nhưng nếu hoàn cảnh thôi thúc thì phải làm, cho nên nhiều khi được “tiếng” là ông nội trợ. Nếu hai vợ chồng không biết hòa hợp trên công việc chung, thì dễ xảy ra xung khắc, và bị kịch từ đó, nhất là khi vợ quá sắc sảo, quá lý lẽ, lại thêm lý lẽ kèm theo sức mạnh kinh tế và văn hóa với bằng cấp cao hơn, thu nhập cao hơn chàng. Cho nên dễ hiểu đàn ông có khuynh hướng chọn vợ “thường thường bậc trung” về hai mặt văn hóa và kinh tế; tuy nhiên sau này có thể khuynh hướng này giảm nhẹ đi.

Cánh cửa xã hội mở ra thoáng dăng hơn cho cả nam và nữ, quan hệ xã hội rộng rãi hơn, cởi mở hơn, nhưng bụi phấn hoa dễ làm vẩn đục tâm hồn, cũng như tiền tài, quyền lực, sắc đẹp dễ làm con người mê mờ, cho nên vợ chồng lắm lúc gặp cảnh “cơm không lành, canh không ngọt”, “chán cơm thềm phở”, “quên nghĩa tào khang”, mà nếu không kịp phản tỉnh thì tai họa cho gia đình, bất hạnh cho con cái. Trong khi đó, luật pháp mở đường cho hai người “đường ai nấy đi” nếu cả hai không còn chút mặn nồng. Một điều trái ngược là trước đây, ở xã hội gọi là phong kiến, nam nữ bị áp đặt hôn nhân lại gắn bó với nhau trọn đời, còn nay thì nam nữ tự do lựa chọn bạn đời sau khi đã tìm hiểu nhau, lại dễ xảy ra ly thân, ly dị.

Trong bộn bề lo toan việc cơ quan lẫn việc nhà, kể cả chạy vạy làm thêm kiếm tiền, không ít trường hợp hai vợ chồng phải bàn bạc để người này tạo thuận lợi cho người kia, lắm khi người này có chút hy sinh. Như vậy mới đúng là tình nghĩa vợ chồng, mới là thuận vợ thuận chồng để tát bát âu lo... Lâu nay, ta cứ quen khi thấy phụ nữ thường tạo điều kiện để chồng tiến bước trên con đường công danh, sự nghiệp, còn mình thì chấp nhận lo nhiều hơn cho gia đình, nhất là lúc con còn nhỏ, cần tình thương yêu chăm sóc của mẹ. Tuy nhiên, ngày nay số con ít đi, và khi con đã đến tuổi vào trường thì phụ nữ vẫn phải được tiến thân trên con đường học tập và nghề nghiệp, cho nên đức ông chồng phải biết chấp nhận làm việc nhà nhiều hơn. Lại nữa, không dễ để cả hai vợ chồng trẻ có được công việc như ý. Thất nghiệp đang rình rập đâu đó, vậy thì mỗi người phải nắm lấy cơ hội; nếu vợ có cơ hội thì chồng phải ủng hộ. Mọi khả năng đều có thể xảy ra, chẳng hạn: hai vợ

chồng có con nhỏ, chồng chẳng may thất nghiệp, hoặc lương tiền ít, trong khi vợ có việc làm thu nhập cao, thì có thể chồng ở nhà lo gia đình, để vợ đi làm. Tình hình đó chẳng tốt lành gì, liệu có ảnh hưởng tiêu cực đến hạnh phúc gia đình không? Khó mà trả lời, có lẽ chỉ ỡm ờ: “Thì cũng tùy...”. Tuy nhiên, một bài viết trên tờ *The New York Times* ngày 22/1/2010, trả lời hần hoi, rất tích cực.

Nữ tác giả Tara Parker-Pope, với bài báo tựa đề: “*She works, they're happy*” (tạm dịch: “Vợ làm việc, gia đình hạnh phúc”) đã đặt câu hỏi bất ngờ ngay từ đầu bài: “*Một bà vợ thành công về tài chính có đe dọa ông chồng hay là giúp đỡ ông chồng?*”. Một vài con số thống kê lý thú về tương quan văn hóa và kinh tế giữa vợ chồng của xã hội Mỹ:

- 1/3 số đám cưới với vợ có trình độ học vấn cao hơn chồng.

- Số cặp vợ chồng với vợ là trụ cột gia đình chiếm 22% tổng số cặp vợ chồng trên đất Mỹ.

Không biết phụ nữ ở ta có tâm đắc hay không với nhận xét của bà Stephanie Coontz, giám đốc một trung tâm nghiên cứu về gia đình hiện đại: “*Phụ nữ không cần lấy chồng xứng hợp về giáo dục và kinh tế nữa, vì thế họ ngày càng thích lấy chồng trên nền tảng quan hệ bình đẳng*”. Chính tác giả bài báo nói trên đã lấy mình làm ví dụ: “*Trong hôn nhân của tôi, tôi được học nhiều hơn chồng; và, bởi vì chồng tôi đã nghỉ, nên tôi có thu nhập nhiều hơn*”, bà nói. “*Tôi lấy nhà tôi không phải vì tôi cần phiếu thức ăn, nhưng vì tôi nhận ra anh ấy tôn trọng tôi và không có vấn đề gì khi chia sẻ trách nhiệm cuộc sống hàng ngày với tôi. Bây giờ, ngày càng nhiều phụ nữ có lựa chọn đó*”.

Gia đình có cả hai vợ chồng đi làm việc, lại có hai con nhỏ, thì không tránh khỏi khó khăn, vất vả, ở ta cũng như ở Tây. Bạn đọc thử xem hoàn cảnh của một gia đình bên Mỹ mà bài báo nói trên nêu ra: Hai vợ chồng lấy nhau đã năm năm, có bốn đứa con, dĩ nhiên còn nhỏ, trong đó hai đứa sau là song sinh; chi phí chăm sóc cho bốn đứa nhóc này không thể chịu nổi nếu cả hai đi làm việc, vậy thì một người phải nghỉ việc. Người ở nhà là người có thu nhập ít hơn: đó là ông chồng. Bực bội lắm chứ! Ông bực bạch: “*Nếu bạn hỏi tôi năm năm nay sao cứ ở quanh quẩn trong nhà, tôi sẽ trả lời ‘không còn con đường nào khác’*”.

Chồng bực bội như thế, sinh ra so đo, mặc cảm, rồi thì cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, vợ chồng chia tay, dễ xảy ra lắm chứ! Thì ra ở Mỹ không phải như thế, theo nữ tác giả bài báo: “*Trong lúc người ta dễ dàng tin rằng sự độc lập về tài chính của phụ nữ làm tăng nguy cơ ly dị, thì tỷ lệ ly dị tại Mỹ lại là chuyện khác: nó giảm xuống khi phụ nữ có thu nhập cao hơn. Vào cuối thập niên 1970, thống kê trên 1.000 cặp vợ chồng mà vợ có thu nhập cao hơn thì con số vụ ly dị ở mức cao nhất là 23; từ đó tới nay con số đó đã đều đặn rút*

xuống chỉ còn 17. Ngày nay, người ta thấy rằng ở Mỹ người phụ nữ càng độc lập về kinh tế và được hưởng một nền giáo dục cao thì càng giữ vững được lứa đôi. Và theo một báo cáo năm 2009 từ Center for American Progress (Trung tâm Khảo sát về tiến bộ của nước Mỹ) thì ở những tiểu bang nơi các bà vợ có công ăn việc làm ít hơn thì tỷ lệ ly dị càng có xu hướng cao hơn.

Như vậy, đáng khen thay tinh thần chịu đựng của những ông chồng ở Mỹ, chịu đựng cao hơn những bà vợ, khi bình tâm chấp nhận ở nhà; đồng thời cũng cần ghi nhận những bà vợ “trụ cột” trong gia đình không có thái độ gia trưởng. Không những thế, thời gian bờ ngõ ban đầu khi hoán chuyển công việc thật là dễ thương. Nữ giáo sư Linda Duxbury, tại trường kinh doanh Sprott tại Đại học Carleton, nhớ lại thời kỳ bà đi làm, còn chồng chấp nhận ở nhà. “Chồng tôi mặc áo quần cho con gái đi học, và tôi nói, ‘Trời ơi, con gái giống như hễ’, Chồng tôi trả lời vui vẻ: ‘Đó chỉ là sự bứt rứt của bà. Con nó thích thú lắm đấy. Nếu bà không thích sự lựa chọn của tôi, thì bà làm đi’”.

Đời sống gia đình của hai vợ chồng giáo sư nói trên trở thành bình thường ở Mỹ, và cũng có thể sẽ trở thành bình thường ở nước ta, nhất là ở các thành phố lớn. Dầu sao, người đàn ông cũng phải vượt qua trở ngại về tâm lý, là vấn đề tế nhị trong quan hệ vợ chồng. Đó là mặc cảm, hận đời, rồi nghi ngờ những quan hệ xã hội của người bạn đời của mình,... Nếu người vợ đoan chính, hết mực thương yêu gia đình, khéo léo cư xử với chồng thì mọi chuyện mới ổn thỏa, còn không thì... Nhưng rồi xã hội biến chuyển nhanh, thị trường lao động ngày nay vừa rộng mở, vừa bấp bênh; rộng mở vì người trẻ không chỉ có một con đường là biên chế làm suốt đời và thăng tiến trong bộ máy nhà nước và thành phần kinh tế quốc doanh, mà có thể làm việc rất năng động trong các cơ quan, công ty, cơ sở ngoài nhà nước; nhưng bấp bênh vì theo quy luật cạnh tranh, theo nhu cầu thị trường cũng như khả năng đáp ứng của người lao động, mà chuyện mất việc có thể xảy ra, cũng như khó tìm được việc ở nơi khác; vì vậy phải chấp nhận hoàn cảnh xảy ra có tính nhất thời.

Một phát hiện lý thú của bài báo là: trong xã hội Mỹ, vợ đi làm, chồng nội trợ, mà vợ chồng hạnh phúc; còn chồng đi làm, vợ ở nhà thì có nguy cơ ly tan. Căn cứ của phát hiện đó là số vụ ly dị, một căn cứ có giá trị thực tế ở Mỹ. Ở nước ta thì không thể căn cứ như vậy. Xã hội ta, dầu sao vẫn chưa đậm chủ nghĩa cá nhân như ở phương Tây, cho nên chuyện xung khắc vợ chồng không dễ đi đến ly dị, vì cả hai còn nghĩ đến hạnh phúc con cái, và chẳng phía sau hai vợ chồng, còn có hai gia đình hai bên, và thường thường lời khuyên là: “Chín bỏ làm mười”, “Một sự nhịn là chín sự lành”... Chuyện hạnh phúc trong điều kiện “vợ đi làm, chồng ở nhà” chỉ là chuyện ở Mỹ. Ở ta, hạnh phúc hay không là tùy từng nhà. Còn chuyện chồng đi làm, vợ ở nhà, thì người vợ



cũng không vui, nhưng không có căn cứ để tin rằng vợ chồng có nguy cơ ly tan. Hoàn cảnh khó khăn chính là thử thách của hai người. Hạnh phúc vốn có không mất đi nếu cả hai là con của Phật, để biết ngăn ngọn gió chướng vào nhà: Khi gặp hoàn cảnh không được như ý thì không khởi tâm bi lụy, chán nản.

Từ chỗ trọng nam khinh nữ, từ thái độ người đàn ông trong gia đình luôn luôn là gia trưởng, đến nay, đàn ông đã bớt gia trưởng hơn, trong khi phụ nữ càng cương nghị hơn. Nhưng không ai muốn vượt ra ngoài giới tính. Chức năng căn bản của mỗi người trong hai vợ chồng được quy định bởi giới tính, không chỉ ở loài người mà cả ở động vật. Việc sinh con, nuôi con, xây dựng tổ ấm không thể ra ngoài những đặc điểm của giới tính. Âm dương là hai thực thể đối lập nhau, bù trừ cho nhau, có thể mới gắn bó nhau, mới cần đến nhau. Trong xây dựng gia đình, có những việc chung mà cả hai vợ chồng cùng san sẻ, có những việc riêng theo giới tính, nói cho cùng thì tất cả khẩu hiệu chỉ là vỏ khô cứng, nếu không thuận vợ thuận chồng. ■



Chung góp nghĩa tình

Bài & ảnh: NGUYỄN ĐÌNH NIÊM

Từ khi điều kiện kinh tế của cuộc sống được cải thiện, người dân đã quan tâm hơn đến hoạt động giáo dục đào tạo; đặc biệt, những gia đình có hoàn cảnh sống sung túc không chỉ nghĩ đến con em mình mà còn biết nghĩ đến tất cả những em học sinh đang có khó khăn. Hàng năm, vào mùa thi, những thành phố có tổ chức các điểm thi tập trung phải tiếp đón trong một thời gian ngắn hàng trăm ngàn người gồm thí sinh và các bậc phụ huynh đưa con em đi thi; việc ăn ở, đi lại, nghỉ ngơi đối với số lượng người lớn như thế luôn gợi lên cho người từ nơi xa về thành phố đi thi một cảm giác lo lắng.

Tiếp sức mùa thi là một hoạt động nằm trong chương trình “Sinh viên chung sức cùng cộng đồng” được Hội Sinh viên Việt Nam phát động từ nhiều năm qua, đã giúp giải tỏa phần nào nỗi băn khoăn đó; đã từng bước giành được sự ủng hộ của toàn xã hội; và Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp.

Năm nay, tại Huế, hoạt động chính của Phật giáo Huế là cung cấp những bữa cơm chay miễn phí cho thí sinh có hoàn cảnh khó khăn về dự thi, hướng dẫn các em về nghỉ ngơi tại một số trung tâm văn hóa, tự viện, hoặc tư gia của các vị Phật tử có điều kiện.

Tại TP.HCM, nơi tập trung nhiều thí sinh từ khắp nơi đổ về, có thể thấy Chương trình Tiếp sức mùa thi do Báo Giác Ngộ thuộc Thành hội Phật giáo TPHCM

tổ chức là quy mô nhất. Có gần 300 tình nguyện viên tham gia việc hướng dẫn, đưa đón các thí sinh nghèo đến khoảng 5.000 chỗ trọ miễn phí ở các chùa tập trung quanh các điểm thi. Tại nơi trọ, thí sinh và thân nhân được mời dùng cơm chay miễn phí. Chương trình này còn tỏa ra đến tận Cần Thơ và Lâm Đồng. Theo một kế hoạch nhất quán, tối ngày 2-7-2011, các buổi lễ cầu nguyện an lạc cho thí sinh được tổ chức cùng thời điểm tại chùa Xá Lợi TP.HCM, chùa Khánh Quang TP. Cần Thơ, và Thiền viện Vạn Hạnh TP. Đà Lạt.

Đà Nẵng cũng có nhiều hoạt động sôi nổi. Phân ban Gia đình Phật tử Đà Nẵng lập ra bốn điểm trực để đón tiếp và hướng dẫn các thí sinh về dự thi tại Đà Nẵng; tình nguyện viên sốt sắng đưa thí sinh đến tận cả điểm thi bên quận Ngũ Hành Sơn; thí sinh và phụ huynh có nhu cầu được cung cấp nơi ăn ở miễn phí suốt thời gian thi và được hướng dẫn tận tình về kế hoạch di chuyển hợp lý.

Tại miền Bắc, Phật giáo Hà Nội cùng với Ban Từ thiện chùa Phổ Linh quận Tây Hồ đã tổ chức cung cấp cho một số thí sinh các bữa ăn chay miễn phí tại các điểm trường Đại học Mỏ-Địa chất, Học viện Quản lý Giáo dục, và trường Đại học Thương mại. Câu lạc bộ Thanh niên Phật tử chùa Phủ Liễn thuộc tỉnh Thái Nguyên cũng tổ chức phát cơm hộp miễn phí cho các sĩ tử về thi tại Trường Đại học Nông Lâm ở tỉnh nhà. Chùa Hồng Phúc thuộc quận Kiến An TP. Hải Phòng đã mở rộng cửa đón thí sinh và người thân đến

ăn ở miễn phí trong thời gian về dự thi. Chùa còn tổ chức cả một ban y tế để chăm sóc cho các thí sinh trong lúc nghỉ trọ tại chùa nếu cần.

Điểm qua một vòng các hoạt động Phật sự trong mùa thi năm nay, có thể thấy rằng người Phật tử trên toàn quốc đã có nhiều đóng góp tích cực. Mặc dù chưa đáng kể về mặt vật chất, nhưng tấm lòng của người con Phật góp phần vào việc làm dịu nỗi băn khoăn lo lắng cho gia đình có người đi thi đã thực sự có tác dụng. Việc các vị tôn túc tiếp xúc với thí sinh trong lúc thực hiện các nghi lễ tâm linh Phật giáo mang lại cho thí sinh và phụ huynh của các em một niềm an lạc đồng thời để lại một dấu ấn sâu sắc. Được nghe những lời khuyến dụ chân thành, chắc chắn các thí sinh sẽ bước vào phòng thi bằng tâm thanh thản, sự tự tin, thái độ chính trực, đem hết sức học của mình ra làm bài thi, giành cho mình một chỗ xứng đáng trong giảng đường đại học.

Ở tất cả những nơi có tổ chức các cụm thi tập trung, người ta đều có thể chứng kiến cảnh các tình nguyện viên tất bật hướng dẫn thí sinh và phụ huynh từ các nơi đổ về những điểm trực tiếp sức để được giúp đỡ. Hình ảnh đó chắc chắn đã làm mọi người xúc động. Các tình nguyện viên, hầu hết là sinh viên hoặc học sinh cấp ba, không quản mệt nhọc, chỉ mong đóng góp được phần mình trong việc mang lại một chút an tâm cho những bạn trẻ đang bỡ ngỡ khi vào các TP để dự một cuộc thi quan trọng của cuộc đời đi học. Trong mọi chương trình tiếp sức mùa thi trên cả nước, sự hăng hái, lòng nhiệt thành, tinh thần chia sẻ của các bạn tình nguyện viên là yếu tố hết sức có ý nghĩa. Tuy nhiên, vẫn cần phải thấy được tấm lòng của những nhà hảo tâm, những người tổ chức, những nhân vật đứng sau hậu trường... đã hết lòng chăm sóc từng chi tiết cho sự thành công của hoạt động này. Điều đó cho thấy toàn xã hội đã dành cho những người tham dự cuộc thi tuyển sinh vào đại học sự chăm chút đầy nhân ái.

Mặc dù cuộc sống đã có những dấu hiệu đi lên, nhưng rõ ràng đất nước ta vẫn còn phải đối phó với vô vàn khó khăn. Trong bối cảnh đó, việc người dân tích cực đóng góp vào các chương trình có ý nghĩa như hoạt động tiếp sức mùa thi đã giúp giải quyết một khối lượng công việc quan trọng mà các nhà quản lý giáo dục chưa thể bao biện hết. Tham gia vào hoạt động này, một mặt Phật giáo Việt Nam thể hiện được tinh thần tích cực xây dựng xã hội; mặt khác, có điều kiện giới thiệu với giới trẻ ưu tú những tinh túy của giáo pháp nhà Phật; giúp họ, ngay từ khi chuẩn bị bước chân vào môi trường kiến thức cao cấp, đã làm quen với những giá trị tâm linh để có thể từng bước tìm hiểu sâu hơn và có một nhận thức đúng đắn hơn về bản chất của cuộc sống. Sau này, khi ra đời, với nhận thức đúng, những người đã được đào tạo thành công dân hữu dụng sẽ có hành xử đúng để góp phần xây dựng

một xã hội hiền thiện, mang lại an lạc cho cuộc sống riêng mình và những người chung quanh.

Trên tinh thần đó, mong sao các hoạt động tiếp sức những người đi thi đại học ngày càng được tổ chức tinh tế hơn, có một sự phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động nhà nước và hoạt động xã hội hóa; và nhất là phải có sự chuẩn bị từ xa, với những hướng dẫn chu đáo ngay từ khi học sinh bước chân vào cấp ba, với những kế hoạch tổ chức thi cử ổn định khiến học sinh không phải bị động đối phó về các thủ tục rườm rà; thay vào đó, người đi học, tất nhiên là để đi thi đại học, vì trong một tương lai gần, mặt bằng kiến thức của người dân phải là tương đương đại học, kể cả những người sẽ bước vào làm thợ trong các cơ xưởng kỹ nghệ, có thời giờ chăm sóc cho đời sống tâm linh từ sớm. Khi đó, không chỉ điều kiện kinh tế của đời sống, mà điều kiện văn hóa nữa cũng được cải thiện. ■





Chuẩn bị tốt cuộc nghỉ mát

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Mùa hè đã bắt đầu và cũng là thời điểm nhiều người trong chúng ta sẵn sàng cho các kỳ nghỉ mát. Nói đến nghỉ mát là nói đến những chuyến đi xa, có sự thay đổi khung cảnh và con người chung quanh. Nơi chúng ta thường đến nghỉ mát ở phía Nam nước ta là các bãi biển lộng gió như Vũng Tàu, Phan Thiết, Nha Trang; vùng cao nguyên mát mẻ là Đà Lạt; hoặc vùng đồng quê Nam Bộ cây trái, sông nước hữu tình. Chính có sự thay đổi cảnh vật, khí hậu mà có sự thay đổi trạng thái tinh thần và thể chất; nhờ đó, đầu óc ta cảm thấy thư giãn, chân tay hoạt động theo kiểu khác, tất cả làm cho sức khỏe ta tốt hơn, con người ta cảm thấy vui thú hơn. Tuy nhiên, cũng giống như bất cứ hoạt động nào khác, nghỉ mát cũng có những điều cần làm đúng để không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và đạt được sự an toàn cao nhất. Vậy, chúng ta cần lưu ý những gì trong việc chuẩn bị cũng như thực hiện trong suốt kỳ nghỉ để cuộc nghỉ mát của chúng ta an toàn, thú vị, nâng cao sức khỏe.

Trước hết là bước chuẩn bị. Thời gian của kỳ nghỉ có thể là một ngày như đi tắm biển Vũng Tàu hoặc thăm vùng quê nào đó gần Sài Gòn, sáng đi chiều về. Hoặc kỳ nghỉ có thể kéo dài nhiều ngày như đến tận Đà Lạt,

Nha Trang. Nhưng nói chung, nếu cả gia đình đi nghỉ và không có người ở lại trông nom nhà cửa thì phải xem kỹ việc khóa cửa, tắt điện nước sao cho thật an toàn; sao trong suốt kỳ nghỉ ta không phải bận tâm lo lắng có điều không ổn ở nhà, hoặc khi trở về nhà sau kỳ nghỉ phải hối tiếc vì nhà cửa không khóa kỹ, kẻ trộm đã giúp ta dọn bớt đồ đạc trong nhà đi đâu đó! Gặp những điều không may như vậy, rõ ràng cuộc nghỉ không còn mang ý nghĩa vui thú nữa.

Đối với những người dễ bị nôn ói do say tàu xe nên lưu ý mấy điều sau:

- Tránh ăn hoặc uống nhiều trước khi lên tàu xe, tìm chỗ ngồi có sự thông khí, để đầu tựa vào nơi tương đối cố định, tránh đọc sách khi tàu xe đang chạy.

- Có thể dùng thuốc chống nôn và lưu ý thời điểm dùng thuốc. Nếu là thuốc uống, phải uống thuốc từ 30 phút đến 60 phút trước khi lên tàu xe. Nếu là thuốc dạng băng dán, dán lên da sau tai, phải dán vào buổi tối hôm trước trước khi ngủ để sáng hôm sau lên tàu xe mới có tác dụng. Phần lớn thuốc chống nôn loại này là thuốc kháng histamin, ta có thể hỏi dược sĩ ở nhà thuốc để được hướng dẫn mua thuốc và cách sử dụng thuốc mà dùng cho đúng.

- Đối với một số người, chỉ cần ngậm vài lát gừng

trong suốt chuyến đi tàu xe và nuốt dịch gừng không thôi vẫn có thể chịu được say tàu xe.

Nếu kỳ nghỉ của chúng ta ở vùng biển, khi tắm biển có một số điều cần lưu ý. Không chỉ tắm biển mà ngay cả tắm trên sông, ao, hồ, điều đầu tiên mà ai ai cũng ghi nhớ là để phòng tai nạn chết đuối, đặc biệt đối với trẻ con. Có lời khuyên là khi tắm biển, các thành viên trong gia đình phải trông chừng lẫn nhau, đặc biệt trẻ con phải có người lớn giám sát, và ít nhất là nên có một thành viên trong gia đình biết cách hà hơi, thổi ngạt, hô hấp nhân tạo, cấp cứu người chết đuối.

Tắm biển thường gắn liền với tắm nắng, tắm nắng chỉ tốt nhất khi thỏa một số điều kiện, trái lại, nếu lạm dụng sẽ gây tác hại. Nên lưu ý:

- Thời điểm tắm biển tốt nhất là *trước 9 giờ sáng và sau 3 giờ chiều*. Đây là thời điểm nắng không gắt, ít gây ảnh hưởng xấu cho da.

- Nếu phải tắm biển từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều, đây là khoảng thời gian tắm của người đi ra vùng biển sáng đi chiều về, có lời khuyên chỉ phơi nắng chút ít, sau đó nên đội nón rộng vành, với trẻ em thì nên mặc áo lót, chỉ nên tắm khoảng vài chục phút sau đó lên chỗ mát có dù che ngồi nghỉ. Cần phải tắm cách quãng như thế để tránh ánh nắng gay gắt chiếu lên da liên tục.

- Ta có thể dùng kem chống nắng nhưng lưu ý kem có thể gây dị ứng, do đó, trước khi dùng, cần thử bằng cách bôi lên vùng da nhỏ trong 24 giờ xem sao, nghĩa là ngày sau ra biển tắm ngày hôm trước nên bôi thử thuốc. Tránh bôi kem trúng vào mắt, nếu ngâm mình dưới nước lâu, khi lên bờ cần bôi kem lại vì nước có thể làm trôi kem.

Nếu kỳ nghỉ của chúng ta ở vùng cao nguyên có khi hậu mát lạnh như Đà Lạt nên lưu ý mang đủ quần áo mặc ấm, và trong các cuộc dạo chơi ngoài trời, việc mang theo mũ che nắng không bao giờ thừa cả.

Trong kỳ nghỉ kéo dài nhiều ngày, phải quan tâm đến vấn đề ăn uống hợp vệ sinh. Mùa hè ở nước

ta, nhiều nơi có khí hậu oi bức, thích hợp cho sự phát triển các mầm bệnh. Các vụ ngộ độc thực phẩm và nhiễm độc khuẩn thức ăn rất dễ xảy ra. Dọc đường đi nên mang theo nước uống đóng chai để uống và chọn quán ăn xem ra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Không nên ăn các loại thức ăn dễ bị nhiễm khuẩn như thức ăn không được đóng gói, không đậy đậy kỹ, bị ruồi bu, bị hòa lẫn khói bụi. Nếu có sự nghi ngờ chỉ nên ăn loại thức ăn nấu chín, hạn chế ăn thức ăn sống như rau cải. Khi nghỉ mát ở vùng biển, lưu ý một số thức ăn hải sản tôm, cua, cá biển có thể gây dị ứng. Nếu bị dị ứng nên tránh ăn các loại thức ăn này.

Trong kỳ nghỉ kéo dài nhiều ngày, ta có thể mang

theo một số thuốc men cần thiết. Đối với người đi nghỉ nhưng đang dùng thuốc chữa bệnh, cần mang theo đủ số lượng thuốc cần dùng và dùng đúng thuốc theo sự chỉ định trước đó trong suốt kỳ nghỉ. Để chữa các rối loạn có thể xảy ra trong kỳ nghỉ, ta có thể mang theo các thuốc thông thường sau đây:

- Thuốc giảm đau, hạ nhiệt như *paracetamol* (để trị sốt, nhức đầu, đau nhức...),

- Thuốc chống nôn như kể ở trên,

- Thuốc kháng acid có chứa chất chống đầy hơi để trị chứng đầy bụng (như Simelox hoặc Kremil-S...),

- Thuốc trị tiêu chảy (Loperamid hoặc Diarsed...) kèm theo là các gói ORESOL để bù nước và chất điện giải khi bị tiêu chảy,

- Thuốc sát trùng ngoài da như: nước oxy già, thuốc chứa iod (Povidine).

- Băng, băng, đặc biệt loại băng dán cá nhân (Bandaid, Urgo).

- Một nhiệt kế đo thân nhiệt

Các thuốc kể trên có thể hỏi để được dược sĩ hướng dẫn mua ở nhà thuốc và nếu có sử dụng phải phân biệt thuốc dùng cho trẻ con và thuốc dùng cho người lớn.

Trong kỳ nghỉ ta nên lưu ý vui chơi chừng mực, không hoạt động quá độ làm ảnh hưởng đến sức khỏe. Như không bơi lội, tắm biển quá mức gây mệt mỏi đến độ ngã bệnh, không vui chơi thâu đêm suốt sáng, không nhậu nhẹt, uống rượu quá đà đến độ say xỉn.

Đối với những ai có sự hiểu biết về Thiền thì cuộc

nghỉ mát là dịp rất tốt để thực tập Thiền mang đến lợi ích cho thân và tâm chúng ta. Bởi vì việc chuẩn bị đi chơi xa, tiếp xúc với môi trường xa lạ có nhiều biến động so với sinh hoạt ngày thường dễ làm cho thân tâm loạn động. Có người chỉ cần biết: "Thiền là phương cách rèn luyện thân tâm nhằm giúp con người thoát khỏi 'suy tư, phiền muộn, xao động' hầu đạt trạng thái thư giãn hoàn

toàn". Hoặc có người thấm nhuần, hiểu sâu sắc các câu nói của Lục tổ Huệ Năng trong *Đàn kinh*: "*Ngoài lia tướng là thiền, trong chẳng loạn là định*"; "*tiếp xúc với các thứ ngoại cảnh mà tâm không loạn*"; "*ở trong mỗi niệm tự thấy bản tánh thanh tịnh*". Dù ở mức độ nào, những người hiểu biết Thiền như thế sẽ tận dụng chuyến nghỉ mát là cơ hội quý báu rèn luyện "nội tâm yên tĩnh, trí óc an bình" trong cuộc vui nhiều khi quá đổi lao xao, nhiều hối hả, và dễ làm cho ta sa đà không còn biết tĩnh lặng, thư giãn là gì.

Rất mong các cuộc nghỉ mát của chúng ta là kỳ nghỉ thực sự an toàn, đem lại vui tươi, sức khỏe, và đặc biệt dẫn đến nội tâm yên tĩnh, trí óc an bình... ■





Vô thường

TIỂU TRÚC

1. Còn nhớ, hồi học cấp ba, đang ngồi trong lớp, bỗng dì của thằng bạn học chung tất tả chạy vào xin cô cho cháu của mình về bởi vì “mẹ của nó bị đột tử”. Cả lớp sững sờ, thằng bạn chỉ kịp lắp bắp gọi “*Mẹ!*” rồi ngất lịm đi. Tôi cũng “chết sững” trên ghế! Bởi mới hôm qua đây thôi, đi chợ, gặp mẹ của bạn, bác ấy còn vồn vã hỏi thăm: *Cháu học nhiều lắm sao mà ốm dữ vậy? Năm nay cháu tính thi trường nào? Thi đậu rồi thì cháu ở đâu? Bác đang tính cho thằng Lộc thi vào trường Bách khoa....*

Trong cái phút lặng người ấy, bất chợt, tôi nhận ra một điều; thì ra, khi còn sống, con người ta có thể dự định, chuẩn bị cho mình rất nhiều thứ, đến mức còn muốn gom cả sao trời để nhốt giữa lòng bàn tay nhỏ. Nhưng chỉ duy nhất một điều mà ta không thể nào

tính toán trước được là ngày giờ nào mình sẽ ra đi! Và trong cuộc hành trình đơn độc ấy, mình sẽ mang theo được những gì hay đơn giản chỉ là “*Ta đi về không cả nắm tay không?*”

2. Tôi về thăm thiền viện trong một buổi chiều mưa tầm tã. Luống cướng chạy vào nhà khách, Sư cô tri khách đón tôi bằng một nụ cười niềm nở:

- Con ra thăm ai đây?

- Dạ, con thăm thầy trụ trì và Sư cô H.Đ.

Tôi nhận thấy sự ngạc nhiên pha lẫn bối rối trên gương mặt của Sư cô. Sau một phút lặng im, Sư cô nhìn tôi và bảo: “*Cô H.Đ mất gần 49 ngày rồi, con không hay tin sao?*”

Gió lao xao. Bên ngoài trời vẫn mưa và lạnh. Vậy mà

mồ hôi tôi chảy giọt giữa sống lưng...

Quỳ trước bàn thờ cô trong nhà Tổ, nhìn di ảnh của Sư cô mà thấy lòng đau nhói. Đường như, khi đứng trước nỗi đau quá lớn, những giọt nước mắt thường chảy ngược về tim. Quay quắt! Xót xa!

Một ký ức thật gần quay về chậm chậm trong tôi. Tôi không ngờ cái lần mình gặp Sư cô tại Sài Gòn hôm ấy lại là cái lần gặp gỡ sau cùng. Cô đứng trên lầu vẫy tay chào tạm biệt tôi cùng hai nhỏ bạn, kèm theo lời nhắn vói: *"Mấy đứa đi đâu chơi cho vui. Từ nhà xuống đây xa, đừng nên về vói"*.

Và hạ này nữa là đã tròn ba năm, Sư cô đi xa. Ba năm – khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cho những niềm đau và nỗi nhớ được nguôi ngoai. Nhưng sao tôi, kẻ ở lại, vẫn cứ ray rứt mãi không thôi... Bởi tôi đã "nợ" Sư cô một lời hứa.

... Lần ấy, khi Sư cô vào Sài Gòn chữa bệnh, tôi đã đến thăm. Trước khi về, tôi đã hứa với Sư cô rằng vào dịp Vu lan tôi sẽ về thiền viện thăm Sư cô. Cô cười, ánh mắt lấp lánh niềm vui: *"Nhớ nhé!"*. Vậy mà tôi đã quên (hay cố tình quên)! Công việc và những niềm vui với bạn bè đã kéo tôi đi. Tôi đã bỏ lại phía sau lưng mình lời hứa ấy...

Tôi không muốn... hay nói đúng hơn là không can đảm để xóa sổ điện thoại di động của Sư cô trong máy tôi. Dù rằng giờ đây, số điện thoại đó đâu còn phải là của cô nữa. Nhưng mỗi lần

mở máy lên thấy tên Sư cô trong hàng danh bạ, tôi lại có cảm giác, Sư cô vẫn ở thật gần quanh tôi như mới hôm qua, hôm kia, hôm nào đó, tôi đang phiền não "quá cỡ", chỉ cần một tin nhắn của cô: *"Đừng buồn nữa nhé! Nhìn trời mây, nghe chim hót... Quanh ta bình yên"* và thế là lòng tôi dịu lại hẳn...

3. Tôi đang ở thiền viện, mẹ gọi điện thoại cho tôi. Sóng di động chập chờn, tôi nghe tiếng được, tiếng mất: *"Thằng T. mới mất sáng nay. Con có về đi đám không?"*. Tôi lí nhí "Dạ". Buông chiếc điện thoại, tôi ngồi phịch xuống dưới chân Ni sư – Thầy tôi, như muốn tìm một điểm tựa: *"Bạn con mất rồi!"*...

Tôi về để tiễn đưa bạn, cố giữ cho mình một sự bình tâm trên gương mặt nhưng rõ ràng, tôi biết, tâm tôi

chẳng bình... Chỉ đến khi mẹ bạn ôm chặt tôi mà khóc: *"Út xin lỗi, tại Út tất cả. Nếu Út không chia cắt hai đứa tụi con thì thằng T. đã không thất tình đến nỗi tự hủy hoại cuộc đời mình"* thì tôi mới òa khóc. Khóc nức nở, khóc như chưa từng được khóc...

Ngày ấy, tôi và T. học chung với nhau. T. rất hiền còn tôi lại hay nhõng nhẽo. Và T. luôn là người phải gánh chịu những trận "nhõng nhẽo" quá quắt của tôi: khi thì phải gồng lưng ráng kềm chiếc xe đạp cho tôi tập chạy; lúc lại "cẩn rằng, nhắm mắt" treo tuốt lên cao để hái cho tôi chùm phượng đỏ mà tôi thích... Bạn bè ghép đôi chúng tôi với nhau. Những khi ấy, T. thường im lặng mỉm cười, còn tôi giả đờ không nghe thấy. Cứ thế, chúng tôi đã cùng nhau lớn lên bên nhau đông đầy bao kỷ niệm của tuổi học trò hồn nhiên nhiều mộng ước.

Nhưng rồi định mệnh – định mệnh đã đẩy chúng tôi xa nhau. Mỗi tình học trò đã không đủ sức mạnh trước cái Ngã quá lớn nơi tôi. Tôi giấu kín những nỗi buồn riêng tận đáy lòng, vẫn cố tỏ ra bình thân trước mặt mọi người và lạnh lùng mỗi khi gặp T.

Thời gian trôi qua, vết thương lòng lành lại. Nhiều khi tôi vẫn được nghe thông tin về T., thỉnh thoảng vẫn bắt gặp T. lăm lăm với những xe gạch nặng trĩu trên đường... Tôi vẫn thờ ơ (hay giả bộ thờ ơ) đến nao lòng.

... Giữa tiếng trống, kèn inh ỏi, nhỏ em gái của T. thì thào vào tai tôi: *"Anh Hai thương chị đến chết"*. Ừ thì...

thương. Nhưng giờ đây, tất cả đã muộn màng cho bạn và cho tôi:

*Đến khi tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi...*

Tôi lại chạy về thiền viện, nín áo Thầy tôi và khóc. Nhìn tôi, Thầy mỉm cười thật nhẹ: *"Thôi con. Duyên chỉ đến đó..."*

... Thầy vẫn thường dạy tôi, quá khứ đã qua, tương lai chưa tới, hãy sống với hiện tại bằng cái Tâm thanh tịnh. Tôi nghe và nhớ nhưng thực hành thì... vẫn là những "bàn thua" trông thấy. Tôi vẫn cứ phải ngậm ngùi, hối tiếc cho những chuyện đã qua!!! Có phải chăng tôi chưa thật sự sống hết lòng với hiện tại hay tại bài học Vô Thường "khó quá" học mãi vẫn không quen?! ■





Trên toa tàu số 6

ĐOÀN ĐẠI TRÍ

Tôi đã đi với những người lính hải quân ấy trên cùng một chuyến tàu suốt đoạn đường dài một ngàn ba trăm mười lăm cây số. Từ ga Hàng Cỏ tới Nha Trang. Họ, những gương mặt hớn hở, nụ cười thật tươi cùng đồng phục hải quân giống nhau như đúc. Thú thực, hơn một ngày ngồi cùng toa nhưng tôi vẫn không phân biệt được ai với ai. Bởi, họ giống nhau quá đỗi. Từ vóc dáng, cử chỉ và cái dáng điệu ngơ ngác dường như là lẫn đầu xa nhà nữa. Tôi biết, họ là lính nghĩa vụ mới tuyển, mùa hè này, sẽ đến Trường Sa làm nhiệm vụ canh giữ biển trời của Tổ quốc.

Tôi chưa đến Trường Sa, nhưng cũng như nhiều bạn trẻ khác, tôi hiểu cuộc sống và những khó khăn ở Trường Sa là không gì bù đắp nổi. Và họ, những người lính trẻ kia, hẳn nhiên trước khi đi cũng đã chuẩn bị sẵn tinh thần đối mặt với những khó khăn của sóng gió biển khơi, của đấu tranh, của sự sống và cái chết. Nhưng không hiểu sao, tôi chỉ thấy vẻ hăm hở, những nụ cười vang và ánh nhìn tràn đầy tự tin trên gương mặt đang tuổi thanh xuân.

Chúng tôi ngồi ở toa số 9, một toa tàu bình thường của chuyến tàu SE4 này. Trong mấy chục gương mặt phần chần chỉ biết cười kia, tôi để ý nhất cái anh cao cao da hơi sạm vì nói giọng Hà Tây, đồng hương của mình đây mà. Tôi thấy họ trò chuyện với nhau với cời mở chân thành lắm. Ban đầu, lúc mới lên tàu, chỉ là những câu thăm hỏi quê quán, học hành thời phổ thông, có lẽ trên toa tàu này họ mới gặp nhau lần đầu. Những chàng trai ấy ở đâu đó thuộc các tỉnh đồng bằng Bắc bộ cùng tập hợp về thủ đô Hà Nội, sau một khóa huấn luyện rồi lên tàu ra đảo.

Cái anh nói giọng đồng hương Hà Tây của tôi vui tính và hay pha trò với các đồng đội, chẳng mấy chốc, tiếng cười nói của gần năm chục người lính rộn ràng cả toa số 9 này, át đi tiếng rậm rịch cũ mòn của đường ray và tà vẹt.

Tôi vẫn lặng lẽ ngồi ở ghế của mình. Phần vì hơi mệt, phần nữa vì tôi muốn nghe những người lính kia nói chuyện với nhau. Người chỉ huy bảo, Trường Sa sóng gió, các cậu không đùa được đâu, phải cố gắng hơn nữa. Và rằng, dù các cậu là lính tình nguyện đi Trường



Sa thì tôi cũng phải thông báo để các cậu lường trước khó khăn; còn hai ngày đi tàu biển từ Cam Ranh nữa mới tới nơi. Vậy nhưng, trong mắt những người lính trẻ, tôi vẫn đọc được sự hăng hái và niềm tự tin với lựa chọn của chính họ. Có anh nói, tôi ở Vĩnh Phúc, từ bé tới lớn chưa biết biển bao giờ, đi Trường Sa cho thỏa chí tang bồng. Có anh lại bảo, ông nội mình từng lái tàu không số hồi chiến tranh chống Mỹ, rồi ông hy sinh, cả nhà chẳng biết mộ ông ở đâu, mỗi lần thấy biển thì đứa cháu đích tôn là mình cứ dậy lên một nỗi niềm, xen lẫn tự hào về thế hệ đi trước. Anh khác lại ra vẻ chấp nhận gánh vác, tở ở nông thôn, lao động quanh năm vất vả đã quen nên đi Trường Sa cũng chẳng việc gì, chứ để mấy cậu bộ đội công tử trên thành phố ra đó, sóng gió quật cho mấy trận thì biết làm sao... Ai cũng có một suy nghĩ, một lý do khác nhau để tình nguyện lên đường đến Trường Sa làm nhiệm vụ. Có thể những suy nghĩ là không giống nhau nhưng nhiệt huyết tuổi trẻ thì các anh, ai cũng như ai, quyết đến bám trụ lại cái nơi địa đầu biển trời Tổ quốc ấy...

Rồi các anh còn đùa với nhau, thủ trưởng ơi, thằng này nó không biết bơi, thằng này trước kia chỉ tắm ở vôi hoa sen... Có anh lại khoe, năm mười một tuổi em đã bơi qua ngã ba Trung Hà đó thủ trưởng. Ngã ba Trung Hà thì ai chẳng biết, là nơi giao nhau của ba con sông lớn nhất miền Bắc, nước chảy xiết quanh năm, nguy hiểm có khác gì phá Tam Giang đâu cơ chứ.

Tới đoạn đường sau, quãng miền Trung, các anh đều trầm tư, miên man nhìn những ô cửa kính cũ

xin của đoàn tàu. Nơi sóng gió Trường Sa nguy hiểm muôn vàn kia biết cái gì đang chờ mình. Và mẹ già ở nhà sẽ sống ra sao trong hai năm đằng đẳng nhớ nhung, lại còn lo lắng cho mình giữa biển trời mênh mông. Làm sao mẹ an tâm khi con mẹ chưa về dưới mảnh vườn quê mẹ. Còn nữa, cô bạn học của mình biết có còn chờ đợi mình như đã hẹn ước không. Cô ấy may mắn đỗ vào trường Sư phạm rồi, vậy là sau này sẽ làm giáo viên, cuộc sống sinh viên nơi phố phường bao nhiêu là thú vui, liệu cô ấy có viết thư cho mình như đã hứa không?... Bao nhiêu câu hỏi chìm đi trong những suy tư của những người lính trẻ, những gương mặt mới vừa đôi mươi.

Bên ngoài, những cơn gió lành lạnh của buổi cuối chiều ập òa len qua khe cửa đoàn tàu thổi bay lất phất... Có tiếng thở dài đâu đó vang lên, dù rất khẽ. Hẹn gặp nhé, hai năm nữa bọn mình sẽ về với dải đất mẹ thân yêu. Lại đi trên chuyến tàu suốt dọc chiều dài hai phần ba đất nước này.

Và tôi biết, sớm mai đây, tôi sẽ chia tay những người lính này ở ga Nha Trang. Tôi sẽ trở về với cuộc sống yên bình như bao con người khác mà đâu biết, ở xa kia, nơi Trường Sa yêu dấu hàng ngày, hàng đêm vẫn có những người lính trẻ đang sống, chiến đấu để mang lại một buổi chiều thanh bình như buổi chiều nay.

Và để mọi người được ngắm nhìn màu xanh hiền hòa của biển và vẻ đẹp mịn màng của bãi cát vàng thì có thể những người lính hải quân này sẽ phải đánh đổi bằng máu đỏ của chính mình. ■

Hạt mưa

TƯỜNG LINH

Chiêm bao tôi thấy
đời mình là hạt mưa
hạt mưa đơn cô
rơi hoài chưa tới đất

Hạt mưa rơi
giữa bầu trời đang nắng
đất dậy hương mùa
bởi mai đầu xuân
sen giữa hạ
gặp những đàn chim quen, chim lạ
bay ngược chiều khác hướng thiên di

Hạt mưa lẻ loi
rơi hoài chưa tới đất
đời rơi mà như treo

Một dải ngân hà
lớp lớp phù vân
kia biển
nọ rừng...
những vật thể mông mênh vẫn như không
có thật
hạt mưa chỉ dừng
khi mặt đất hiện vài tích tắc
cái dấu chấm hết tròn nhòe.

Im lặng

NGUYỄN QUÂN

Sự im lặng
trũng sâu cánh đồng giáp hạt
con cò già làm lũi
rạch vết bầm đen lên mặt trời đứng bóng
những con giông bắt đầu từ phía rừng xa
mang gió chướng gieo sâu mùa thất bát
thổi bông tóc cha tôi về mái núi lặng câm
của những người suốt đời ngậm ngãi
thổi mẹ tôi còng sâu tóc rạ
cạn kiệt linh hồn trong xác thể trần gian.

Sự im lặng trũng sâu
cây đa đầu làng vàng bay xác lá
bụi
trong tuổi thơ tôi
quen cắn hạt đồng lép sữa
không buồn lên tiếng gọi
bồng bang, bồng bang
chết chìm trang cỏ tích
tuổi thơ tôi từ đó
từng bước chân mọc rễ xương rồng
lần lữa đi qua cánh đồng mọc toàn loài cỏ cú
phía sau lưng sự im lặng bắt đầu rơi vào
im lặng.



Một đêm ở chùa Nam Nhã

ĐẶNG HOÀNG THÁM

Nam Nhã đường
Tôi về thăm chùa một chiều sương
Dòng sông ngày xưa lặn tắt gợn sóng

Chiều rơi bên Xóm Lưới
Lá sao già thong thả rụng
Sen chùa nở cánh vô ưu
Chuông mõ công phu như tự thưở nào xa lắm!
Gió luồn qua những mái rêu phong
Đùa khó nhang bay về quá khứ

Đêm ngủ trong chùa
Tôi mơ thấy
Ai như Kỳ Ngoại hầu
Ai như Châu Văn Liêm
... Hình như Đạc-xứ úy đang họp
lao xao bóng người
Những chiếc bóng gần trăm năm rồi về đâu?
Để lại những trang sử vẻ vang viết bằng máu
Tôi giật mình thao thức

Hồn mơ theo trống mõ chuông chùa

Người xưa
ở chùa Nam Nhã ngày xưa
Đâu còn ai gọi sang đồ
trăm năm
biết có hẹn hò về không?

Quán

VĨNH HIỀN

ngày nắng sớm, mưa vẫn còn lay lắt
đường phố nghiêng trong mắt kính thâm trầm
sầu thế kỷ em quỳ trong điện Phật
ta ngồi nghe vũ trụ vọng huyền âm.

Bát Nhã

số không giạt đến vô cùng
mùa tâm hoa nở chập chùng
Bước Hoa.

Ba La Mật Đa

giọt thánh thót bỏng cháy bùng muôn trượng
ba ngàn đêm say một giấc tuyệt vời
bóng chen bóng rồi chẳng còn bóng nữa
một tròn trắng rong giữa mây mù chơi.

Thời

chớp nhoáng ra chớp nhoáng vào
hằng hà sa số trận chào giữa trưa
ô kìa đêm cũng mới vừa
nở trắng mười sáu giữa mùa ba mươi.

Sự trở về

FERNANDO SORRENTINO
KHÁNH UYÊN dịch

Vào năm 1965 tôi mới hai mươi ba tuổi, đang học để trở thành một giáo viên trung học dạy ngôn ngữ và văn chương. Một buổi sáng lúc còn rất sớm của một ngày tháng Chín, khi mùa xuân vùng Nam bán cầu đã lãnh đãng có mặt trong không khí, tôi ngồi học bài trong căn phòng riêng trên tầng chín của cao ốc chung cư duy nhất thuộc khối phố này trong thị trấn nơi tôi ở.

Trong một cảm giác biếng lười, thỉnh thoảng tôi lại nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. Từ đây, tôi có thể trông thấy con đường, và ngay phía bên kia đường, thấy khu vườn được chăm sóc kỹ lưỡng của ngài Cesareo mà tòa nhà có hình ngũ giác không đều của ông ta chiếm cả một góc của khối phố. Cảnh tòa nhà của ngài Cesareo là căn nhà xinh xắn của gia đình Bernasconi, những con người dễ thương luôn có những lời lẽ nhã nhặn. Gia đình này có tới ba cô con gái mà tôi với cô con gái lớn, tên là Adriana, đang yêu nhau. Cho nên, mỗi khi thỉnh thoảng tôi lại ném một cái nhìn qua bên kia đường thì thực ra là vì thói quen của con tim hơn là vì tôi mong được trông thấy nàng vào một giờ sớm như thế này.

Theo thói quen, ngài Cesareo lúc ấy đang tưới cây và chăm sóc cho khu vườn của mình, khu vườn được ngăn cách với mặt đường bởi một hàng rào thép thấp lè tè và ba bậc thềm bằng đá.

Con đường vắng ngắt, vì thế tự nhiên tôi chú tâm đến một người đàn ông bỗng xuất hiện từ khối phố kế bên đang tiến về khối phố tôi ở đi dọc theo phía vỉa hè dẫn đến trước cửa nhà ngài Cesareo và gia đình Bernasconi. Làm sao mà sự chú ý của tôi không bị thu hút bởi người đàn ông ấy, khi ông ta trông có cái vẻ của một tên ăn mày hay một kẻ du thủ du thực, một thứ bù nhìn giữ dưa chính hiệu đắp trên người những tấm giẻ rách sạm màu?

Râu tóc bù xù và gầy trơ xương, ông ta đội một cái nón rơm méo mó màu vàng xỉn. Mặc dù trời đã bắt đầu nóng, ông ta vẫn khoác một chiếc áo choàng xám xịt tả tơi. Thêm nữa, ông ta còn mang theo một chiếc túi xách to tướng trông bần thủ, tôi đoán chừng rằng

trong đó có chứa những món đồ xin được và những thứ thức ăn thừa mà ông ta đã thu thập.

Tôi tiếp tục quan sát. Kẻ du thủ du thực đó dừng lại trước cửa nhà ngài Cesareo và hỏi xin ông ta cái gì đó qua hàng rào sắt. Ngài Cesareo vốn là một người keo kiệt và có tính khí khó chịu; chẳng cần biết người ăn mày nói gì, ông ta khoát tay ra hiệu cho người ấy đi chỗ khác. Nhưng người ăn mày có vẻ nài nỉ gì đó bằng một giọng nhỏ nhẹ, thế rồi tôi nghe tiếng ông già Cesareo quát lớn: "Cút đi! Cút khỏi đây ngay! Đừng có đứng đó quấy rầy!"

Mặc dù vậy, người ăn mày tiếp tục nài nỉ; hơn thế nữa, ông ta còn bước lên cả ba bậc thềm bằng đá và khó nhọc tiến đến sát cánh cổng bằng sắt. Bấy giờ, hoàn toàn mất hết sự kiên nhẫn ít ỏi của mình, ngài Cesareo đẩy tên ăn mày ra ngoài một cách thô bạo. Người ăn mày trượt chân trên các bậc thềm bằng đá ướt át, cố gắng nắm lấy những thanh sắt của cánh cổng mà không kịp nên đã ngã lăn xuống mặt đường. Cùng lúc, trong một khoảnh khắc nhanh như ánh chớp, tôi trông thấy hai chân của người ăn mày giơ lên trời và nghe rõ một tiếng cộp phát ra khi cái sọ của ông ta đập vào bậc thềm cuối cùng.

Ngài Cesareo vội vàng mở cổng chạy ra đường, cúi xuống xem xét tình trạng của người ăn mày, lấy tay sờ ngực ông ta. Hoảng hốt, ông già lập tức nắm lấy hai chân người ăn mày, lôi ra khỏi vỉa hè và đặt nằm xuống ở lề đường. Sau đó, ông già vào nhà đóng chặt cửa lại. Có lẽ ông ta yên tâm rằng không ai chứng kiến tội ác không cố ý của mình.

Tất nhiên nhân chứng duy nhất là tôi. Chẳng bao lâu sau, có một người đàn ông đi ngang, ông này dừng lại bên cạnh xác chết của kẻ ăn mày. Rồi có thêm người nữa, lại người khác nữa và cuối cùng là cảnh sát cũng xuất hiện. Kẻ ăn xin được đưa vào xe cấp cứu chở đi mất.

Mọi việc thế là xong. Sự việc đó chẳng bao giờ có ai nhắc lại.

Về phần mình, tôi cảm thấy nên giữ mồm giữ miệng. Có thể tôi đã xử sự không đúng, nhưng tôi được gì trong việc buộc tội một ông già chưa bao giờ

làm gì phiền đến tôi cơ chứ? Mặt khác, có phải ông ta cố ý giết kẻ ăn mày kia đâu; với tôi, hình như chẳng có gì là đúng đắn nếu như thủ tục pháp lý làm cho những năm cuối đời của ông lão trở thành cay đắng. Tôi nghĩ rằng tốt nhất cứ để mặc cho ông lão bị chính lương tâm giày vò.

Lâu dần tôi cũng quên đi câu chuyện đó, nhưng mỗi khi trông thấy ngài Cesareo, tôi lại thấy có một cảm giác kỳ lạ khi nghĩ rằng ông lão không biết tôi là người duy nhất nhận biết điều bí mật khủng khiếp của ông ta. Từ đó, chẳng hiểu tại sao tôi cố tránh mặt ngài Cesareo và không bao giờ dám nói chuyện với ông ấy nữa.

Tôi tốt nghiệp năm 1969, lúc ấy đã hai mươi bảy tuổi và chính thức trở thành một giáo viên trung học dạy ngôn ngữ và văn chương Tây Ban Nha. Adriana Bernasconi đã lập gia đình nhưng không lấy tôi mà lấy một anh chàng khác; một kẻ mà tôi không chắc đã yêu và xứng đáng với cô ta như tôi. Thời gian ấy, Adriana mang thai sắp đến ngày sinh. Cô vẫn sống trong căn nhà xinh xắn của gia đình Bernasconi như dạo nào, mỗi ngày lại càng đẹp thêm ra. Vào một buổi sáng tháng Chạp ngọt ngào, tôi đang có một lớp dạy riêng về văn phạm cho một số học sinh trung học sắp phải dự một kỳ thi, và như thông lệ, thỉnh thoảng tôi lại ném một cái nhìn u uất qua bên kia đường.

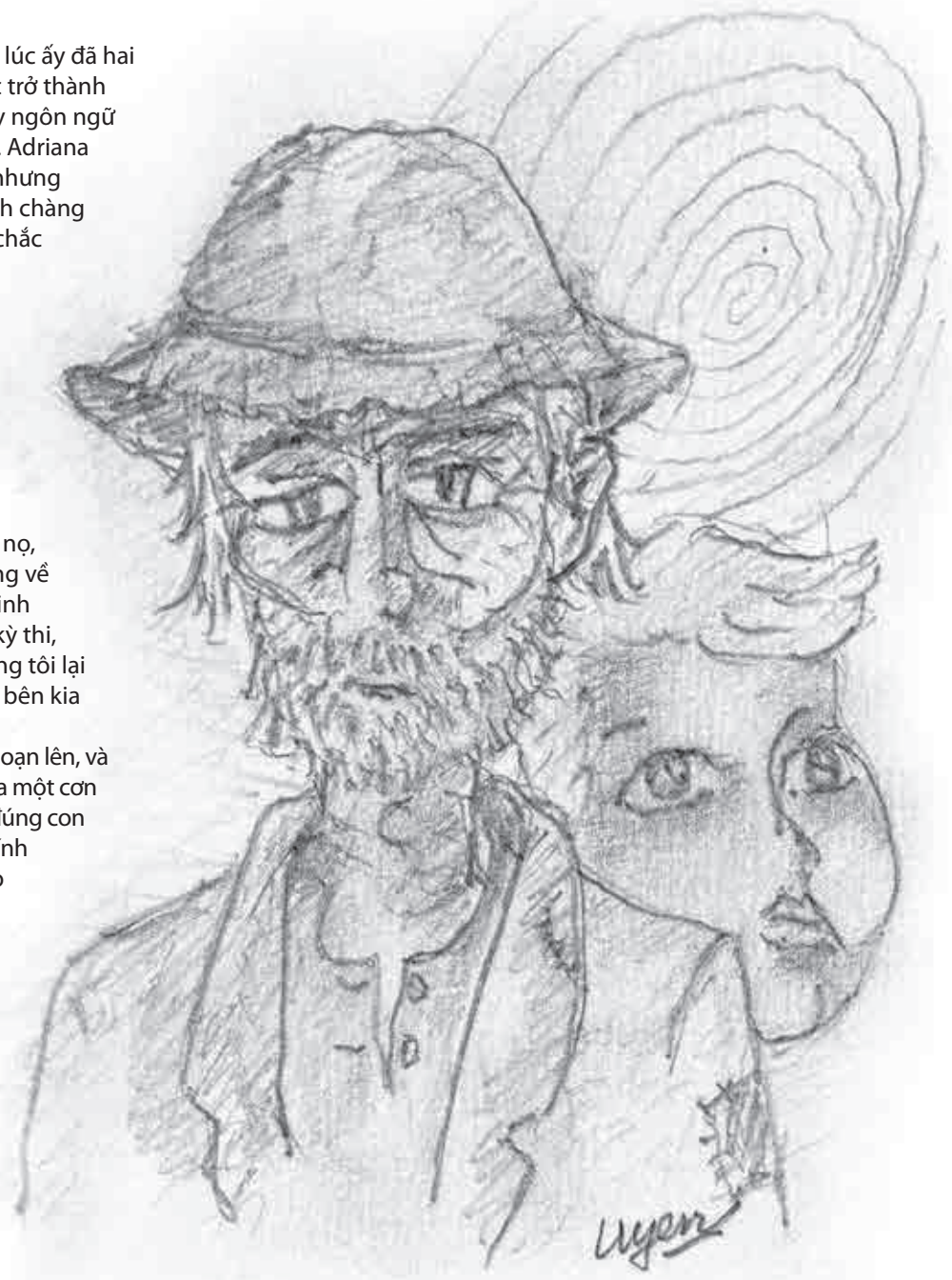
Bất thành linh, tim tôi đập loạn lên, và tôi nghĩ mình là nạn nhân của một cơn ảo giác. Đang tiến dọc theo đúng con đường cách đây bốn năm chính là kẻ ăn mày mà ngài Cesareo đã giết chết; cũng bộ quần áo rách rưới ấy, chiếc áo choàng xám xịt, cái nón rơm méo mó vàng xin, chiếc túi bẩn thỉu.

Quên hẳn đám học trò, tôi thò hẳn đầu ra ngoài cửa sổ. Tên ăn mày đang thu ngắn dần những bước chân của y, như thể y đã đến gần chỗ muốn đến.

“Kẻ ăn mày đã trở lại với cuộc sống, và y tới để trả thù ngài Cesareo”. Tôi nghĩ thầm.

Tuy nhiên, bấy giờ khi đã nhẹ nhàng bước trên vỉa hè nhà ngài Cesareo, tên ăn mày vượt qua chiếc cổng rào bằng sắt rồi lại đi tiếp. Thế rồi y dừng ngay trước cửa nhà Adriana Bernasconi, nhấc chốt cửa xuống, vào thẳng trong nhà.

“Thầy sẽ quay lại ngay!”. Tôi nói với đám học trò của mình; và, vừa hoảng hốt vừa rối trí, tôi vội vàng chui vào thang máy cho thang xuống thẳng mặt đất, lao vội ra đường rồi chạy ngay qua bên kia đường để vào hẳn nhà Adriana.



Bà mẹ vợ hụt của tôi đang đứng trước cửa như thể sắp sửa đi đâu đó, nói với tôi, “Thật là ngạc nhiên khi gặp cậu ở đây! Hẳn là phép lạ chẳng bao giờ hết, phải vậy không?”. Lúc nào bà cũng có cảm tình với tôi. Bà còn ôm hôn tôi nữa. Nhưng tôi không hiểu chuyện gì vừa xảy ra mà lại có phép lạ ở đây. Thế rồi tôi được biết Adriana vừa mới thành một bà mẹ trẻ, cả nhà đang rất mừng và phấn khởi. Tôi chỉ còn có thể bắt tay chúc mừng kẻ cạnh tranh đã thắng cuộc của mình.

Tôi chẳng biết nói gì, và tự hỏi không hiểu có nên giữ im lặng hay không. Cuối cùng, tôi chọn một giải pháp nửa vời. Với một sự thờ ơ giả tạo, tôi nói: “Thực ra tôi đã tự cho phép mình vào nhà mà không bấm chuông vì tôi nghĩ mình vừa trông thấy một kẻ ăn mày ôm một cái túi to bự dơ bẩn lên vào nhà; tôi sợ rằng gã ăn mày ấy có thể thó cái gì của nhà này”.

Cả nhà nhìn tôi ngạc nhiên. Ăn mày ư? Cảm theo cái túi ư? Trộm cắp à? Lạ đấy nhỉ. Cả nhà vẫn ngồi ở ngay phòng khách suốt từ nãy đến giờ và chẳng biết gì về việc tôi vừa mới nói.

“Vậy thì hẳn là tôi đã nhìn lầm”. Tôi trả lời.

Thế rồi họ mời tôi vào căn phòng nơi Adriana và đứa bé vừa mới ra đời đang nằm. Trong một hoàn cảnh như thế, tôi chẳng còn biết nói gì. Tôi chúc mừng Adriana, chăm chú nhìn đứa trẻ, và hỏi xem họ định đặt tên cháu bé là gì. Họ trả lời thằng bé sẽ có tên Gustavo, giống bố nó. Tôi ước gì nó được đặt tên là Fernando, nhưng không thổ lộ.

Trên đường trở về nhà, tôi nghĩ “Đó chính là tên ăn mày mà ngài Cesareo đã giết chết. Tôi khẳng định điều đó. Mặc dù vậy, anh ta đã không trở lại để trả thù mà tái sinh làm con trai của Adriana”.

Tuy nhiên, hai ba ngày sau, tôi ngẫm nghĩ thấy cái giả thiết của mình có vẻ ngớ ngẩn, và dần dần tôi quên chuyện đó.

Lẽ ra tôi đã quên chuyện đó hoàn toàn nếu vào năm 1979, không có một sự kiện khiến tôi nhớ lại.

Ngày càng lớn tuổi và cảm thấy khả năng ngày càng kém, tôi cho phép mình bớt chú tâm vào những quyển sách tôi vẫn đọc bên cửa sổ mà cứ để cho cái nhìn của mình lang thang đây đó.

Thằng bé Gustavo, con trai của Adriana, đang chơi đùa trên mặt sàn mái bằng của căn nhà xinh xắn ấy. Vào cái tuổi của thằng bé, đó là một trò chơi thiếu chứng chạc. Tôi nghĩ hẳn là thằng bé cũng thừa hưởng cái trí thông minh ít ỏi của bố nó, rằng nếu như thằng bé là con tôi, nó không đến nỗi tìm những trò chơi trì độn như thế để giải trí. Thằng bé đặt một dãy những cái lon rỗng trên mặt tường phân cách nhà nó với nhà khác rồi dùng đá cố ném đổ những cái lon rỗng ấy xuống từ một khoảng cách chừng một mét rưỡi. Tất nhiên, hầu hết những viên đá ấy đều rơi xuống khu vườn bên cạnh, khu vườn của ngài Cesareo. Không thấy ngài Cesareo lúc ấy, tôi cho rằng

hẳn là ngài sẽ có ngay cách trị thằng bé đến nơi đến chốn khi ngài phát hiện những luống hoa của ngài bị hủy hoại.

Và đúng ngay lúc ấy, ngài Cesareo ra khỏi nhà để bước vào vườn. Ngài đã quá già và bước đi chệnh choạng, lò dò đặt từng chân một xuống mặt đất. Với một sự thận trọng hết mức, ngài bước về phía cổng vườn và chuẩn bị bước xuống ba bậc thêm bằng đá dẫn ra vỉa hè. Cùng lúc đó, thằng bé Gustavo, không nhìn thấy ngài Cesareo, cuối cùng ném trúng một cái lon trong hàng lon rỗng; cái lon ấy, sau khi nảy bật vào những chỗ nhô ra của các bức tường, đã rơi thẳng xuống khu vườn của ngài Cesareo với những tiếng loảng xoảng âm ỉ. Ông già, đang đứng giữa các bậc thêm, giật mình nghe tiếng động, trượt chân không kiểm soát được và ngã đập đầu vào bậc thêm sát mặt đường.

Tôi nhìn thấy tất cả, nhưng đứa bé không nhìn thấy ông lão, mà ông lão cũng không nhìn thấy đứa bé. Chẳng hiểu vì lý do gì, chỉ một lát sau thằng bé Gustavo rời khỏi mặt sàn mái bằng của căn nhà. Trong vòng vài giây đồng hồ, nhiều người túa ra tập trung quanh cái xác của ông già Cesareo, và ai cũng thấy rõ ràng, cú trượt ngã ngẫu nhiên đã là lý do giết chết ông lão.

Sáng hôm sau tôi dậy thật sớm và lập tức ra ngồi trước cửa sổ. Đám tang ngài Cesareo được tổ chức tại tòa nhà có hình năm góc, nhiều người ngồi hút thuốc và trò chuyện trên vỉa hè.

Một lát sau, những người đang tập trung ở đó bỗng đứng hẳn ra một bên với sự khiếp sợ và thái độ khó chịu khi từ nhà Adriana có một tên ăn mày đi ra, cũng với bộ quần áo rách rưới, chiếc nón rơm nhẵn nhúm, chiếc áo choàng xám xịt và cái túi dơ bẩn. Y đi ngang qua đám người đàn ông đàn bà đang đứng nhón nháo ở đó, từ từ chậm chạp biến mất trong khoảng xa xa, theo đúng cái hướng mà hai lần trước tôi đã thấy.

Đến trưa, với sự phiền muộn mà không có chút gì ngạc nhiên, tôi được biết rằng sáng hôm ấy, người ta không thấy thằng bé Gustavo nằm trong giường của nó như mọi ngày. Gia đình Bernasconi đã tiến hành cuộc tìm kiếm vô vọng, và với một niềm hy vọng mong manh mà thực ra là vì ngoan cố, cuộc tìm kiếm ấy vẫn còn tiếp tục đến tận ngày nay. Chẳng bao giờ tôi có đủ can đảm để khuyên họ từ bỏ cuộc tìm kiếm đó.

Nguồn: *The Return*, bản dịch tiếng Anh của Thomas C. Meehan, từ <http://www.eastoftheweb.com>

Fernando Serrentino là một nhà văn người Argentine viết tiếng Tây Ban Nha, sinh sống ở Buenos Aires. Tác phẩm của ông phần lớn là truyện ngắn, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. ■



Chùa làng thơm ngát hương sen

HOÀNG THỊ GIANG

Ngôi chùa làng tôi nằm ở ven đê, ngay cạnh cổng làng rêu phong cổ kính mà vữa xây đã nứt nẻ từng khoảng để lộ ra cả những viên gạch non màu hồng đỏ nung thiếu lửa. Trước chùa, cũng là một cái cổng cũ kỹ cổ kính nữa nhưng được trang trí rất đẹp đẽ, cầu kỳ và tỉ mỉ; có hàng dây leo với những chùm hoa màu tím, màu vàng quanh năm đua nở. Ấy vậy nhưng mỗi khi đi ngang qua cổng chùa tôi

cứ thấy sờ sợ, chung quy cũng tại vì có hai ông tượng đắp nổi thoạt trông rất dữ tợn án ngữ ngay hai bên cổng. Hồi bé, mỗi khi lên chùa vào những ngày mồng một và ngày rằm, tôi cứ níu cả tay bà nội và nép sát người bà rồi len lén qua cổng chùa, dù mình chẳng làm gì nên tội cả. Nội bảo đó là hai ông hộ pháp giữ chùa, mặt mày dữ tợn như vậy để có thể ngăn kẻ xấu, những người không có thiện tâm vào chùa. Nội bảo thêm, vì vậy, cháu bà phải ngoan



ngoãn, chăm học, nghe lời cha mẹ và thương yêu những người xung quanh mình. Hồi ấy, thú thực tôi cũng chẳng hiểu hết những lời nội nói vì vừa qua khỏi cổng chùa là tôi đã bước vào một thế giới khác. Thế giới của những cánh hoa màu trắng phơn phớt hồng thơm ngát tỏa hương khắp cả tâm hồn cô bé mười một tuổi đầu non trẻ.

Có lẽ, trong rất nhiều hình ảnh đẹp đẽ, yên bình và thánh thiện của ngôi chùa làng thân thuộc thời niên thiếu thì cái làm tôi ấn tượng và khó quên nhất chính là ao sen nằm ngay bên trái tòa đại điện. Cứ vào đến đó là y như rằng tôi bỏ tay nội ra, tung tăng chạy lại bên hồ, ngồi bên chiếc bệ cao có hình con sư tử ghéch đầu, nhô hàm răng bằng đá cẩm thạch ra và ngó nghiêng xuống bên dưới, nơi những lá sen màu xanh to như chiếc rổ của nội nằm ngênh ngang trên mặt nước cũng màu xanh ngọc bích. Tự nhiên, tôi thấy hai bím tóc mình động đậy, in rõ mồn một trên nền nước có tán lá sen trong vãn vất ấy. Tôi còn nhớ rõ cảm giác thích thú khi có một chú chuồn chuồn ớt đuôi màu đỏ chót bay ngang qua đầu hồ lên mặt nước, chỗ viền lá sen. Khi ấy, cả tấm gương thiên nhiên và đôi mắt mở to của cô bé mặc áo màu mận chín là tôi đều tan ra, tan ra theo những vòng tròn đồng tâm. Vừa nhẹ nhàng vừa thanh giản đến yên bình. Chẳng hiểu sao không bao giờ tôi ghét chú chuồn chuồn ấy mà lại thích thú ngắm nhìn chú. Phía bên kia, cách cái bóng nằm yên như bất động trên lá sen ấy là một bông sen non mới nhu nhú sau kẽ lá xanh lơ. Bông sen nhỏ bé nhưng lại nổi bật giữa màu xanh của hồ và lá. Mùi hương sen thoang thoảng nhưng lại lấn át hết những dư vị hỗn tạp của bùn. Mãi về sau này tôi mới biết những so sánh ấy, còn lúc ấy tôi chỉ thích thú ngắm nhìn những bông sen như một tòa thiên nhiên tuyệt diệu ấy bởi vì nó đẹp, một vẻ đẹp thuần khiết như thân thương từ tiền kiếp nào mắc míu tới tận bây giờ.

Hôm nào cũng vậy, khi nội bước ra từ đại điện sau khi đã thành tâm tụng kinh niệm Phật tôi mới chịu rời bỏ những bậc cầu ao xây bằng gạch nghiêng nghiêng để ra về. Nhiều lúc, thấy tôi thích hoa sen quá, nội thường bảo mẹ Út khi đi chợ Đình thì mua mấy nụ về cho tôi chơi. Nhưng nhìn những bông sen mẹ mua về, tôi chẳng có cảm nhận hay thích thú gì. Hình như chỉ những bông sen mọc ở trong chùa mới đẹp đẽ và đáng mến hay sao ấy. Tôi không giải thích được vì sao lại như thế, vì sao cùng một đồ vật nhưng ở trong chùa thì ta luôn cảm thấy nó đẹp đẽ, có hồn, đáng trân trọng hơn là khi nó có mặt giữa chợ đời bon chen mua bán.

Thế rồi bằng đi một thời gian khá dài, tôi bận bịu với vô vàn những trang sách, những công thức, những cuộc thi liên miên bất tận và những hối hả của cuộc sống thị thành mà ít về quê, ít lui tới ngôi chùa làng thuở ấu thơ với những ngó sen màu hồng thơm ngát. Đôi lúc, nhất là khi mệt mỏi, khi muốn buông xuôi với những mưu sinh vất vả, tôi lại nhớ về hình ảnh chú chuồn chuồn màu đỏ tía đậu hờ trên búp sen năm nào. Nó như một nốt nhạc tươi đẹp mãi ngân lên trong lòng tôi những thanh âm giống giả bồi hồi.

Không biết giờ này, sau bao nhiêu biến động của một kiếp nhân sinh dâu bể, liệu ao sen với những chiếc lá to như cái rổ của nội cùng nụ non mới nhú ấy có còn không? Có còn để cho tôi hay chú chuồn chuồn năm nào có nơi mà quay về, mà dừng lại lấy sức trong chặng đường vất vả phía trước của một kiếp người nhiều đau thương biến động. Chợt nhận ra, có lẽ mùi thơm thoang thoảng của nụ sen mới nở nơi ao chùa năm nào là mùi thơm dễ chịu, trong trắng và thanh bạch nhất trong đời mà ta từng ném trái. Để mười mấy năm sau cô bé ngày xưa vẫn còn thấy thơm ngát như mới hôm qua. Xin cảm ơn những bông sen ngày ấy và ngôi chùa làng thân thuộc đã cho tôi một khoảng trời tuổi thơ đẹp đẽ với những ký ức thần tiên mà yên bình quá đỗi. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

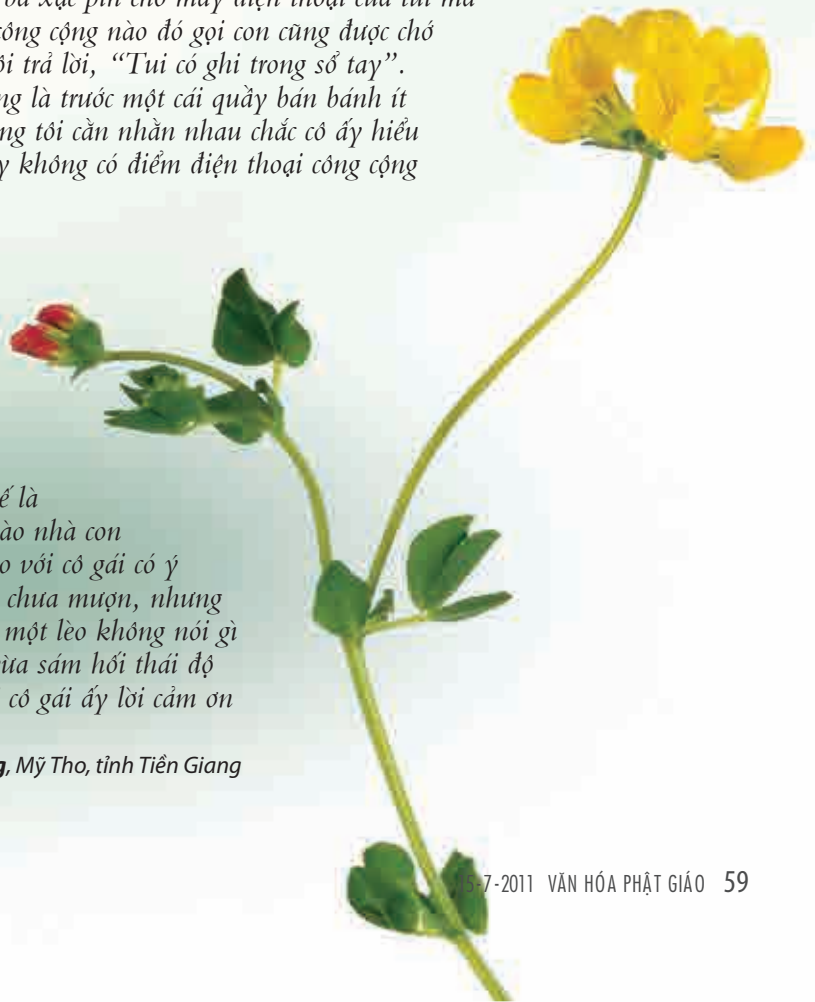
Một tuần lễ trước ngày thi đại học, vào buổi chiều, sau khi đi học về, đứa em gái của em liền thoáng kể rằng nó được người giúp. Nó bảo hôm ấy nó cột một chõng tập vở trên yên sau chiếc xe Honda cũ kỹ chạy tới nhà bạn để học nhóm. Trên đường Ngô Đức Kế, Bình Thạnh nó đi qua một chỗ gặp ổ gà, chiếc xe của nó nảy lên, sợi dây ràng xe tuột ra khiến cả chõng tập vở rớt hết xuống đường. Gần đó có mấy người thanh niên đang ngồi uống cà phê trong một cái quán ven đường. Có một anh thanh niên thấy vậy, chạy ra giúp nó nhặt nhanh những quyển tập bị rơi, sau đó còn cẩn thận kiểm dây cột lại thành một chõng trước khi ràng lại trên yên xe cho nó. Trong lúc làm việc, anh thanh niên nọ có nhắc nhở đứa em của em rằng sao chõ tập vở mà lại bắt cần, không cột tập lại thành chõng, nếu có rơi thì cũng không tung tóe. Biết tính đứa em, em hỏi nó, thế em có cảm ơn người ta không. Đứa em của em trả lời rằng ông la em làm em hơi bị quê, thành ra khi xong là em phóng xe đi luôn, không nghĩ gì tới chuyện cảm ơn ông.

Em viết lại chuyện này, một mặt là để nhờ báo VHPG cảm ơn người thanh niên đó giúp em, mặt khác để nhắc nhở nhỏ em của em, sao cho lúc nào cũng sẵn sàng lời cảm ơn mỗi khi có người giúp mình bất kỳ việc gì dù lớn dù nhỏ.

Châu Thị Ngọc Hiệp, cư xá Thanh Đa, Bình Thạnh

Nửa tháng trước, ông xã tui nhận được i-meo của con trai khoe vợ chồng nó mới mua được căn nhà cấp bốn ở xã Vĩnh Lộc huyện Bình Chánh và mời ba má lên coi nhà. Thứ Bảy vừa rồi, sáng sớm, hai vợ chồng tui đi xe gắn máy từ Mỹ Tho lên Sài Gòn. Trong i-meo, con trai tui hướng dẫn rất kỹ, Ba má tới đường Lê Trọng Tấn lối vô nhà đi Tu nhưng cứ đi thẳng hết đường rồi chạy tiếp qua đường Nguyễn Thị Tú; dọc đường kiếm lối quẹo tay phải vô đường Quách Điều, hỏi thăm đường liền áp 2-6 phía tay trái. Đi chừng 5 cây số, ba má gặp công ty... thì đó là đầu hẻm lớn vô nhà con. Đúng đó, ba má kêu điện thoại, vợ con ra đón". Trước khi về sống tại quê nhà ở Tiền Giang, ông xã tui làm việc trong vùng Bình Chánh nên ông rành đường. Tới chỗ con trai dặn mới bảy giờ sáng. Ông dùng xe, lấy điện thoại di động ra gọi cho con dâu thì mới tá hỏa vì điện thoại hết pin. Ông cần nhân tới, Tới qua nhắc bà xạc pin cho máy điện thoại của tui mà bà không lo". Tui nói, "Thì ghé lại chỗ điện thoại công cộng nào đó gọi con cũng được chứ sao?". Ông gất, "Làm sao tui nhớ số của nó?". Tui trả lời, "Tui có ghi trong sổ tay". Vừa nói, tui vừa lấy sổ tay ra. Chỗ vợ chồng tui đứng là trước một cái quầy bán bánh ít bánh tét của một cô gái còn trẻ. Nãy giờ nghe vợ chồng tui cần nhân nhau chắc cô ấy hiểu chuyện, nên nói với ra, "Vùng này mới mở, gần đây không có điểm điện thoại công cộng nào đâu. Chạy ra đầu đường có tới năm cây số chứ không ít. Nếu biết số, chú thím xài điện thoại của con nè. Một cuộc gọi không đáng bao nhiêu". Cô ấy lấy chiếc điện thoại di động ra đưa cho tui. Vợ chồng tui nhìn nhau. Ngay lúc đó, ông xã tui mừng rỡ reo lên, "Hình như vợ thẳng Sơn kia!". Tui quay lại, quả thật con dâu tui chỗ đưa cháu nội đang tới gần. Nó cho hay sáng sớm đã ra chợ ở đầu ngã ba mua thức ăn, đoán chừng giờ vợ chồng tui tới nên vội quay về. Thế là vợ chồng tui theo con dâu vào nhà nó. Trên đường vào nhà con dâu, tui giật mình nhớ ra, mình chưa nói một lời nào với cô gái có ý định cho mình mượn điện thoại di động. Mặc dù tui chưa mượn, nhưng lòng tốt của cô ấy là quá rõ. Vậy mà vợ chồng tui đi một lèo không nói gì với cô ấy, thật bất lịch sự! Viết lại chuyện này, tui vừa sám hối thái độ thiếu lịch sự của vợ chồng tui, vừa mong được gửi tới cô gái ấy lời cảm ơn về tấm lòng của cô.

Phạm Thị Ngọc Trang, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang





Tâm lòng của một doanh nhân

Nhân dịp đến tham quan nhà xưởng của Công ty Điều khắc Phật giáo Sơn Hà, nơi chuyên xuất khẩu tranh, tượng gỗ sang Hàn Quốc. Chúng tôi có cuộc trao đổi với Giám đốc Kwon Young Won như sau:

NPV: Nhân duyên nào Giám đốc đã chọn theo con đường điêu khắc mỹ thuật Phật giáo?

Giám đốc: Tuổi thơ tôi thường theo mẹ đi chùa. Tôi ao ước mình sẽ vẽ và tạo ra được nhiều tôn tượng Đức Phật và Bồ tát to lớn và đẹp hơn để tôn trí tại các chánh điện. Nên khi thi vào đại học, mặc dù cha mẹ muốn tôi theo ngành QTKD, nhưng tôi đã quyết định chọn con đường mỹ thuật và điêu khắc Phật Giáo tại Đại học Dong Kuk.

• Giám đốc đã tham gia ngành điêu khắc mỹ thuật Phật giáo được bao lâu?

- Sau khi tốt nghiệp đại học, không kể thời gian tôi đến làm việc với doanh nghiệp bạn. Sau đó tôi mở Công ty Điều khắc Phật giáo với thời gian 20 năm ở Hàn Quốc. Kế tiếp tôi chuyển sang đầu tư tại Việt Nam cũng được 20 năm.

• Duyên lành nào giúp Giám đốc phát tâm điêu khắc tranh, tượng phục vụ các chùa, tịnh xá ở Việt Nam?

- Thời gian gần đây tôi có dịp tiếp xúc với chư vị tôn đức Tăng Ni Việt Nam và tôi cảm thấy rất vui khi được đón nhận những tình cảm ấm áp, thâm thiết đạo tình của chư vị. Nhờ vậy tôi quyết định mở rộng hoạt động điêu khắc Phật giáo phục vụ các chùa, tịnh xá ở Việt Nam và đó cũng là thể hiện tấm lòng tôi luôn yêu quý đất nước các bạn và chọn Việt Nam là quê hương thứ hai.

Xin chân thành cảm ơn Giám đốc.

PHÁP TUỆ thực hiện

CÔNG TY ĐIỀU KHẮC PHẬT GIÁO SƠN HÀ

Giám đốc Kwon Young Won, ĐT: 090.3669098 – Chị Phượng, ĐT: 091.8024680 – Website: www.sanhovina.com – Email: sanha9098@maver.com



Cơ duyên của một nữ doanh nhân với Ngọc trắng Miến Điện

THANH MAI

Đến thăm Showroom Ngọc trắng Miến Điện, chúng tôi vô cùng thích thú được chiêm ngưỡng những nét đẹp nghệ thuật điêu khắc của các tôn tượng Đức Phật và chư vị Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Đại Hạnh Phổ Hiền, Quán Thế Âm, v.v... bằng ngọc trắng Miến Điện cùng với những bức tranh cát, tranh thêu, xâu chuỗi 108 và 18 hạt bằng gỗ đàn hương (mùi thơm dịu dịu như hương trầm), hộp Thanakha... Tất cả như hòa quyện trong không gian thanh tịnh, gợi nhớ cho chúng tôi về những ngôi chùa tháp thiêng liêng thờ xá lợi của Đức Phật trên miền đất mà mình đã một lần có duyên hành hương chiêm bái.

Đón chúng tôi là chủ nhân của Showroom Ngọc trắng Miến Điện, nghe chị giới thiệu về chất lượng

Ngọc bích-Nephrite và Ngọc trắng Miến Điện đã nói lên trình độ am hiểu khá vững về các loại ngọc cũng như toát lên giá trị ngọc trắng của các tôn tượng. Được biết, chị là Phật tử thuần thành và có cơ duyên đến với đất nước Miến Điện nhiều lần, chiêm bái các chùa tháp nổi tiếng ở Yangon, Mandalay, Bagan và đánh lễ với các bậc cao tăng... Tất cả tạo thành tổng lực, thôi thúc chị khai mở Showroom Ngọc trắng Miến Điện với mong muốn để tạo cầu nối cho quý Phật tử chưa có duyên hành hương về miền đất chùa tháp Miến Điện - với những người dân hiền hòa dễ mến, cùng với cảnh

các nhà sư đi khất thực buổi sáng từ các ngôi chùa đã làm sống lại hình ảnh cao quý của thời Đức Phật và chư vị Thánh tăng còn tại thế. Lê cảnh cúng dường hàng ngàn vị Tăng ở thiền viện Kyar Khat Wine tạo phúc duyên cho Phật tử cũng như các nơi dành cho người học tu với các thiền đường rộng lớn - trường đại học Phật giáo...

Quý Phật tử hãy một lần đến thăm Showroom Ngọc trắng Miến Điện để tự mình cảm nhận nét đẹp nghệ thuật được trưng bày nơi đây và tùy duyên thỉnh tượng, tranh để cúng dường về chùa, tịnh xá hoặc tôn trí trang nghiêm tại tư gia...

SHOWROOM NGỌC TRẮNG MIẾN ĐIỆN

B10, đường Trường Sơn, Q.10, TP.HCM (sau lưng công viên Lê Thị Riêng)
Hoặc ĐT: 0908880788, 08.39700354 & 08.39705471 để biết thêm chi tiết.



Hương Thiền

Nhà hàng chay Thái Lan

- Phục vụ chay phong phú
- Không sử dụng bột ngọt, không hóa chất độc hại
- Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu...

ĐC: B10 Trường Sơn, P.15, Quận 10 Web: www.huongthien.net
 Tel: 08.3970.5471 - Fax: 08.3970.0354 Email: info@huongthien.net



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)
Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- Cửa hàng 1: 10 Khu B, Trường Sơn, P.15, Q.10 - ĐT: (08) 3970.5471
- Cửa hàng 2: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752
- Cửa hàng 3: 237 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3692.799
- Cửa hàng 4: Siêu thị Hoàng Lan, 615 - 616 QL 1A, Trảng Bom, Đồng Nai

Canh rong tóc tiên

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Rong tóc tiên là một loại rong nước ngọt, dạng sợi nhỏ mịn như tóc màu xanh đen, dùng để nấu những món ăn nước rất thích hợp. Món canh tóc tiên có vị ngọt mát, thơm nhẹ mùi rong rêu.

Vật liệu:

- Rong tóc tiên khô: 5gr
 - Nấm rơm khô: 10gr
 - Khoai môn cao: 300gr
 - Bột bắp: 3 muỗng súp
 - Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Rong tóc tiên: ngâm, rửa sạch, để ráo

- Nấm rơm khô: rửa sạch, để ráo. Ướp với chút muối, tiêu, nước tương, boa-rô băm nhỏ

- Khoai môn cao: Gọt vỏ, hấp chín, xay nhuyễn. Cho vào một chút muối, tiêu, boa-rô băm nhuyễn và bột bắp. Nhồi cho đều đến khi thành một khối dẻo, vo thành những viên tròn nhỏ.

Bắc nồi nóng, cho vào 1 muỗng súp dầu ăn phi thơm với boa-rô, bỏ nấm rơm vào xào thơm. Tiếp đổ nước đủ dùng nấu sôi, thả những viên khoai môn cao vào nấu đến khi những viên khoai nổi lên là chín.

Thả tóc tiên vào, nêm nêm lại vừa ăn, canh sôi là được.

Nhấc xuống mức ra tô, rắc tiêu bỏ ngò lên mặt.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN[®]
Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ó Mồi, P. Phú Thuận, Q. 7



ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM
BAN VĂN HÓA THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI NHẠC HỘI

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN



Vu Lan

ĐỒNG VỌNG 1



VỚI SỰ THAM GIA

MỸ LINH, CẨM VÂN, PHƯƠNG THANH, QUANG LINH, CẨM LY, NGUYỄN VŨ, SỸ LUÂN
HÀ ANH TUẤN, THANH NGỌC, ĐÔNG QUẢN, QUÁCH TUẤN DU, BẰNG CƯỜNG, NHÓM MTV ...
MC: HỮU LUÂN - QUỲNH GIANG

Tại **SÂN KHẤU LAN ANH**

291 Cách Mạng Tháng Tám, Q.10, TP.HCM
20h00 ngày **31/7/2011** (nhằm mừng 1 tháng 7 Âm lịch)

CHỦ ĐỀ

Đổi cả thiên thu
tiếng **Mẹ** chờ

ĐẶC BIỆT

VŨ NHẠC KỊCH MỤC LIÊN THANH ĐỀ

Có Văn Tổ Chức
BAN TRỊ SỰ THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM
Đơn Vị Tổ Chức
BAN VĂN HÓA THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM
Đơn Vị Thực Hiện
CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MANI
Đạo Diễn
SƠN VỎ

NƠI BÁN VÉ:

Phòng Vé Lan Anh (291 CMT8, Q.10, TP.HCM) • Tòa Soạn Báo Giác Ngộ (85 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3)
• Chùa Phổ Quang (64/3 Phố Quang, Q.Tân Bình) • Việt Chay (Chùa Vĩnh Nghiêm - 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3)
• Công Ty TNHH Truyền Thông MANI (58 Nhiêu Lộc, P.2, Q.PN - 3517 2268) • **HOTLINE: 0168 683 6838**

QUÁN CHAY
pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

viet-art

HOA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

Công ty TNHH TM-SX
QUANG NGHỆ

Candles 光 QUANG NGHỆ CO., LTD. 藝
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG
- DD: 0989 183 398

* Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

* Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước.

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5 - Q.11 - TP.HCM
ĐT: (08) 38840.322 - 22000.993 - **Fax:** (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



Chung tay xây dựng nhịp cầu...

PHÁP TUỆ

Chúng tôi có duyên đến thăm chùa Long Thanh mới cảm thông được sự nhọc nhằn, vất vả và lo lắng của Sư cô Thích nữ Huệ Nghiêm, trụ trì và Phật tử bốn tự về sự cần thiết để xây dựng một cây bắc sang sông dài 60m, bề ngang lọt lòng 2,5m. Được BDD Phật giáo huyện Cai Lậy, chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi và UBND Tỉnh Tiền Giang - Sở Giao thông Vận tải phê duyệt cho xây cầu với dự toán 1,5 tỷ đồng.

Chùa Long Thanh tọa lạc trên khu đất trước dòng sông ở tỉnh Tiền Giang. Hàng ngày Phật tử đến chùa phải đi bằng xuống, ghe. Những khi trời trở gió, sóng to, Phật tử đến chùa rất khó khăn và có phần nguy hiểm. Tuy vậy sinh hoạt của chùa khá sinh động và thu hút Phật tử và bà con nghèo lao động trong vùng. Hàng ngày Phật tử được Sư cô trụ trì dẫn chúng công phu bái sám, tụng kinh từ 19 giờ đến 20 giờ 30 có khoảng gần 40 Phật tử tham dự, vào ngày nông nhàn thì số người tham dự đông hơn. Các ngày rằm,

mồng một chùa được chư tôn đức ở BDD PG huyện Cai Lậy thuyết giảng...

Kinh phí xây cầu, Sư cô trụ trì và Phật tử bốn tự sau nhiều đợt vận động chỉ được 200 triệu đồng. Cảnh chùa nghèo vùng sâu vùng xa chỉ có vậy. Tất cả đều mong chờ được chư Tăng Ni, Phật tử và các vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm gần xa mở lòng, chung sức.

Vừa qua, vào ngày 24-5 Tân Mão (25-6-2011) chùa đã tiến hành động thổ xây cầu và làm lễ an vị tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm cao 8 mét. Sư cô trụ trì và Phật tử bốn tự kính mong được sự trợ duyên tịnh tài góp phần cho Phật sự xây cầu sớm được viên thành.

Mọi sự giúp đỡ xin hoan hỷ gửi về: Sư cô Thích nữ Huệ Nghiêm, trụ trì chùa Long Thanh, ấp 7, xã Tân Bình, H.Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, ĐT: 073.6531436 - 091.7374098



Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyền, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

ĐIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định) / **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 134

Đặc biệt mừng Lễ Vu lan

Phát hành ngày 1 - 8 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
TP. Đồng Hới - Quảng Bình
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân

31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG